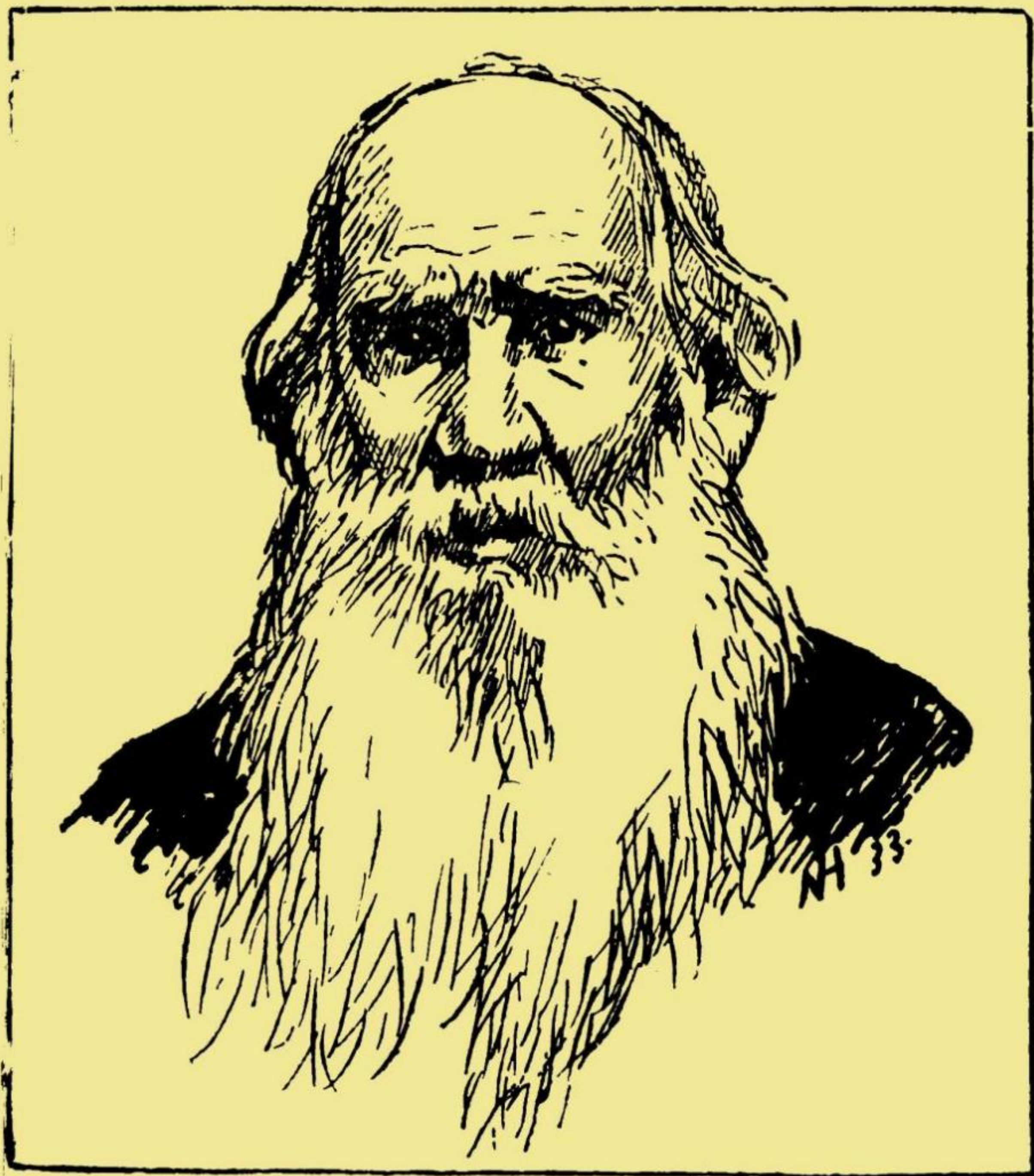




Số đặc - biệt
giới-thiệu Léon Tolstoï



TẠP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TUỞNG NGHỆ-THUẬT
.....
NĂM THỨ SÁU • SỐ 128 • RA NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1969

đọc trong số này :

● VIẾT VỀ LÉON TOLSTOI :

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| 1. Viết về Léon Tolstoi | Alexandra Tolstoy |
| 18. Lời cảm ơn gửi nhà xuất bản | Nguyễn Hiến-Lê |
| 79. Vài cảm nghĩ xuôi dòng | Trần Phong-Giao |

● ĐỌC TRUYỆN LÉON TOLSTOI :

- | | |
|--|-----------------------|
| 23. Ba cái chết | Nguyễn Kim Phụng dịch |
| 37. Các cô bé khôn hơn người lớn | — |
| 39. Người ta sống bởi gì | — |
| 63. Cái xấu cảm dỗ nhưng cái tốt tồn tại | — |
| 66. Việc làm, sự chết và bệnh tật | — |
| 69. Thiện ác đảo đầu | Lạc-Nhân dịch |

● SÁNG-TÁC VÀ MỤC THƯỜNG-XUYỀN :

- | | |
|--|---------------------------|
| 85. Đêm xóm Lách mật mừng (truyện dài) | Thanh-Tâm Tuyên |
| 91. Túy-Hồng, ở phút-nói-thật | Nguyễn-Trần Huy phỏng-vấn |
| 100. Tin văn văn | Thư-Trung và các bạn |
| 109. Mục lục sách báo đã xuất bản từ 1964 đến 1969 | Văn |

● BÌA :

Chân dung Tolstoi do Nguyễn Phi Hoanh vẽ



Tòa-soạn và Trĩ-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. B.T. . 23.595

Tạp-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

- Chi-phiếu, bưu-phiếu để tên ông Nguyễn-đình Vương (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm để tên ở Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
- Giao - thiệp trực - tiếp ông Gia - Tuấn (phụ - tá thư-ký tòa - soạn)
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản-lý : Nguyễn-đình Vương

Alexandra Tolstoy

viết về

LEO TOLSTOY

Bài dưới đây được phiên dịch từ một bản Anh-dịch. Muốn tìm hiểu sâu rộng hơn về thân thế và sự nghiệp của Leo Tolstoy chúng tôi đề nghị bạn đọc nên tìm xem phần mở đầu bản Việt-dịch Chiến-tranh và Hòa-bình của Nguyễn Hiến Lê, quyển 1, do nhà Lá Bối vừa ấn hành.

LEO TOLSTOY SINH NĂM 1828, GIAI ĐOẠN ĐẮNG CAY SAU cuộc « cách mạng tháng chạp » không thành : Sau khi dẹp được phe phản loạn, Vua Nicolas I cho xiết chặt vòng kiểm tỏa các phần tử trí thức có khuynh hướng tự do ở Nga, và ra lệnh xử tử những chính trị phạm.

Leo được một tuổi rưỡi thì mẹ chết. Ông không thể nào nhớ được khuôn mặt mẹ ông, nhưng ông tưởng tượng ra bà một cách linh động, như thể ông hiểu rõ và thương mẹ lắm. Bà là bá tước phu nhân Marie Tolstoy, bà tài hoa, khả ái và học rất rộng. Tolstoy đã tả bà trong tập *War and Peace* dưới tên công chúa Marie Bolkonsky. Có lẽ Tolstoy thừa hưởng tài hoa của mẹ trong việc viết văn. Bà Marie yêu mến văn chương lắm, đọc rất nhiều và thường kể chuyện rất hay cho các con nghe.

Lúc Leo (là con út) lên tám tuổi thì cha chết. Ông Nicolas Tolstoy chết để lại các con cho bà nội nuôi, rồi sau các cô Tania và Pelagie nuôi. Tất cả có năm anh chị em là Nicolas, Serge, Dimitri, Leo và Mary.

Hồi Leo được năm tuổi thường cùng các anh chơi đùa thân ái. Mấy anh em thường tin rằng bí quyết của một cuộc đời hạnh phúc (tức sống không cãi cọ nhau, biết thương yêu nhau) đã được viết trên một hòn đá xanh chôn gần dòng suối nước đen, dưới mấy cụm cây sồi nào đó. Anh em bèn đi tìm hòn đá.

Ngay từ thuở thiếu thời, Tolstoy đã tỏ ra yêu thích những vấn đề tinh thần, đạo đức. Tolstoy thường tự hỏi mục đích cuộc đời là gì, người ta sống để làm chi, và Tolstoy thường suy nghĩ về cái vĩnh viễn của cuộc đời cùng sự bất tử của tâm linh...

Suốt hai năm theo học đại học Kazan, Leo thường đi hội họp, khiêu vũ, thăm viếng, hơn là học hành. Chàng muốn tỏ ra lịch sự, hấp dẫn, nhưng khổ vô cùng vì chàng không được đẹp trai, lại vụng về lúng túng, các cô gái thích những cậu khác hơn chàng. Trong chàng lẫn lộn những tư tưởng triết lý, những tham vọng giàu sang, danh tiếng, những hoài vọng được học hành và nổi danh...

Tolstoy thường mơ được có một người đàn bà để chàng yêu say đắm có thể hy sinh dâng trọn đời mình cho nàng, nhưng khi giao thiệp với đàn bà, chàng gặp phải đắng cay hối hận.

Là một sinh viên nghèo, có lúc Tolstoy nghiền cứu học đông-phương-ngữ, nhưng thất bại, xoay qua học luật. Cuối năm thứ hai chàng quyết định bỏ đại học, về miền quê, nghiền cứu. Chàng vạch ra một chương trình bao quát: sẽ nghiền cứu luật, y khoa thực nghiệm, học Anh-ngữ, Pháp-ngữ, Đức-ngữ, tiếng Latinh, tiếng Ý, nghiền cứu về canh nông, sử học, địa lý, thống kê, toán học vân vân và vân vân...

Ở quê, Tolstoy bỏ bè ngoài chài chuốt, bỏ cả những ao ước được giao thiệp mọi người, mà trở nên đơn giản và chỉ theo đuổi những tư tưởng triết lý. Chàng đọc rất nhiều, và thích nhất là Hegel, Voltaire và đặc biệt Rousseau.

Mười chín tuổi Tolstoy đã bắt đầu nghĩ ngợi về nỗi khổ đau của giai cấp nông nô. Đó, những người sống gần gũi quanh ông, chẳng phải là đa số những nông nô làm việc cực khổ, chịu đòn đau, sống trong nghèo nàn, mà thực ra họ cũng nghĩ ngợi cũng có cảm giác như ông, đó sao? Nhưng việc giúp đỡ người dân quê không phải là chuyện dễ, trước khi xóa bỏ được giai cấp lớp

người nông nô. Leo thường mất can đảm, rồi theo những ham muốn của bản tính chàng: đàn bà, cờ bạc vân vân...

Gần suốt đời bao giờ Tolstoy cũng có một quyển nhật ký. Chàng vạch ra trong đó những đường phải theo, chẳng hạn như: «đừng bắt người khác làm việc gì cho mình nếu mình làm được», hay là: «đừng kể đến dư luận nếu dư luận không đặt nền tảng trên lương tri», hoặc nữa: «đừng rượu chè, đừng cờ bạc». Chàng ghi hết những tội lỗi của mình: lười biếng, nói láo, tham lam, hay do dự, ưa phô trương, đủ thứ cả... Mỗi lần chàng phạm vào những điều đã vạch thì chàng hối hận cách chua xót rồi cầu nguyện Chúa giúp chàng sửa đổi tội lỗi.

Năm hăm bốn tuổi thì Tolstoy khởi sự viết quyển tiểu thuyết đầu tay của chàng, rất lớn, đó là quyển: *Childhood, Boyhood and Youth*, (Thuở ấu thời, Thiếu niên và Thanh niên). Vào lúc này chàng là một «Junker» đóng đô ngay ở Caucasus với người anh cả là Nicolas. Qua thế kỷ thứ 19, xứ Georgia — một xứ độc lập ở miền nam Caucasus — bị đặt dưới quyền cai trị của người Nga. Dân Georgia liền chống cự mãnh liệt lại những người Nga thống trị. Tolstoy phải nhập ngũ, hai năm rưỡi trong đoàn quân chống phản loạn. Tình yêu của chàng đối với một cô gái Cossack và tình bạn của chàng đối với những người sống cuộc đời đơn giản, đã gây cảm hứng cho chàng viết cuốn tiểu thuyết thứ hai: *The Cossacks* (Những người Cossack, 1854).

Phần đầu cuốn tiểu thuyết trên kia, tức phần *Childhood* được in trong tạp chí *Contemporary* và ký dưới bút hiệu tắt L.N.T. Nó lôi kéo sự chú ý của toàn thể giới văn học Nga, trong đó có cả Dostoevsky (lúc này đang bị đày) và Turgenev, họ đều tự hỏi không biết thiên tài này là ai đây.

Suốt thời gian chiến tranh Crimea (1854-56), khi hải quân Anh Pháp bao vây thành Sevastapol, Tolstoy ở trong đoàn quân bảo vệ kinh thành. Lòng yêu nước của chàng, lòng cảm phục của chàng đối với sức mạnh và lòng dũng cảm chỉ hấn nại của binh sĩ Nga, đã gợi cảm cho chàng viết những truyện ngắn về Sevastapol. Giới văn học nhận chân ngay ra được giá trị của những truyện này. Turgenev viết: «Những truyện của Tolstoy về Sevastapol thực là những truyện kỳ diệu.» Vua Alexander II đọc xong thì ra lệnh dịch ra Pháp-văn. Hoàng hậu thì xem xong khóc

Mùa Xuân năm 1861, Tolstoy và Turgenev đi thăm người bạn thi sĩ là Fet. Trong lúc nói chuyện, nhân nói về lòng bác ái, Tolstoy và Turgenev cãi cọ nhau, rồi đồ ra gây nhau và xuýt thành một cuộc đấu thí. Hồi ấy chuyện thí đấu nhau rất tàn nhẫn. Giới văn học Nga vẫn chưa quên cuộc thí đấu đã làm chết mất hai nhà thi sĩ vĩ đại là Pushkin và Lermontov. May nhờ Fet dàn xếp. Nhưng cũng mãi 17 năm sau Tolstoy mới viết cho Turgenev một bức thư hòa giải thân thiện và hai người mới nối lại liên lạc.

Những năm 1861-62 Tolstoy hoàn toàn bỏ ngày tháng lo cho những hoạt động hướng dẫn giáo dục. Trong khu vực ông ở có nhiều trường được mở cửa, các thầy giáo trẻ tuổi (độ mười mười hai người) theo gương Tolstoy, làm việc rất hăng hái. Tolstoy có viết: « Chúng tôi thì chỉ có hàng nghìn mà trẻ em thì có hàng triệu. Phải làm gì cho hàng triệu em đó? » Ông càng gần gũi người dân quê ông càng thấy cần phải cải cách rất nhiều để đời sống họ đỡ hơn. « Tại sao những địa chủ lại có thể cứ lợi dụng sức lực người dân quê? Họ có giúp được gì cho dân chúng không? » Và trong tạp chí *Yasnaya Polyana*, Tolstoy viết những bài rất cách mạng về giáo dục và huấn nghệ, làm các nhà sư phạm và trí thức cũng xúc động.

Hệ thống giáo dục của Tolstoy đặt căn bản tuyệt đối trên sự lợi ích của kiến thức dạy cho trẻ. Không có hình phạt và kỷ luật bề ngoài. Tolstoy rất lấy làm lạ về tài năng của trẻ. Ông cùng chung với chúng viết nên truyện, cùng chơi đùa với chúng. Chúng yêu mến ông, yêu mến trường học.

Mùa xuân năm 1862, Tolstoy bắt đầu ho, bác sĩ khuyên ông đến Samara Steppes để nhờ những người Bashkines họ chế sữa-men của ngựa cái, là thứ thuốc trị bệnh phổi hay nhất. Tolstoy dẫn theo một người giúp việc và hai học trò cùng.

Lúc ông đi khỏi thì ở nhà có hai xe chở đầy cảnh sát đến lục soạn mọi móc đọc tất cả thư từ và nhật ký riêng tư của ông. Dư luận cho rằng có người báo cáo Tolstoy in báo bí mật trong nhà, in những tuyên ngôn cách mạng... Khi Tolstoy hay được chuyện đó, ông giận dữ vô cùng, ông viết thư cho Vua Nga nhờ bà Alexandrina Tolstoy là người trong triều đình, dàn xếp. Trong

thư ông nói muốn di cư ra khỏi nước Nga vì thấy nhục nhã và khổ sở. Và tuy chính quyền đã xin lỗi, Tolstoy vẫn thấy hết cả hứng thú làm việc.

Đến đây một trang đời của Tolstoy được lật qua: ông cưới vợ. Nguyên Bác sĩ Andrew Bers ở trong triều là một bác sĩ gốc người Đức. Cả gia đình bác sĩ sống tại Moscow nơi điện Kremlin cùng với bốn trai và ba gái. Hồi bà vợ ông Bác sĩ, là bà Lubov, chưa cưới, thì có quen với Tolstoy. Bà ta đẹp và có học thức. Bà cô con gái được dạy dỗ kỹ lưỡng, biết nhiều sinh ngữ và theo truyền thống quý tộc Nga. Cả ba cô — Lisa, Sophia và Tania — đều đẹp cả. Nhưng Tolstoy yêu Sophia. Tháng chín năm 1862 hai người lấy nhau. Tolstoy rất sung sướng. Ông đem vợ về miền quê (người vợ trẻ hơn ông 17 tuổi). Sophia rất đa cảm, yêu phục chồng cố gắng làm tất cả những gì cho chồng sung sướng. Nhưng ngay tháng đầu chung sống đã thấy hai người có những quan niệm khác biệt nhau về đời sống, về mọi người. Sophia được dạy dỗ lớn lên ở thành phố nên không thích miền quê và dân quê mà nàng cho là thiếu học và dã man. Còn Leo thì lại ghét thành phố, yêu mến thôn quê, yêu mến những người mộc mạc, cảm phục sự nhẫn nại, tính khiêm cung và khôn ngoan của họ. Leo thấy mình như một người tội lỗi không xứng với người vợ trẻ như Sophia. Còn Sophia thì không khỏi nghĩ rằng mình đã hy sinh cuộc đời cho một kẻ quá tuổi hơn mình mà mình không chia xẻ được vui thú. Nàng viết trong nhật ký của nàng: «Tôi thấy như chàng đang cùng với dân quê khởi loạn. Tôi thấy chàng phải chọn hoặc tôi, hoặc dân quê, mà sao chàng có nhiều cảm tình với họ».

Dần dà Tolstoy trở lại công việc văn chương. Ông viết xong cuốn « *The Cossacks* » làm cho ông thêm danh tiếng, và ông viết thêm các truyện: « *Polikushka* » và « *Kholostomer — the Story of a Horse* » (Truyện con ngựa Kholostomer). Ngày 27 tháng 6 năm 1863 đưa con đầu lòng ra đời, tên Sergei. Và cũng năm đó ông khởi sự viết cuốn sách vĩ đại « *War and Peace* » (Chiến-tranh và Hòa-bình).

Ta khó có thể vạch lại công cuộc thành hình của tác phẩm « Chiến-tranh và Hòa-bình ». Trong gần sáu năm trời Tolstoy đã sống, đã chịu đau khổ, đã kết vui mừng với những anh hùng của

thời 1812. Ông sống với Pierre, cùng với Pierre tìm vạch ra cứu cánh cuộc đời và cố nhận thực ra Thượng-đế. Và với anh chàng lính khiêm nhượng, dễ thương Plato Karataev, Tolstoy đã như mô tả được người dân quê ở Nga họ yêu chó mèo, thương bạn bè, thương cả kẻ thù là người Pháp, và chính anh chàng lính điển hình đó đã cùng Pierre tìm ra ý nghĩa cuộc đời.

Tolstoy đã sống và chịu đau khổ cùng với André Bolkonsky, người anh hùng và nhà ái quốc và là nhà qui phái nữa, người đã khái ngộ được đấng Sáng-tạo, tình yêu thương và lòng tha thứ cho kẻ thù, trước khi chết ; Tolstoy sống với Nicolas Rostov, người đã say sưa, chơi bời, cờ bạc nhưng chân thật và cao thượng, yêu nước mà kinh hãi khi giết kẻ thù và bối rối khi được coi như anh hùng bởi vì tự biết là mình đã làm một cái gì đó sai lầm. Tất cả những nhân vật đó đều mang một chút gì của chính Leo Tolstoy. Vì chính Tolstoy đã biết thế nào là đắm mê trong tình yêu, tình cảm yêu nước trong chiến đấu, cảm giác say mê trong cờ bạc, nỗi hối hận vì tội lỗi..., và quan hệ nhất là các nhân vật anh hùng của Tolstoy cũng có một nỗi thôi thúc muốn trở nên tốt đẹp hơn, như chính Tolstoy suốt đời đã mang nỗi thôi thúc đó trong lòng.

Một vài nhân vật trong tác phẩm «Chiến tranh và Hòa bình» có phần giống với những người trong gia đình Tolstoy : Hoàng thân Bolkonsky — Volkonsky, chính là ông ngoại Tolstoy một người cao kỳ không bao giờ chịu cúi đầu trước quyền lực ; Bá tước Rostov, chính là ông nội Tolstoy một người dễ chịu, vui tính. Bá tước Rostov đã xài phí gia tài để cưới nữ-tước Marie Volkonsky — hình ảnh của mẹ Tolstoy —. Phần lớn những nét chính của Natasha Rostova là những nét của chị dâu Tolstoy (Bà Tania Bers. Bà này có sắc đẹp, vui tươi và có giọng soprano rất cao, rất gợi cảm.

Mô tả lại một giai đoạn vô cùng quan trọng của lịch sử Nga, giai đoạn 1805 - 1812, Tolstoy cho rằng lịch sử không do cá nhân tạo dựng, mà chính lịch sử đã đẩy một vài cá nhân tầm thường, thiên cặn, hay một vài kẻ đầy tội ác lên đến chỗ điều hành được thế giới. Tolstoy có viết : « Thuyết định mệnh

trong lịch sử nhiều khi ta phải công nhận mới giải thích nổi vài hiện tượng vô lý hết sức ».

Tác phẩm « Chiến Tranh và Hòa Bình » là một thành công vĩ đại, và được coi như tác phẩm lớn lao nhất của Tolstoy.

Năm 1869 thì Tolstoy đã có được bốn con : Sergei, Tania, Ilya Lev. Ông sống với gia đình trọn thời gian. Đồng thời học chữ Hy-lạp, đọc tác phẩm của Schopenhauer, của Kant cách mê say, Sau đó ông có đi Volga Steppes ở Samara để mua nhà cửa. Lúc này ông không viết gì.

Mùa thu năm 1871, Tolstoy lại quay về việc giáo dục. Ông bận trí tìm cách nào dạy cho trẻ đọc được dễ dàng những truyện hay, ý nghĩa mà chúng không nhàm chán. Ông khởi sự viết tập « *Primer* » (Vỡ Lòng) và bốn tập « *Readers* » (Sách Tập Đọc). Hai truyện « *Prisoner in Caucasus* » (Người tù ở Caucase) và « *God Sees the Truth* » (Chúa thấy Sự Thật) thành công lớn, không những trẻ em và cả người lớn cũng thích. Sự cố gắng của ông đã có kết quả. Hàng trăm ngàn trẻ em Nga học quyền « Vỡ Lòng » và đọc « Sách Tập Đọc », thu thập được nhiều hiểu biết và có óc thi sĩ.

Đầu Xuân năm 1873 tự dưng Tolstoy lại khởi viết tác phẩm « *Anna Karenina* ». Mùa Xuân bao giờ cũng ảnh hưởng đến Tolstoy rất mạnh, vào Xuân ông thấy tràn đầy sức sáng tạo. Trong hai tháng ông cầm bút viết truyện Anna đó, cho đến lúc nghe tin nạn đói ở Samara Steppes, Tolstoy liền xoay qua kêu gọi mọi người giúp đỡ cứu trợ. Gần hai triệu « rúp » quyền được góp giúp dân quê đói khổ.

Bà vợ của ông bao giờ cũng gắng thành một hiền mẫu đối với các con, một hiền thê đối với chồng, nhưng cũng như lúc đầu, bà không cùng chồng chia xẻ những hoạt động xã hội kia ; trừ tác phẩm của ông thì bà thích thú, bà giúp ông chép bản thảo... Song thực ra bà không được hạnh phúc : hai đứa con nhỏ, Peter và Nicola (sinh sau), bị chết. Bà buồn bã viết trong nhật ký : « Thấy mà ngao ngán, hững hờ mọi việc... »

Phần đầu tác phẩm « *Anna Karenina* » của Tolstoy xuất hiện năm 1875. Được phê bình nhiều, Dostoevsky viết rằng đó là tác phẩm hoàn hảo. Nhưng Turgenev thì nói là không thích. Tolstoy

rất mệt vì tác phẩm này ; ông viết thư cho người em họ là Alexandre Tolstoy nói rằng : « Tác phẩm Anna làm phiền tôi quá sức ». Khó nhọc một năm trường sau ông mới hoàn tất tác phẩm.

Tolstoy đã rút ra gì ở cuộc đời để viết tác phẩm đó ? Anna là ai ? Levin, Kitty là ai ? Anna với sắc đẹp của nàng, tóc cuộn trên vai, vẻ người hấp dẫn, chính là hình ảnh Tolstoy cảm hứng khi gặp con gái của thi sĩ Pushkin ở Moscow. Đoạn tả cảnh tự tử, chính là do câu chuyện thảm thương của một gia đình láng giềng mà bà vợ đã lăn chết dưới bánh xe lửa. Hẳn rằng những nét chính của nhân vật Levin cũng là những nét của Tolstoy. Sự cố gắng giúp đỡ dân quê, niềm tin tưởng vào Chúa, tình yêu nhân loại, nỗi thôi thúc suốt đời muốn tốt hơn lên, niềm tin ở luật thiện của Chúa... tất cả những nét đó của nhân vật Levin cũng chính là của Tolstoy.

Sau tác phẩm « *Anna Karenina* », Tolstoy thử viết lịch sử, về những người làm cách mạng Tháng Mười Hai (The Decembrist), nhưng ông không thành công. Tư tưởng ông chuyên chú về những vấn đề tôn giáo, ông gắng tìm giải đáp cho nỗi dằn vặt xao xuyến của ông qua Chính-thống-giáo Hy-lạp. Cùng với bạn là triết gia Nicolas Strahov, Tolstoy tìm tới thăm một tu viện nổi danh, trà trộn với khách hành hương và hòa hợp với các tu sĩ, tìm hiểu kiến thức và niềm tin nơi nhà khổ hạnh nổi danh Ambrosius, một tu sĩ danh tiếng đã lôi cuốn hàng nghìn khách hành hương. Đến mùa hè năm 1878, Tolstoy đi viếng những tu viện cùng những nhà thờ ở Kiev. Ông đã có tư tưởng bỏ hết tài sản, vào ở tu viện. Ông đọc tập *Pensées* (Tư Tưởng) của Pascal, và đọc Prudon, Renan, cùng triết gia Nga Soloviev, để tìm giải đáp cho những vấn đề của ông.

Sophia, vợ ông, buồn rầu. Ông chìm sâu vào những dòng tư tưởng trầm mặc, không bàn đến những chuyện thực tế hàng ngày như xưa nữa. Ông có ý tự tử, viết tập tiểu luận triết lý « *My Confession* » (Xưng tội).

Đây là những vấn đề mà Tolstoy đi tìm giải đáp : Tại sao tôi sống ? Đâu là cứu cánh cuộc đời ? Đâu là ý nghĩa và mục đích của sự phân biệt tốt xấu trong tôi ? Tôi phải sống thế nào ? Chết là gì ?...

Tolstoy có tiền của, có gia đình, có vợ hiền, có con khỏe mạnh, có danh tiếng khắp thế giới, song vẫn không thấy hạnh phúc khi chưa tìm ra giải đáp cho những vấn đề nêu trên.

Tim kiếm trong tôn giáo đều thất bại. Ông tự tìm trong Kinh Ước, lời dạy của đấng Christ, ông tôn thờ coi như bậc thầy của thế giới.

Có lẽ vì trạng thái tâm hồn suy tưởng như vậy, yêu thương và tha thứ nên Tolstoy không chịu nổi tư tưởng hận thù đối với Turgenev. Năm 1878 Tolstoy viết thư cho Turgenev ở Paris tỏ ý xin lỗi. Turgenev liền trả lời tỏ ý vui mừng.

Năm 1880 khi Turgenev đến Yasnaya Polyana, thì Tolstoy đang bận dịch sách Phúc-âm, nên Turgenev không rủ được Tolstoy đi dự lễ khánh thành tượng kỷ niệm Pushkin. Về sau Tolstoy lấy làm tiếc không được nghe bài diễn văn danh tiếng của Dostoevsky ca ngợi Pushkin. Lúc ông Dostoevsky muốn đến thăm Tolstoy ở Yasnaya Polyana, nhưng Turgenev bảo là Tolstoy đang say mê vào việc nghiên cứu tôn giáo, không ưa thích gì nữa cả. Sau đó không bao lâu ngày 28 tháng 6 năm 1881 thì Dostoevsky. Hai nhà văn vĩ đại của Nga mà không từng được gặp nhau dù rất thân phục nhau.

Hồi tháng ba năm 1881 một tin kinh khủng làm chấn động dân Nga : nhân viên Ban Chấp-hành đảng «Land and Freedom» (Lãnh-thò Tự-do) ám sát vua Alexander II. Tolstoy kinh hãi vì tên ám sát tàn bạo vô ý thức, đã giết hoàng đế Alexander II, một vị «Vua Giải-phóng».

Tuy nhiên khi nghe tin xử tử kẻ sát nhân thì Tolstoy lại viết thư cho vua Alexander III xin ân xá cho những người phạm tội đó. Triều Đại-đế Alexander II đã bỏ án tử hình, nay lại xử lại cho tội nhân chính trị. Thành thử rồi hai nhà cách mạng sát nhân kia bị xử tử.

Các con Tolstoy lớn lên, Sophia quyết định dời gia đình tới Moscow. Người con trưởng là Sergei, 18 tuổi, vào đại học ; Tania thì vào trường Điều-khắc Hội-họa, còn Ilya và Lev thì học trung học tư.

Đời sống ở đô thị đầy khổ nhọc cho Tolstoy. Ông viết trong nhật ký : «— đầy hơi thúi, sắt đá, xa hoa, hư hỏng... ». Song le

ông cũng cố tìm công việc để làm. Ông tình nguyện đi làm kiểm tra dân số. Đến làm việc tại những khu nghèo khổ ông kinh hãi trước những hoàn cảnh sống của dân chúng nơi đó, ông viết tác phẩm: « *What Then Must We Do* » (Vậy thì chúng ta phải làm gì đây)?

Một số người sau khi đọc sách của Tolstoy, liền bỏ lối sống của họ, bỏ của cải, chấp nhận triết lý của Tolstoy và thuyết bất bạo động. Một trong những người đầu tiên là Vladimir Chertkov, một nhà quý phái giàu có, cựu sĩ quan ngự-lâm-quân, trở thành bạn thân và đồ đệ của Tolstoy. Rồi có Marie Schmidt, Peter và Biryukov — mà sau là người viết tiểu sử Tolstoy —, và nhiều người khác trở thành những bạn thân và đồ đệ hăng say của Tolstoy. Triết lý của Tolstoy cũng thâm nhập vào làng xóm và ông được nhiều bạn trong đám dân quê, chẳng hạn như Sutaev và Bondarev, cả hai rất nổi danh vì khôn ngoan và tinh thần lạnh mạnh.

Thỉnh thoảng Tolstoy quay về con đường nghệ thuật. Ông khởi viết cuốn « *The Death of Ivan Ilyich* » (Cái chết của I-van I-lich) vào năm 1882. Suốt những năm 1884 - 1886 Tolstoy viết một loại truyện phổ thông cho tờ *Mediator* của các bạn ông như Chertkov, Gorbunov-Pozadov và Biryukov. Những truyện đó có thể kể: « *What Men Live By* » (Người Ta Sống Bởi Gì)?, « *Two Old Men* » (Hai Người Già) « *Where Love is There is God* » (Chúa Ở Đâu Tình Thương Ở Đó), « *How Much Land Does a Man Need* »? (Người Cần Bao Đất?), « *Ivan the Fool* » (Tên điên Ivan)... và nhiều truyện khác. Về sau khi được hỏi là ông thích truyện nào nhất, ông đáp truyện « Người Ta Sống Bởi Gì » và « Chúa ở đâu, tình thương ở đó ».

Trong hai truyện này có một ý tưởng triết lý sâu sắc bày tỏ quyền lực của tình thương yêu, sự hư vô của tài sản, sự phục tùng đáng Chúa, niềm vui khi làm việc giúp kẻ khác... Sau, tờ *Mediator* xuất bản hai truyện đó với giá rẻ, bán được cả hàng trăm nghìn cuốn trên nước Nga.

Giữa đời sống của Tolstoy và vợ có những khác biệt đau buồn. Ông thì thích sống ở quê, ra giúp đỡ người dân quê làm việc, tránh chuyện kẻ hầu người hạ, còn bà thì ưa ở thành phố

— Moscow — bà luôn luôn xuất hiện với con gái ở các cuộc khiêu vũ, tiếp tân hay hòa nhạc.

Càng cố đi sâu vào việc nghiên cứu triết lý, Tolstoy càng đau khổ vì đời sống chung quanh. Ông muốn cho dân quê tất cả đất đai của ông, cho các cơ sở xã hội tất cả tác phẩm của ông. Nhưng vợ ông không muốn sống cảnh thanh bần. Ngày 17 tháng 6 năm 1885 sau một cuộc cãi vã dữ dội, Tolstoy bỏ nhà ra đi. Sau vì nhớ ra rằng vợ sắp nằm nơi, nên ông trở về. Ngày 1-7 năm đó bà sinh được đứa con gái, đặt tên là Alexandra để nhớ ơn bà Alexandrine Tolstoy.

Tháng giêng năm 1886 một cái tang buồn : đứa con trai nhỏ Alexis bị chết vì đau cuống họng. Cũng năm này Tolstoy lại viết tác phẩm « *The Power of Darkness* » (Quyền lực của Bóng tối), một kịch phẩm nói về đời một dân quê. Tác phẩm gây cho Vua một niềm xúc động lớn tại triều đình. Trong kịch bản này Tolstoy lại một lần nữa vạch ra niềm tin mãnh liệt của dân quê vào đấng Chúa. Họ sợ hình phạt của lương tâm tội lỗi hơn cả sợ tù đầy hay lao khổ.

Sophia Andreyevna, vợ ông, lại sầu lo nữa : Leo chủ trương ăn chay, bỏ hút thuốc, uống rượu, lại làm việc rất nhiều. Tác phẩm « *The Kreutzev Sonata* » (Một bản đàn) đã ghi dấu thời kỳ chay tịnh này của ông. Tác phẩm này có nhiều người hiểu lầm cho là tác phẩm khiêu gợi, nên bị cấm xuất bản, truyền nhau bằng bản chép tay. Sau, bà vợ ông được hội kiến với vua Alexander III, vua rất phóng khoáng tự do, nên cho in tác phẩm đó.

Tới tác phẩm *The Devil* (Quỉ Sứ) thì là một trong những tác phẩm dị thường của Tolstoy. Trong tác phẩm này ông tả lại sự chiến đấu trong nội tâm của một người địa chủ cố chống lại dục vọng trước một người đàn bà nông dân. Chính Tolstoy hồi chưa cưới vợ đã sống cái tâm trạng đó. Bà vợ ông biết được, nổi ghen với quá khứ của chồng, ông đành phải giấu không cho bà đọc hết. Đến lúc ông chết rồi, tác phẩm này mới được in. Cũng như tác phẩm « *Father Sergius* » (Đức cha Sergius), « *Hadji Muvad* », « *The False Coupon* » (Phiếu giả) vậy.

Nhiều người hăm mộ đường lối của Tolstoy đã quá phóng đại tư tưởng của Tolstoy về sự tiết dục. Thực ra ông chỉ viết : « Người ta không nên coi sự tiết dục như mục đích cuộc sống, song cố gắng thế nào để càng đến gần được sự tiết dục càng hay ». Ông cũng thường nói : « Đừng gánh việc gì quá nặng trên vai anh », và viết : « Phấn đấu — đó chính là đời người, »...

Trong lúc viết những tác phẩm văn nghệ, thì Tolstoy cũng soạn cả tác phẩm có tính cách tôn giáo : tập *The Kingdom of God is Within You* (Thiên đàng trong lòng anh) cho ta biết rõ tư tưởng của Tolstoy như một tín đồ chúa Christ. Trong tác phẩm này ông vạch ra niềm tin của ông vào đức Chúa và chủ nghĩa bất bạo động, yêu thương và giúp đỡ mọi người.

Tolstoy bản tính vui vẻ, thân thiện. Ông thường đùa vui cùng các con, có khi bày ra trò chơi, dự vào các cuộc thể thao như trượt tuyết, đánh quần vợt, đọc to những truyện của Dickens... Năm 1889 khi các con yêu cầu ông viết cho chúng một hài kịch, ông liền viết kịch « *The Fruits of Enlightenment* » (Kết quả của Minh trí). Đây là một lời châm biếm chủ nghĩa duy linh. vở kịch được các con và các bạn đem trình diễn ở Yasnaya Polyana chơi. Sau, trên hầu hết các sân khấu ở Nga đều có trình diễn.

Năm 1891, do bà vợ hối thúc, Tolstoy chia gia tài cho 9 người con. Đứa con mới sinh là Vanichka-Ivan, con út, theo tập tục, được chia phần ở chung với mẹ tại Yasnaya Polyana. Chừng ông lại tỏ ý cho tất cả bản quyền tác giả của ông cho các hiệp hội từ thiện, bà vợ ông liền phản đối mạnh mẽ. Cuối cùng ông cũng cho được một số tác phẩm viết từ sau năm 1880.

Mùa hè năm 1891 Tolstoy vô cùng lo lắng trước nạn đói dẫn khởi ở miền Trung nước Nga. Suốt hai năm, ông và hai con gái lớn Tania, Maria, cùng các bạn, tận tụy tìm cách cứu nuôi các người bị đói, vợ ông thì đứng ra quyên tiền và tặng phẩm khắp nước...

Các con của ông khác tính nhau : người con trưởng Sergei nghiêm trang đứng đắn, là một nhạc sĩ, tốt nghiệp đại học Moscow; Ilya thì lấy chồng sớm, trở thành bà địa chủ; Lev, Andrew và Michael thì giống mẹ, thương mẹ; còn Tania và nhất là Nasha theo gương cha, giúp cha rất nhiều trong công việc. Hai người con nhỏ sau hết là Alexandra và Vanichka. Trong nhà có người đỡ đần giúp việc, có thầy dạy Pháp-văn, Anh-văn, có nhạc công, có vú em, có người đánh xe, có bồi bếp...

Vanichka giống cha nhất, mắt xanh buồn, trán rộng, tóc cuốn, khôn lanh và hiền dịu dễ yêu. Vanichka thương yêu mọi người và ai cũng yêu mến cậu. Nhưng lên bảy thì Vanichka chết vì bị đau ban. Cả nhà buồn không tả được. Nhất là bà mẹ.

Càng ngày danh tiếng Tolstoy càng lan khắp thế giới, và có vô số người theo đuổi đường lối cùng ông. Ông liên lạc với Thánh Gandhi; ông liên lạc với con của William Lloyd Garrison; với Ernest Crosby. Sau đó, có Jane Addams, William Jennings Bryan và nhiều người khác từ Hiệp-chúng-quốc qua thăm ông. Tolstoy gặp hầu hết những nhân vật danh tiếng đương thời như Tchaikovsky, Rachmaninov, Arensky, Taneiev, Chaliapin, Koussevitsky và nhiều nhạc sĩ danh tài khác đến thăm ông và trình diễn theo lời ông yêu cầu. Tolstoy thích nhạc lắm, nhạc gợi hứng cho ông rất nhiều. Rồi lại, những nghệ sĩ và điêu khắc gia như Repin, Gay, Kramskoye vẽ chân dung và nặn tượng Tolstoy. Chekhov nhiều lần cũng đến thăm Tolstoy. Tolstoy thích Chekhov, coi như một nghệ sĩ vĩ đại. Gorky cũng có thăm Tolstoy. Tolstoy không tán đồng quan điểm duy vật của Gorky. Nhưng ông cho rằng giá trị lớn lao của Gorky là : tiểu thuyết của ông ta đã nói với chúng ta rằng : « giai cấp lao động vô sản cũng là người ».

Và ảnh hưởng chủ trương của Tolstoy càng lan rộng, thì chính quyền càng xiết chặt vòng kiểm soát những người theo đường lối của ông. Cả khu vực Dukhobors ở Causasus những thanh niên nào không chịu thi hành quân dịch đều bị bỏ tù cả. Người nào đọc những tiểu luận triết lý của Tolstoy đã bị cấm, đều bị bắt giữ. Tchertkov, Birukoff và nhiều bạn khác của Tolstoy đều bị cảnh sát theo dõi.

Những người ở Dukhobors chỉ còn cách là di cư. Tolstoy kiếm tiền cho họ di chuyển, nhưng cũng không đủ. Ông bèn viết tác phẩm « *Resurrection* » (Phục-sinh), được xuất bản bán trong nước Nga và cả ngoại quốc. Tiền lời ông cho những người ở Dukhobors đã định cư tại Gia-nã-đại.

Những mô tả về công cuộc phụng vụ ở nhà thờ trong sách này đã làm xúc phạm giáo phái chính thống Hy-lạp. Ngày 22 tháng 2 năm 1901, Giáo-hội khai trừ Tolstoy ra khỏi giòng đạo. Kết quả là bị phản đối, sinh viên biểu tình. Khắp thế giới bày tỏ cảm tình với Tolstoy và tức giận giáo hội.

Tác phẩm « Phục sinh » là tác phẩm cuối cùng của Tolstoy. Sau đó ông chỉ viết những bài báo ngắn để trình bày đường lối bất bạo động của ông, mối quan tâm của ông đối với sự nghèo khổ của giai cấp thợ thuyền và nông dân, ông cũng bày tỏ sự phẫn kháng tiêu cực của ông đối với áp lực của chính quyền.

Sau khi người Nga thua trận trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật, cuộc cách mạng đầu tiên khởi lên năm 1905, Tolstoy vô cùng bối rối. Ông không tin tưởng chủ nghĩa xã hội, và không tin rằng một cuộc cách mạng đặt nền móng trên chủ nghĩa duy vật lại có thể cải thiện đời sống dân chúng. Chỉ có một con đường tiến bộ, ông thường nói, là : « Mỗi người tự cải thiện », « những lý tưởng kinh tế mà dân tộc đang tranh đấu đó, không lý tưởng gì cả. » Chính quyền cũ dùng bạo lực để cầm quyền. Chính quyền cách mạng lại sẽ cầm quyền bằng bạo lực, đàn áp, thì rồi lại tệ hại hơn cả chính quyền cũ.

Những năm cuối cùng cuộc đời, Tolstoy thu thập ghi kết những tư tưởng hàng ngày. Tất cả những tư tưởng triết lý và tôn giáo trên khắp thế giới được kết đúc trong các quyển : « *The Thoughts of Wise Men* » (Tư-tưởng của hiền giả), « *The Cycle of Reading* » (Tuyển Đọc), « *The Way of Life* » (Thế Sống) « *Thoughts for Every Day* » (Tư tưởng hàng ngày).

Đời của Tolstoy trong gia đình thì không hạnh phúc gì. Tất cả các con đều lập gia đình, trừ có Alexandra, con gái út, làm thư ký cho cha và là tùy tùng của cha. Con gái cưng của ông là Mary thì đã chết. Ông muốn được sống những năm tuổi già giữa các người dân Nga mộc mạc đơn sơ, ông tin họ khôn ngoan và giúp được ông tìm ra đấng Chúa.

Ngày 28 tháng 10 năm 1910 ông bỏ nhà ra đi (1). Chỉ có bác sĩ Makovetsky và con gái, Alexandra, là biết ông đi đâu. Trên chuyến xe hỏa đi Caucasus để gặp bạn bè, ông bị sưng phổi, chết

(1) Vì không chịu nổi cảnh lủ lúng trong đời sống gia đình. Vợ ông không những cản trở ông trong việc chia của cải cho dân nghèo, tặng tác quyền cho các tổ chức từ thiện mà bà còn lục lọi các giấy tờ riêng của ông nữa. (Ghi chú của người dịch).

tại nhà ga Astapavo, ngày 8 tháng 12 năm đó (1918). Lúc sắp chết ông viết cho hai con gái, Tania và Alexandra : « Có người trên thế giới cùng theo một phía với Leo Tolstoy », « và nhiều các con đừng chỉ thấy có một. » « Sự thật... cha yêu mến nhiều... ». Đó là những dòng chữ cuối cùng.

Tolstoy được chôn ở Yasnaya Polyana dưới cây sồi gần dòng suối xám, nơi mà ông và các anh ông đã cố tìm viên đá màu xanh lục trên đó có ghi cái bí quyết lớn lao của cuộc sống : làm thế nào đạt được hạnh phúc nơi tình yêu và niềm tin đáng Chúa — một bí quyết mà cả đời Tolstoy đã tìm kiếm...

ALEXANDRA TOLSTOY

NGUYỄN KIM PHƯỢNG dịch

TRONG KHÓI LỬA
KHÔNG THỀ KHÔNG ĐỌC :

CON CHIM TRỐN TUYẾT

truyện Paul GALLICO

bản dịch Trần Phong-Giao và Hoàng-Ứng

GIAO-ĐIỂM xuất bản

một mối tình thanh cao thơ mộng

lồng trong tình yêu nghệ thuật quê hương đất nước

NGUYỄN HIỂN-LÊ

Lời cảm ơn gửi nhà xuất bản

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI ĐỌC *CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH* LÀ hồi 15 hay 16 tuổi, học năm thứ nhất hay năm thứ nhì trường Bưởi (Chu Văn An ngày nay). Tôi thích nhân vật Pierre và say mê những đoạn Tolstoi tả trận Austerlitz và quân Pháp vào Moscou. Bản tôi đọc hồi đó là một bản cắt bớt của nhà Hachette trong loại sách *Meilleurs livres* in rất xấu, nhà sách Taupin ở phố Trường Tiền (Hà-nội) bán có hai xu một cuốn. Cả bộ đầu được 10 hay 12 cuốn, mỗi cuốn khoảng 100 trang.

Lần thứ nhì, tôi đọc lại vào hồi 1950, cũng lại là một bản cắt bớt gồm 6 cuốn của nhà Bibliothèque Mondiale. Lần này tôi cũng say mê như lần trước, hiểu tác phẩm hơn hồi trẻ, và hiểu hơn thì lại càng thấy thú vị hơn.

Năm sáu năm sau, tôi mới kiếm được một bản đầy đủ của nhà Hazan. Tôi lại đọc một lần nữa. Trừ *truyện Kiều* chưa có tiểu thuyết nào tôi đọc ba lần mà vẫn thích như tác phẩm bất hủ đó của Tols'oi.

Lại năm sáu năm sau nữa — 1961 hay 62, một ông bạn ở Pháp cho hay nhà xuất bản Văn Hóa ở Hà-nội đã dịch *Chiến tranh và Hòa bình*, còn người Trung-hoa thì đã dịch từ ba chục năm trước. Tôi tự nghĩ : « Chỉ tại mình phải học nhờ tiếng Pháp,

dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ cho nên mình mới đi sau Trung-hoa trên một phần tư thế kỷ như vậy. Bây giờ tiếng Việt đã được dùng làm chuyển ngữ, số thanh niên thông tiếng Pháp không được bao nhiêu, đã đến lúc nên dịch *Chiến tranh và Hòa bình*. Tôi bèn đề nghị với một hai nhà xuất bản ở Sài-gòn hễ khi nào thấy có thể in được thì cho tôi hay, tôi sẽ khởi công dịch liền.

Tới tháng 9-1966, lời đề nghị đó của tôi vẫn chưa được hai nhà đó xét ; họ bận việc quá, có lẽ không nhớ tới. Trong bài *Đả phá để hay xây dựng để* đăng trên tạp chí *Tin Văn* số 7 ngày 15-9-1966, tôi nhắc lại lời đề nghị đó nữa.

Bài đăng được khoảng một tháng thì một hôm, một vị sư mà tôi chưa hề gặp mặt lần nào lại thăm tôi, tự giới thiệu là Giám đốc nhà xuất bản *Lá bối*, tặng tôi ít cuốn sách, và nhân đọc bài của tôi trên *Tin Văn* mà nhờ tôi dịch cho bộ *Chiến tranh và Hòa bình*.

Tôi nhận lời, hứa trong hai năm sẽ xong. Nửa tháng sau, một nhà xuất bản nữa cũng lại nhờ dịch. Về sau hai nhà nữa tỏ ý tiếc rằng tôi đã nhận lời cho nhà Lá Bối. Quả đã tới lúc đọc giả đòi hỏi loại sách đó.

Cuối năm 1966, kiếm thêm được bản dịch của nhà Gallimard, mượn được bản dịch của nhà Văn Hóa nữa, tôi khởi công ngay.

Công việc này hơi mệt vì tôi phải so sánh bốn bản dịch, hai bản vừa kể trên với hai bản Bibliothèque mondiale và Hazan mà tôi đã có sẵn. Trong phần Trình bày *Chiến tranh và Hòa bình* tôi đã ghi lại việc so sánh và lựa chọn bản dịch ra sao, nên tôi không chép lại ở đây.

Tôi dẹp hết các công việc khác, chỉ lâu lâu viết giúp tạp chí *Bách Khoa* một bài, đề chuyên tâm dịch xong cho đúng hẹn. Tôi rất nghiêm khắc với tôi về điểm giữ lời hẹn.

Trung bình một ngày tôi dịch bảy giờ, chủ nhật và ngày lễ cũng không nghỉ, và có công việc gì cần thì tôi dồn lại, nửa tháng mới « đi phố » một lần làm cho xong nội một buổi sáng. Nhưng lâu-lâu tôi phải về Long-xuyên nửa tháng « xả hơi » cho óc bớt kích thích.

Vì dịch một tác phẩm dài như vậy quả thực là mệt.

Khi gặp một tiếng ít dùng thì dịch rồi tôi phải ghi lại liền trong một bảng liệt kê theo thứ tự a, b, c, để sau này gặp lại, tra trong bảng đó cho trước sau được nhất trí. Bảng liệt kê đó gồm khoảng hai trăm tiếng như : *avant poste, brancardier, damassé, galoche, lorgnon, métropolitaine* vân vân....

Có tiếng tôi ghi tới mười nghĩa để tùy chỗ lựa một nghĩa cho hợp với đoạn văn ; chẳng hạn tiếng *animé*, tôi ghi : náo nhiệt, hào hứng, phấn khởi, hoạt bát, hớn hờ, linh động, nhiệt tâm, khởi sắc, kích thích, hồng hào...

Có khi dịch được nửa bộ rồi, mới thấy nên dịch lại một tiếng, và chỉ thay đổi cách dịch một tiếng đó thôi, tôi phải lật lại cả ngàn trang, sửa mấy trăm chỗ. Chẳng hạn mới đầu tôi cho cô Marie gọi cha, lão bá tước Bolkonski. là *ba* sau nghĩ lại, gia đình đó sống theo nếp cổ, gia phong rất nghiêm, đôi tiếng *ba* ra tiếng *cha* thì hơn. Chỉ là một tiểu tiết, có thể nói là tần mần nữa, mà tôi đã phải mất đến trọn một ngày.

Dịch tiểu thuyết phương Tây chúng ta còn gặp một nỗi rắc rối nữa là cho các nhân vật xưng hô với nhau ra sao : tiếng Pháp chỉ có *je, tu, vous, il, elle*, tiếng Việt thì có tôi, tao, ta, con, cháu, anh, em, mày, chú, bác, ông, bà, cụ, hấn, nó.... Phải lựa sao cho hợp người, hợp cảnh và một khi đã cho một nhân vật này xưng hô với một nhân vật khác ra sao thì tôi cũng phải ghi lại liền để sau dùng lại cho nhất trí.

Chẳng hạn tôi ghi :

« Mẹ Boris gọi *Pierre* là anh, cha *Pierre* là cậu, ba tiểu thư là chị ; tự xưng là tôi ».

Nếu không ghi lại ngay như vậy, một tuần hay một tháng sau, quên mất, phải lật lại những trang đã dịch để kiểm thì mất công lắm.

Truyện xảy ra trong một thời gian khá dài (từ 1805 đến khoảng 1820), nên có những nhân vật về sau thân thiết với nhau hơn, tôi phải đổi cách xưng hô của họ, và cũng phải ghi lại liền :

Từ trang... *Pierre* gọi... là... ».

Vì mỗi lần sửa một vài chữ, phải lật lại cả mấy trăm hoặc ngàn trang, cho nên tôi có cảm tưởng rằng dịch một tác phẩm 2000 trang không phải chỉ tốn công gấp 10 mà có thể tốn gấp 11 hay 12 lần một tác phẩm 200 trang.

Dịch xong, còn phải trình bày tác giả và tác phẩm. Từ năm 1958 tôi đã viết một tiểu sử của Tolstoi dài khoảng 30 trang, đăng trên *Bách khoa* rồi in trong tập *Gương Danh nhân*. Bây giờ tôi thấy bài đó không xứng với tác phẩm. Tài liệu về Tolstoi nhiều lắm không sao kiểm hết được mà cũng không sao đọc hết được. Phải tự hạn chế: tôi dùng cuốn *Léon Tolstoi* của Henri Troyat (Fayard 1956) và ít bài nữa của Somerset Maugham, André Maurois... để viết lại tiểu sử Tolstoi và giới thiệu tác phẩm của ông. Công việc này mất khoảng một tháng.

Rốt cuộc, sau một năm rưỡi, công việc hoàn thành và tôi đã giữ đúng lời hứa với nhà Lá Bối.

Hoàn thành đúng vào lúc Sài-gòn bị dọa tấn công lần thứ nhì (tháng 5 năm 1968). Sợ bị pháo kích, tôi vội vàng phân tán ba bản viết tay: một bản giao nhà Lá Bối, một bản tôi giữ tại nhà, một bản gửi về cất ở Long-xuyên. Trong đời viết văn tôi, đã hai lần đánh mất tác phẩm, hai lần viết lại, nên phải dự phòng cẩn thận.



Vào khoảng tháng 10, nhà *Lá Bối* kiếm được vốn, bắt đầu cho in. Muốn cho mau xong, phải kiếm hai nhà in, và mỗi ngày Đại đức Từ Mẫn lái xe Honda lại nhà tôi hai lần đưa ấn cảo, hai lần nữa để lấy ấn cảo. Nhà in yêu cầu sửa gấp, nên được ấn cảo thì tôi phải bỏ các công việc khác, bất kỳ là công việc gì, để sửa ngay cho xong. Công việc không mệt (mỗi ngày sửa độ 36 trang), nhưng hơi khó chịu vì suốt mấy tháng cứ phải ngồi nhà để đợi ấn cảo. Có việc gì gấp lắm, phải đi phố một buổi thì phải báo trước cho nhà Lá Bối hay. Tôi sửa rồi, nhà Lá Bối đem về sửa lại lần nữa rồi mới giao cho nhà in.

Tôi hơi ân hận rằng có hồi tôi phải về Long-xuyên mất nửa tháng, không đích thân sửa được, nên còn một số lỗi phải đính chính. Nhà xuất bản định nếu tái bản sẽ sửa lại hoặc sắp chữ lại những trang đó.

Tới nay hai cuốn đầu đã phát hành, cuốn III sắp chữ gần xong, cuốn IV sắp chữ được trên một phần ba. Do một sự ngẫu nhiên mà bản dịch của chúng tôi ra đúng một trăm năm sau bản in lần đầu của Tolstoi.

Tôi mừng rằng công việc của chúng tôi không làm cho độc giả thất vọng; một số bạn thân và sơ còn khuyến khích nữa. Tôi phải ghi lại đây công của Đại đức Từ Mẫn: ông đã không ngần ngại nhờ tôi dịch và đã sửa giùm ấn cảo, trông nom công việc ấn loát một cách chu đáo, suốt ngày lái xe đi đi về về từ nhà xuất bản tới nhà in, nhà vở «phòng» và nhà tôi. Ông bảo mỗi ngày ông lái xe trung bình 50 - 60 cây số, mệt nhưng vui.



Hôm nay, công việc kể như xong chín phần mười rồi, ôn lại thời gian sống với *Chiến tranh và Hòa bình*, tôi thấy trên hai năm đó tôi đã hiểu Tolstoi hơn mà cũng hiểu tôi hơn nữa.

Mấy lần trước đọc tác phẩm vĩ đại ấy, tôi không hề để ý tới chương XIV phần IV, quyển IV. Tới khi dịch tôi mới thấy thêm một khía cạnh nữa của thiên tài Tolstoi. Sinh trước Dale Carnegie cả trăm năm, không hề nghiên cứu về phép xử thế mà Tolstoi có những nhận xét về thuật Đắc nhân tâm y hệt Carnegie. Chương XIV đó có thể coi là một phần trong cuốn *Đắc nhân tâm* tiểu thuyết hóa.

Tôi cũng hiểu thêm nhân sinh quan của Tolstoi trong phần kết của truyện mà Somerset Maugham hết lời tán thưởng. Tôi đã bàn qua về điểm đó trong bài *Bốn lối kết trong tiểu thuyết — Bách Khoa số Xuân Kỷ Dậu*.

Và tôi nhận thấy tính tình hơi thay đổi nhờ dịch — nghĩa là đọc kỹ — *Chiến tranh và Hòa bình*. André Maurois có viết một câu đại ý bảo nhờ hiểu biết, gần gũi vài nhân vật của Tolstoi mà ông đã tự hiểu biết mình hơn, sửa đổi cách cư xử với người khác. Có lẽ Maurois muốn nói ông đã hóa ra khoan hòa hơn, khoáng đạt hơn. Tôi cho chưa có lời khen Tolstoi nào mà chân thành như vậy. André Malraux cũng khuyên thanh niên phải đọc *Chiến tranh và Hòa bình* trước hết. Phải đọc kỹ, đọc vài ba lần; những tác phẩm bất hủ đó càng đọc kỹ càng thấy thích, càng già càng thấy bổ ích.

NGUYỄN HIẾN-LÊ
(Sài-gòn, 30-3-1969)

• *đọc truyện Léon Tolstoi* •

Ba cái chết

1

TRỜI VÀO THU. HAI CHIẾC XE NGỰA ĐANG PHÓNG NHANH trên con đường lớn. Trên chiếc xe đầu có hai người đàn bà. Một bà mệnh phụ ồm xanh và một tớ gái mập đỏ. Những lọn tóc ngắn khô từ dưới chiếc mũ phai màu, buông lung xuống, đưa tớ lấy tay hất vuốt qua hai bên, tay nó mang găng rách. Ngực nó lớn trông đầy sức khỏe, nó choàng ngang một cái khăn để che ngực. Đôi mắt đen tinh anh của nó nhìn qua cửa xe theo dõi những cánh đồng chạy qua, rồi nó len lén nhìn bà kia, lại lo ngại nhìn quanh trong chiếc xe. Chiếc mũ của bà mệnh phụ treo trong bao lưới, tung tòn trước mũi đưa tớ. Trên đùi đưa tớ là một con chó con ; nó ngồi mà bàn chân cứ nhịp nhịp trên mấy cái thùng nhỏ chất dưới sàn xe, tiếng nhịp chân nghe lẫn lộn với tiếng nhịp xe lắc lư và cửa xe lắc cắc.

Bà mệnh phụ ngồi xếp tay trên đầu gối, mắt nhắm lại, sau lưng bà có kê mấy cái gối, thỉnh thoảng bà ho mím miệng thì hơi cau mày một chút. Bà đội một chiếc mũ trắng trên đầu, và cổ thì choàng chiếc khăn xanh đậm. Tóc của bà màu hoe đục xòa xuống phía trên lông mày và tách qua hai bên, da trán giữa hai phần tóc đó trông xanh xao và hết cả sức sống. Nét mặt đẹp nhưng màu da như có phần nào khô vàng, chỉ hơi đỏ nơi má và xương gò má. Môi bà khô và như mấp máy xao xuyến. Lông mi dài thẳng. Áo bà mặc có nếp xếp ngay trước ngực trũng của bà.

Tuy mắt bà nhắm nhưng khuôn mặt cũng lộ vẻ mệt nhọc, buồn phiền và như có một nỗi khổ lâu dài...

Đứa trẻ trai trong xe thì chống cùi trên thùng xe ngựa gật ; người đánh xe vui vẻ thét ngựa, thúc bốn con ngựa mạnh khỏe chạy toát mồ hôi, thỉnh thoảng ông ta liếc nhìn người đánh xe phía xe sau cũng đang thét ngựa chạy. Vết bánh xe rộng song song in dấu trên đường có lớp bùn mỏng. Trời xám, lạnh. Sương mỏng ẩm ướt trên những cánh đồng. Trong xe thì lại ngợp mùi dầu eau de cologne và bụi xe. Bà bệnh nhân dựa đầu ra sau ghế và từ từ mở mắt. Mắt bà lớn, đẹp, màu đen đậm.

« Lại nữa », bà nói, và tay bà nhẹ đẩy cái áo đứa trẻ gái đứng nơi chân bà, bà mím miệng một cách mệt nhọc. Matresha liền hai tay kéo áo về và nhóm dậy để ngồi xích ra xa một chút. Mặt nó tươi vui và đỏ hồng. Mắt bà bệnh nhân theo dõi cử chỉ của đứa trẻ một cách như thèm muốn sức khỏe của nó. Rồi bà, hai tay nắm chặt thành ghế, bà cố sức nhóm lên một chút để ngồi xit lên, nhưng không được, tay bà yếu sức quá. Miệng bà mím lại cách khó nhọc, nét mặt như cau giận. « Giúp ta chút xiu !... À, mà thôi, được rồi. Đừng có để mấy cái bao phía trên đầu ta, cũng đừng có kéo ta đó. » Bà lại nhắm mắt. Song lại mở ra ngay, liếc nhìn đứa trẻ gái. Matresha nhìn bà, nó cắn cái môi hồng đỏ của nó, không nói gì. Bà bệnh nhân thở dài, tiếng thở dài chột thành tiếng ho. Bà ta nhúu mày rồi xây mặt qua chỗ khác, hai tay đưa lên ôm ngực. Cơn ho dứt, bà lại nhắm mắt và ngồi dựa ra, im lìm bất động. Hai chiếc xe đi vào khu vực một làng mạc. Matresha rút tay ra khỏi khăn quàng giữa ngực và làm dấu thánh giá.

Bà bệnh nhân hỏi :

— « Gì vậy ? »

— « Thừa bà, đến một trạm nghỉ ».

— « Không, ta hỏi làm dấu thánh giá làm gì vậy ? »

— « Thừa bà, có nhà thờ ».

Bà bệnh nhân quay nhìn ra phía cửa sổ, từ từ làm dấu thánh giá và gương đòi mắt ra nhìn về phía ngôi nhà thờ lớn.

Hai chiếc xe dừng ở trạm. Chồng bà bệnh nhân và vị bác sĩ ở xe sau trèo ra và đến chỗ chiếc xe trước.

Vị bác sĩ bắt mạch cho bà ta và hỏi : — « Bà cảm thấy thế nào ạ ? »

Người chồng hỏi bà bằng tiếng Pháp : — « À, mình không mệt chứ ? Mình không muốn xuống xe à ? »

Matresha nép vào góc xe để cho họ nói chuyện.

Người đàn bà trả lời chồng : — « Cũng vậy thôi. Em không muốn xuống xe ».

Lưỡng lự một chút, đoạn người chồng bước vào chỗ nhà trạm. Matresha nhảy ra khỏi xe, nhón chân chạy qua chỗ bùn vào trong cổng.

Bà bệnh nhân nói với vị bác sĩ vẫn còn đứng nơi cửa sổ xe :

— « Tôi mệt chút. Nhưng ông cứ đi ăn sáng đi ».

Vị bác sĩ chậm chậm đi về phía nhà trạm, đoạn ông chạy nhanh tới chỗ thềm cửa. Bà bệnh nhân tự nhủ : — « Chẳng ai săn sóc mình. Họ mạnh khỏe nên chẳng để ý gì cả. Trời ơi ! »

Người chồng thấy vị bác sĩ tới thì vui vẻ nói : — « Đây, Eduard Invanovich, tôi bảo họ bung tới cho mình một mủng đồ ăn trưa đó. Anh thấy sao, được không ? »

— « À, được ».

— « Thế còn nhà tôi sao ? » Người chồng thở dài và hạ giọng, đôi mắt ông như ngượng lên chờ đợi.

— « Tôi nói chắc chị không tới Moscow được đâu. Nhất là thời tiết này nữa ! »

Người chồng sè bàn tay úp lên nửa trán và mắt và nói : — « Trời ơi ! Người ta làm sao bây giờ ? ». Thấy người trong quán bung mủng đồ ăn trưa lại, ông nói : — « Đây này ! »

Vị bác sĩ nhún vai nói : — « Chị ấy không nên đi ».

Người chồng nói : — « Nhưng mà tôi biết làm sao ! Tôi đã tìm hết cách ngăn nhà tôi. Tôi đã bảo là đi tốn kém, bỏ các con ở nhà, rồi thì là còn công ăn việc làm của tôi ở nhà nữa, mà bà ấy có nghe đâu. Bà trù tính đi chơi xa như thể bà ấy mạnh khỏe hẳn. Nhưng anh xem, hễ nói đến tình trạng sức khỏe của bà ấy, thì là, thiệt chết như không ! ».

— « Nhưng, anh Vassily Dmitrich, anh phải biết chị như vậy là coi như chết rồi đó. Không có phổi thì làm sao sống ! Phổi có mọc lại cho người ta đâu ! Bồn phận tôi với anh chỉ là làm sao cho chị chết một cách bình an vậy thôi. Hẳn phải có giáo sĩ mới được ! ».

— « Trời ơi, anh hiểu cho hoàn cảnh của tôi, nếu tôi phải nhắc bà ấy viết di chúc ! Có chi đi nữa tôi cũng không nhắc được ! Dĩ nhiên, anh thấy đó, nhà tôi nó thế nào... »

— « Thì chị ấy cũng vậy đó. Anh làm sao thuyết phục chị đừng có đi nữa. Đợi khi nào tuyết đủ dày xe trượt đi được, thì hãy đi loại xe đó. Không thôi thì đi chuyến này có chuyện không lành... ». Bác sĩ gục gật đầu có vẻ quan trọng.

Đưa con gái ông chủ nhà trạm trùm một cái áo toí lên đầu và gọi lớn : — « Aksyusha ơi, Aksyusha ơi ! mình tới coi một bà Shirkinisky đi ! Họ nói họ đưa bà ta ra ngoại quốc chữa bệnh ngực đó ! Tao chưa thấy người nào ho lao ra sao cả ! ».

Hai đứa gái nắm tay giẫm bùn chạy ra cổng. Đi ngang qua chiếc xe trước, chúng²chậm lại, liếc nhìn vào cửa sổ xe. Bà bệnh nhân quay ra nhìn chúng, nhưng thấy chúng có vẻ tò mò, bà nhú mày, quay mặt đi.

Đưa con gái ông chủ nhà trạm quay nhanh ra và nói : — « Mẹ ơi ! hồi xưa bà ấy đẹp biết bao, giờ bà ấy ra sao ấy nhỉ ! Dễ sợ thiệt. Mi có thấy không. Mi có thấy không Aksyusha ? ».

— « Có, bả ốm quá mày hỉ ? Minh giả đồ đi tới chỗ giếng, lui lại xem bả lần nữa đi. Kia, bà ấy quay mặt chỗ khác rồi, nhưng tao đã thấy. Bả buồn quá Masha hỉ ! ».

— « Ủ. Mà trời ni bùn bần quá mày hỉ ».

Hai đứa con gái lại chạy vào cổng.

Bà bệnh nhân tự nhủ : « Rõ ràng là mình nay trông dễ sợ ! Nếu mình được ra nước ngoài sớm, thì mau lành rồi ».

Người chồng ở trong nhà trạm đi ra chỗ chiếc xe trước, nhai nhai cái gì trong miệng, ông hỏi bà bệnh nhân :

— « Minh có khỏe không ? ».

Bà bệnh nhân nhủ thầm : « Chẳng đó hỏi hoài, ông lại lo ăn ! » Rồi bà đáp nhõ nhõ : — « Cùng khỏe ».

— «Mình à, thời tiết này mà mình đi xa anh sợ bệnh nặng thêm, anh Eduard Ivanich anh cũng nói vậy. Hay là chúng ta trở về quách.»

Bà ta im lặng giận dữ. Người chồng nói tiếp :

— « Ít bữa trời tốt, đường sá cũng đỡ hơn, mình cũng khỏe cả nhà cùng đi luôn thề.»

— «Thôi, em xin lỗi anh. Nếu em đừng nghe anh trước, thì chừ em đã ở Berlin và đỡ hung rồi ! »

— « Trời ơi, mình cũng biết đó chứ ! anh làm sao hơn được ! Song nếu chừ mình ráng đợi tháng nữa, mình khỏe hung, anh cũng xong công việc, thì chúng ta dẫn các con cùng đi luôn thề.»

— « Các con thì khỏe chứ em đâu có khỏe.»

— « Nhưng mình phải hiểu là thời tiết này, lỡ trên đường đi mình yếu hơn thì làm sao... Mình nèn ở nhà đi.»

Bà bệnh nhân nhìn sững và đáp : — « Ở nhà làm gì ?... Để mà chết à ? » Nhưng tiếng chết làm bà ta sợ hãi. Bà nhìn chồng như vừa dò hỏi vừa biện bạch. Ông chồng nhìn xuống đất, im lặng. Bà bệnh nhân chột mím miệng, và nước mắt bà tuôn xuống. Ông chồng cầm khăn tay úp lên trán và yèn lặng bỏ đi.

Bà bệnh nhân nói : — « Không, em phải đến đó ! ». Bà ngược nhìn trời, tay bà bỏ treo qua trước ngực, và bà thầm nói những tiếng chi không rõ rệt. Bà tự nhủ : « Trời ơi ! Tại sao vậy trời ! ». Nước mắt bà lại tuôn nhanh. Một lúc thật lâu bà vẫn lăm rằm cầu nguyện, nhưng ngực bà đau đớn nghẹn lại. Ngoài trời mây xám, trên đồng ruộng, đường đi bùn lầy, lớp sương mùa thu vẫn tỏa mờ đọng hạt trên mái nhà, trên mui xe, trên áo người đánh xe. Cả hai người đánh xe lúc này đang nói chuyện vui vẻ và lo đổ dầu mỡ vào trục bánh xe, sẵn sàng đi.

2

Xe đã thắng yên xong, nhưng người đánh xe vẫn chân chừ. Anh ta bước vào trong chòi của mấy người đánh xe khác. Trong chòi tối tăm và nực hầm, đầy hơi người, hơi áo, hơi nướng bánh

và mùi dưa cải. Trong một căn phòng, có mấy người đánh xe, người bếp thì đang bận nơi lò bếp, trên một căn phản phía trên chỗ lò bếp có một người đàn ông đau đang nằm, ông ta mặc áo da.

Một người đánh xe trẻ tuổi mặc áo da, đeo cái roi da lủng lẳng nơi hông, từ ngoài bước vào, gọi người đàn ông nằm đau : — « Bác Fedor ! Ê, bác Fedor ! »

Một người lái xe nào đó hỏi : — « Mà kêu ông Fedka làm gì vậy, hử thằng ngốc ! Kia, họ đợi mày ngoài xe kia ! »

— « Tôi muốn hỏi lấy đôi boots của bác ấy. Đôi của tôi hư mất rồi ».

Người đánh xe trẻ vừa trả lời, vừa nhét đôi bao tay nơi nịt, và đầu hất lên cho tóc ra sau. Anh ta lại nói :

— « Ông ngủ hả ? Ê, bác Fedor ». Và anh ta bước lại chỗ lò bếp.

Một giọng nói yếu ớt hỏi : — « Gì vậy ? ». Và một khuôn mặt ốm, đỏ hừng từ trên ván cao dòm xuống. Bàn tay to mà ốm yếu của ông già đau thò kéo cái áo khoác rộng, đắp lên ngang tới đôi vai thẳng vuông của ông, rồi nói :

— « Anh cho tôi cái gì uống đi ; và anh cần gì vậy ? ».

Anh bạn trẻ bưng cho ông già đau một chén nước đầy, và nói :

— « Đây, bác Fedya », anh ta nhón cao lên, « chắc chừ bác không cần dùng đôi giày boots của bác nữa, thôi bác đưa cho tôi ; chắc bác hông có đi đâu hỉ. »

Ông già đau tựa cả cái đầu nhẹ nhẹ lên cái chén, thò cả mấy cái râu mép vào chén nước, uống cách yếu ớt nhưng thêm khát. Râu dưới cằm ông nhóp nhúa. Đôi mắt sâu của ông ngược nhìn cách khó nhọc khuôn mặt chàng trẻ. Uống xong ông đưa tay khó nhọc lên chùi môi, mệt quá, ông chùi lên tay áo luôn. Ông ràng thở cách khó nhọc để lấy sức, rồi im lặng nhìn thẳng vào đôi mắt chàng trẻ.

Anh bạn trẻ nói : — « Chắc ông hứa cho ai rồi hả, rứa thì thôi. Tôi mới đi làm về đây, tôi nghĩ là trời ướt át này, hỏi lấy

đôi giày tốt của bác mà mang, chắc bác không cần nữa. Nếu như bác cần thì, — bác nói thử... »

Như thể trong ngực ông già đau có cái gì vừa chớm lên, ông cong gập người lại và ho sù sụ.

Bà làm bếp chợt giận dữ nói lớn, rúng cả cái chòi : « Rửa đó, là tới tháng thứ hai rồi, ông ta không đòi khỏi cái chỗ lò ! Coi ! Ông ta rửa là xong đời ! Đừng nghe ông ta nói mà đau đầu. Ông làm chi mà dùng giày tốt nữa chứ ! Bộ mô có ai chết mang giày tốt mà chôn luôn sao ? Trời ơi ! Ông ta rửa là xong rồi đó. Đem ông đi chòi khác đi, chỗ mô cũng được. Người ta họ nói trên phố có nhà thương trên đó ; nhưng đây lại là chuyện khác — ông ta chiếm cả cái góc đó hoài, tôi chịu hết nổi. Ni không có chỗ mô cho ông. Với lại người ta họ ưng đây cho được sạch sẽ đó ».

Người giám thị chỗ đậu xe từ ngoài cửa gọi vào :

— « Ê, Serega ! Ra ngoài kia kia, hành khách họ chờ ! ».

Serega định đi ra, không chờ ông già đau trả lời nữa, nhưng ông già đau, tuy còn ho, đưa mắt ra dấu rằng ông sẽ trả lời.

Ông già nói : — « Serega, cậu lấy đôi giày tốt đi. Nhưng, nghe này, hễ tôi chết cậu mua cho tôi tấm bia hỉ. » Ông ta nói xong lấy tay chận ngực, nghỉ một chút.

— « Cám ơn bác nghe, tôi sẽ lấy đôi giày, tôi sẽ mua tấm bia cho bác. » Ông già nói : — « Đó, các cậu, các cậu có nghe đó hỉ ! ». Ông lại gập người ho sù sụ.

Một người đánh xe nào đó nói : — « Được rồi, bọn tôi nghe. Ê Serega, thôi đi đi có mà ông giám thị lại kêu nữa. Bà người Shirkinsky là một bệnh nhân, cậu biết đó chứ ! »

Serga liền cõ bỏ đôi giày cũ rách ném xuống dưới ghế. Đôi giày của bác Fedor rất vừa vặn với anh ta. Serega nhìn đôi giày, và đi ra chỗ chiếc xe.

Người đánh xe của chiếc xe sau đang cầm thùng dầu mỡ trong tay, liền nói với Serega :

— « Đôi giày đẹp quá ! Để tôi đánh dầu cho nó đi ! »

Serega trèo lên xe, kéo dây cương. Người kia hỏi : — « Ông ấy cho không đôi giày đó hả ? » Serega đáp : — « Cậu đánh hanh hả ? Thôi chúng mình cho xe đi đi ! » Vừa nói Serega

vung roi. Hai chiếc xe chạy từ từ trên đường ướt, rồi mất hút trong sương mù xám.

Ông già đánh xe bị đau vẫn nằm lại nơi phản bên trên lò bếp, trong căn chòi nghệt thở kia, trần qua trở lại, rồi im lìm.

Người ta ra vô căn chòi, ăn uống cho tới tối — không ai nghe ông già đau động đậy. Lúc chạng vạng, bà nhà bếp tới với lấy cái áo treo phía trên chỗ ông già đau nằm. Ông già nói :

— « Đừng có giận ta Nastasya, ta trả góc này lại bà chứ.»

— « Thôi được, thôi được, không có chuyện chi mà. Nhưng mà bác đau cái chi vậy, nói tôi nghe thử.»

— « Trong người tôi như thể hao mòn hết trội rồi. Có trời biết ! »

— « Chắc là khi bác ho thì ngực đau chớ chi ! »

— « Đau cùng hết cả, chắc tôi chết tới nơi. Ôi chao, ời ời ? »

Bà Nastasya kéo cái áo đắp cho ông già đau và nói :

— « Bác phải đắp cái chân lại như vậy mới được .» Rồi bà đi ra. Cả đêm, chiếc đèn leo lắt cháy trong căn chòi. Nastasya và hàng chục người đánh xe ngủ trên sàn nhà và trên mấy cái ghế dài, ngáy khò khò. Chỉ có ông già đau rên rĩ, ho và lăn qua lộn lại nơi phản phía trên lò bếp. Tới gần sáng thì ông im lìm.

Bà bếp thức dậy, lại sửa soạn cho một ngày khác. Bà vươn vai trong ánh sáng mờ mờ, và nói :

— « Tôi mơ thấy chi lạ ! Thấy bác Fedor trèo xuống phản và đi đốn củi. Bác nói : này Nastya tôi giúp đỡ bà nhé. Và tôi nói với bác : làm sao bác đốn củi được. Bác liền cầm rìu đốn đốn thiệt mau, dăm bắn tung ra. Tôi nói : nhưng bác bị đau mà. Bác nói : không, tôi mạnh mà. Rồi bác vung rìu đốn, đốn, tôi phát sợ. Tôi ré lên thì tỉnh thức. Bác ấy chết rồi à ? Bác Fedor ; ừ, bác ! »

Ông Fedor không lên tiếng.

Một người đánh xe khác thức giấc, nói : — « Sao, bác ấy chết rồi ? Xem thử. »

Bàn tay ồm, đầy lông của ông già bỏ thõng nơi phía trên lò bếp, tái xanh và lạnh ngắt. Người đánh xe liền nói :

— « Đi báo cho ông chủ nhà trạm hay là ông già như đã chết rồi đi. »

Ông Fedor không có bà con. Ông từ phương xa tới. Người ta chôn ông ta ngày hôm sau nơi nghĩa địa mới bên kia khu rừng nhỏ. Một ngày, gặp ai bà Nastasya cũng kể lại giấc mơ bà thấy và kể lại chuyện bà khám phá ra ông già ấy chết trước hết.

3

Mùa xuân đến. Những dòng nước nhỏ từ các đường phố ướt át chảy nhanh xuống giữa những đồng nước đã có phủ phân ; những người đi lại mặc áo quần màu tươi sáng và tiếng nói vui tươi. Nụ cây căng lên đầy trong các vườn nhỏ, và cành cây lay động lào rào với luồng gió mát. Khắp nơi những giọt nước long lanh trong suốt nhỏ xuống... Chim sẻ kêu riu rít và tung lượn. Ngoài trời, nơi các hàng giậu, nhà cửa, cây cối... mọi thứ đều như kích động và tươi sáng. Niềm vui và sự tươi trẻ như khắp trong trời đất và lòng người.

Những cơn rơm tươi rải rác trước ngôi nhà lớn của một vị quý phái nơi một đường lớn kia ; trong nhà, bà bệnh nhân đòi đi du lịch nước ngoài hôm trước, nay đang hấp hối.

Chồng bà bệnh nhân đang đứng cạnh một người đàn bà lớn tuổi ngoài cửa phòng bệnh. Một giáo sĩ ngồi nơi ghế, đôi mắt nhìn xuống đất, tay đang cầm vật gì cuộn lại trong cái khăn choàng lớn. Trong ghế bành nơi góc, một bà già — mẹ bà bệnh nhân — nằm ngửa khóc cách cay đắng. Cạnh bà có một đứa trẻ gái cầm một cái khăn tay sạch, đợi hễ bà ta hỏi là đưa ; một đứa trẻ khác đang vuốt vuốt những lọn tóc của bà và thổi nhẹ nhẹ sau gáy cho bà.

Người chồng nói với người đàn bà lớn tuổi, bà con với ông : — « Nào, đi đến đây. Nhà tôi tin đi lắm, đi nói với nó cho nó tin tưởng, nào, đi ». Ông sắp mở cửa cho bà ấy vào thì bà ta ngăn lại, đưa khăn tay lên mắt bà chặm mắt và lắc đầu.

— « Được, chừ tôi hết có vẻ đã khóc ». Nói xong bà ta mở cửa, vào trong phòng bệnh nhân.

Người chồng rất xúc động và như thể bắn loạn hoàn toàn. Ông sắp sửa đến chỗ bà già đang nằm, nhưng được hai ba bước ông

lại quay qua, đến chỗ vị giáo sĩ đang ngồi. Vị giáo sĩ nhìn ông, rồi ngược lên trời thở dài. Bộ râu xám rậm của vị giáo sĩ cũng vung lên rồi thông xuống.

Người chồng nói : — « Lạy Chúa ! Lạy Chúa ! »

Vị giáo sĩ thở dài : — « Làm sao ? » Ông lại ngược mày lên, râu lại vung lên rồi thông xuống.

Người chồng nói cách tuyệt vọng : — « Lại có bà Mẹ đây nữa. Bà chắc chịu không nổi. Bà thương nhà tôi quá, Bà thương nhà tôi quá, như thể Bà... À, mà tôi cũng không biết nữa. Thưa Cha, Cha khuyên giúp bà Mẹ nhà tôi đi ra ngoài được không ? »

Vị giáo sĩ đứng dậy và đi đến chỗ bà già đang nằm, và nói :

— « Thưa bà, lòng mẹ thì khó ai kể cho hết, nhưng Chúa bao dong ».

Nét mặt bà già chột nhứ lại, và bà nức lên vì xúc động.

Vị giáo sĩ thấy bà hơi dịu được một chút thì tiếp :

— « Chúa bao dong, thưa bà, nơi giáo khu của tôi có người đau còn nặng hơn Marya Dmitrievna đây nữa nhưng rồi uống được thảo ít lâu là lành. Tôi có nói cho Vassily Dmitrievich nghe chuyện đó. Người lành kia nay ở Moscow. Ta sẽ thử được thảo. Ít ra cũng làm dịu bớt cho bệnh nhân. Có Chúa thì việc gì cũng có thể thành tựu ».

— « Không, nó không sống được nữa. Nếu chỉ là tôi thì — nhưng mà Chúa sẽ dắt nó đi ». Con nức lại đến và bà ta ngắt xiu.

Ông chồng bà bệnh nhân đưa tay ôm mặt chạy ra khỏi phòng.

Ra ngoài hành lang ông gặp đứa con trai sáu tuổi của ông đang đuổi đứa em gái chạy trên hiên. Người vú thấy ông thì hỏi :

— « Thưa, ông không muốn cho bỗng các em vào thăm mẹ ? »

— « Ừ, không, bà không muốn nhìn các cháu. Đừng làm rầy bà ».

Đứa bé trai con ông dừng lại một chút, nhìn khuôn mặt cha nó, rồi chột vung chân, ré một tiếng như mừng và chạy. Nó chỉ đứa bé gái và nói :

— « Ba, ba, con bắt chỉ làm ngựa nghe ba. »

Lúc đó, trong phòng bệnh người bà con ngồi bên cạnh bà bệnh nhân, khéo léo đưa dắt câu chuyện để cho bà bệnh nghĩ đến cái chết một cách tự nhiên. Vị bác sĩ thì đang pha thuốc gần chỗ cửa sổ.

Bà bệnh nhân mặc áo trắng, chung quanh bà gối đống đầy. Bà ngồi dựa vào gối, yên lặng nhìn người bà con. Chợt bà nói :

— « À, di, di đừng có khéo léo đưa dắt tôi nữa. Đừng có coi tôi như trẻ con. Tôi là người theo đạo Chúa. Tôi biết. Tôi biết tôi sống không được bao nữa. Tôi biết nếu chồng tôi chịu nghe tôi sớm, thì tôi đã ở Ý, và có lẽ chắc chắn tôi khỏe mạnh rồi. Ai cũng nói với ông vậy. Nhưng mà biết làm sao, rõ ràng là ý Chúa. Chúng ta ai cũng nhiều tội lỗi. Tôi biết thế, nhưng tôi tin rằng Chúa bao dung tha thứ cho mọi người, vâng có lẽ cho mọi người. Tôi cố hiểu tôi. Tôi có nhiều tội lỗi, di à. Nhưng tôi cũng chịu đựng đau khổ biết bao. Tôi đã cố gắng nhẫn nại chịu bao là đau khổ... »

Người bà con nói : — « Tôi mời Cha đạo, chị nhà. Làm lễ rửa tội, chắc chị sẽ thấy dễ chịu hơn. »

Bà bệnh nhân cúi đầu có ý bằng lòng. Bà thầm nhủ : « Lạy Chúa, tha tội cho con, con tội lỗi. »

Người bà con đi ra và gạt đầu ra dấu cho vị giáo sĩ. Bà ta khóc nói với người chồng bà bệnh nhân :

— « Chị ấy là một thiên thần ! »

Người chồng bật khóc ; vị giáo sĩ đi vào ; bà già vẫn còn thêm thiếp chưa tỉnh, ngồi bất động nơi phòng trước. Năm phút sau vị giáo sĩ đi ra, lấy khăn chùi xuống, và vuốt tóc.

— « Lạy Chúa, giờ bà ấy bình tĩnh hơn, bà ấy muốn gặp ông. »

Người bà con và người chồng đi vào. Bà bệnh nhân đang lặng lẽ khóc, nhìn vào ảnh Chúa.

Người chồng nói : — « Anh chúc mình đó, mình. »

— « Cảm ơn anh ! Giờ em khỏe lắm. Em thấy dịu dàng dễ chịu chi lạ. » Một nụ cười trên môi mỏng của bà bệnh nhân, bà

tiếp : « Chúa bao dung biết bao. Không phải là Chúa độ lượng và toàn năng đó sao ? » Bà lại nhìn có vẻ khẩn cầu lên ảnh Chúa, mắt đầy nước mắt.

Rồi chợt như bà nhớ lại chuyện gì. Bà ra dấu gọi chồng lại.

— « Anh không bao giờ muốn làm những gì em yêu cầu cả », bà nói giọng yếu ớt và như không bằng lòng.

Người chồng nhường cổ, yên nghe, và hỏi :

— « Là cái gì, mình ? »

— « Bao nhiêu lần em nói là mấy ông bác sĩ này không biết chi cả ; họ chỉ chữa lành vết thương, họ chưa... Vị Cha đạo vừa nói là... người trên phố... Mời đi anh. »

— « Mời ai, mình ? »

— « Trời ơi ! Anh ấy chẳng muốn hiểu cái gì cả ! » Bà bệnh nhân nhíu mày và nhắm mắt lại.

Vị bác sĩ, đến gần, cầm tay bà lên. Mạch đập yếu dần thấy rõ. Ông gật đầu gọi người chồng. Bà bệnh nhân nhận thấy và nhìn quanh cách sợ hãi. Người bà con quay mặt chỗ khác và bật khóc.

Bà bệnh nhân nói : — « Đừng khóc, đừng hành khổ tôi và đi, làm mất chút bình yên còn lại của tôi. »

Người bà con hôn tay bà bệnh nhân và nói : — « Chị là một thiên thần ».

— « Trời ơi, hôn tôi chỗ này này. Người chết kia mới hôn tay họ chứ ! ».

Đêm đó bà bệnh nhân chỉ còn là xác chết, xác liệm vào hòm để trong phòng căn nhà lớn. Căn phòng đóng cửa, người trợ tế ngồi một mình đọc kinh thánh David, giọng mũi, đều đều. Ánh đèn sáp sáng trên chân đèn cao tỏa xuống cái trán xanh xao của người chết, cả trên tay, trên những nếp gấp cứng đờ của đồ liệm ; chỗ đầu gối và bàn chân vãi nhô lên cao trông dễ sợ. Người trợ tế đọc kinh đều đều, không thêm hiểu ; trong căn phòng vắng lặng tiếng đọc kinh chạy ra xa rồi mất hút. Thỉnh thoảng tiếng trẻ con la chạy vang lên ở một phòng ngoài kia.

Người trợ tế đọc lời kinh : « Người khuất mặt — nhiều kẻ lo lắng. Người chiếm cả linh hồn họ — Những kẻ chết trở về cát bụi. Người gửi chò họ linh hồn Người — họ được tạo nên và làm mới cho mặt đất. Vinh quang của Chúa đời đời.»

Khuôn mặt người chết nghiêm trang, bình tĩnh, và uy nghi. Trên vầng trán sáng lạnh, trên đôi môi mím chặt không có gì cử động nữa. Bà ta với dáng bộ chú ý. Nhưng còn hiểu gì những lời thánh trầm trầm kia ?

4

Một tháng sau, người ta dựng một nhà mồ nhỏ bằng đá trên mộ người đàn bà đã chết kia. Còn mộ người đánh xe già thì vẫn chưa có được tấm bia, chỉ có cỏ mọc xanh trên ngôi mộ là chứng tích duy nhất của cuộc đời ông ta.

Có lần bà nhà bếp bảo anh chàng đánh xe trẻ : — « Nếu cậu không dựng tấm bia cho bác Fedor, là mang tội đó, cậu Seroga à. Cậu cứ hẹn : đề mùa Đông, đề mùa Đông, mà cho tới nay cậu không giữ lời ? Tôi có tới đó. Bác ấy đòi cậu dựng bia đó ; cậu mà không dựng, bác ấy lại về bóp cổ cậu đó.»

— « Sao được, hồi nào tôi thất hứa đã chứ. Tôi sẽ mua tấm bia như tôi nói đó. Tôi sẽ mua tấm bia độ một «rúp» rưỡi. Tôi đâu có quên, tôi phải chờ tới đây mới được. Lần sau tôi đi phố. Tôi sẽ mua. »

Một người lái xe nói :

— « Ít ra thì cậu cũng phải dựng một cây thánh giá, nếu không thì là không nên. Cậu đang mang đôi giày boots của ông đó. »

— « Kiểm đâu ra cây thánh giá ? Lấy củi đóng được không ? »

— « Cậu nói cái gì vậy ? Đừng có làm bằng củi chó ! Cậu kiểm cái riu mai sớm vô trong rừng mà lựa cây đốn, gỗ hương hay thứ chi đó cũng được, hỏi người làm gỗ thì biết. Đừng có cho tên gác rừng uống rượu làm chi, cậu không có nhiều tiền thì đừng xài những chuyện vô lối. Cậu xem, tôi làm gậy thanh ngang

xe cách đây vài ngày, tôi liền vô rừng đốn một cây bự, thiệt đẹp, về thay vào, có ai nói chi đâu ».

Mai sớm, vừa tảng mưng, Serega vác cái riu vô rừng.

Một màn sương lạnh trắng đục bao phủ mặt đất, ánh nắng chưa lên. Phương đông chỉ vừa rạng sáng, vòm trời cao có mây dày, không ngọn cỏ lá cây nào động dậy. Chỉ có thỉnh thoảng tiếng cánh chim bay vù trong đám cây rừng hay tiếng bò sột soạt dưới đất. Thình lình có tiếng động lạ vang lên dọc bìa rừng rồi tan xa. Rồi lại vang lên, tan xa, thành nhịp đều vào một gốc cây nào đó trong rừng cây im lìm. Một ngọn cây rung rinh kỳ dị; cành lá nó như rì rào chuyện gì; một con chim đậu trên cành chột hót lên, bay qua bay lại một chút, rồi nó ngoắc đuôi đậu qua cây khác.

Tiếng riu dưới gốc thưa dần thưa dần; những dăm gỗ trắng khô văng ra nằm trên cỏ ướt sương, và một tiếng gãy rắc rắc vang lên trong gió. Cả thân cây rung rinh, đu đưa, dựng thẳng, động đến tận rễ. Im một khắc, rồi thân cây lại đu đưa, tiếng rắc rắc lại vang lên, cành nhỏ gãy rào rào khi thân cây ngã từ từ xuống mặt đất ướt. Tiếng riu ngừng chột. Con chim nhỏ hót rồi bay lên cao hơn, cành nó đậu rĩa lông rung rung lên một chút rồi yên như các cành cây khác. Cây trong rừng lại yên lặng vươn cành vui tươi nơi khoảng trống vừa có.

Những tia nắng mặt trời xuyên qua mây trắng muốt, ửng trên trời và chảy tràn lan xuống mặt đất. Sương chảy vào các hốc cây, trên cỏ thì còn hạt lóng lánh, mây trắng tản mạn trên bầu trời xanh. Chim nhảy chuyền trong bụi và kêu líu lo vui vẻ, trên các ngọn cây cao, lá đã hết ướt kêu rì rào cách bình yên hạnh phúc, và các cành cây còn sống như thì thảo trên thân cây đã ngã chết.

NGUYỄN KIM PHUỘNG dịch

VĂN số 129
Tưởng niệm Y - Uyên

Các cô bé khôn hơn người lớn

LỄ PHỤC SINH ĐẾN SỚM. NGƯỜI TA HẾT ĐI CHƠI BẰNG XE trượt tuyết rồi. Song tuyết vẫn còn đọng trên sân, trong làng đã có những dòng nước tuôn chảy. Một vũng nước lớn đọng lại giữa hai khu trại do những dòng nước trên hai sân trại chảy xuống. Hai đứa gái nhỏ hai nhà hai bên đang chơi gần vũng nước. Một đứa nhỏ, một đứa lớn hơn chút. Hai đứa đều được mẹ cho mặc áo mới. Đứa nhỏ áo xanh trời, đứa lớn áo vàng, cả hai đều quàng khăn đỏ. Hai đứa đã làm lễ thánh xong, ra khoe đồ đẹp với nhau, nên bắt đầu chơi với nhau. Chúng định lội xuống vũng nước. Đứa nhỏ định mang giày lội xuống nước, thì đứa lớn nói:

— « Đừng, Malasha, mẹ mi sẽ la chửi. Hai đứa mình cởi giày ra đã. »

Hai đứa cởi giày cởi tất, xắn đồ lên, và lội qua vũng nước để gặp nhau. Nước tới mắt cá chân của Malasha, nó nói:

— « Sâu quá Akulushka, em sợ quá. »

Akulina nói: — « Đừng sợ, không sâu hơn nữa đâu. »

Hai đứa tới gần nhau thì Akulina nói: — « Xem kia, Malasha đừng làm bắn nước lên chửi. Đi cho cẩn thận. »

Nó vừa nói xong thì Malasha bỏ bàn chân xuống cái bồm làm nước bắn ngay lên áo Akulina. Áo bị dính nhớp, nước văng lên cả mũi và mắt Akulina. Thấy áo bị dính nhớp Akulina giận Malasha, kêu đòi đánh. Malasha thì sợ quá, nó lội bò lên khỏi vũng nước để chạy vào nhà.

Vừa lúc đó mẹ Akulina đi ngang qua và thấy con làm nhớp áo dính tất thì hỏi:

— «Sao con nhóp vậ, hả, đâu vậ ?

— «Malasha nó cố ý làm nhóp con.»

Mẹ Akulina liền nắm Malasha và phát một cái sau đầu nó. Malasha ré lên khóc vang. Mẹ nó trong nhà bước ra. «Sao bà đánh con tôi vậ ?» Và bà ta mắng nhiếc người bạn láng giềng. Hai người cãi nhau càng lúc càng to tiếng. Hai người chồng chạy ra ; một đám đông tụ tới giữa đường, mấy người đang to tiếng nhau, không ai nghe ai cả, cãi, chửi, bêu xấu nhau, gần đến ầu ẩu. Lúc ấy một bà già trong nhà đi ra. Bà của Akulina. Bà ta tới giữa đám và phân trần :

— «Nào, xem, các người nhớ thử hôm nay là ngày gì ? Đáng lẽ vui vẻ, thì đừng có gây phiền nhau thế này.»

— «Không ai nghe bà già nói cả, và còn xuýt xô bà ngã ra nữa. Và bà già không làm sao khuyên dụ được mọi người cả nếu không có Akulina và Malasha.

Trong lúc hai bà mẹ chửi mắng nhau thì Akulina đã chùi sạch áo và lội ra chỗ vũng. Nó lượm một cục đá rồi cào cào đất quanh cái vũng cho nước chảy xuống đường. Lúc đó con Malasha cũng lấy một miếng củi ra đào một đường rãnh nhỏ. Vừa lúc hai người chồng định ầu ẩu thì cái rãnh làm chảy nước ra đường, nó chảy ngay lại chỗ bà già đang đứng cố khuyên lơn hai ông chồng. Hai đứa gái chạy men hai bên cái rãnh. Akulina kêu :

— «Malasha, bắt nó, chụp nó.»

Malsha định nói cái gì nhưng nó cười quá nên không nói được.

Thấy miếng gỗ quay quay trôi theo dòng nước, hai đứa gái vừa cười vừa chạy theo, chun ngay vào đám người.

Bà già thấy vậy liền nói với hai người chồng :

— «Các người phải biết sợ Chúa chứ ! Các người, nhà quê, coi chừng đánh nhằm mấy đứa nhỏ, chúng quên chuyện, chơi với nhau rồi, xem có vui vẻ không. Chúng mà khôn hơn các người đó !»

Hai người chồng nhìn hai đứa con nhỏ, và rất lấy làm dị. Bèn cười và trở vào nhà.

«Nếu các người không trở nên như trẻ thơ thì không bao giờ được vào nước Chúa».

Người ta sống bởi gì ?

« NÊN NHỚ RẰNG CHÚNG TA ĐÃ LUÂN CHUYỂN TỪ CHẾT qua sống trong tình yêu thương anh em ; ai không có tình yêu thương sẽ sớm bị chết » (I Epistle St. John III, 14).

« Nay, giả sử có người được của cải trần gian, thấy anh em mình thiếu thốn, người ấy lòng dạ sắt đá chống lại anh em, làm sao ta có thể bảo được rằng tình thương Chúa có nơi lòng người ấy? » (Ibid. III, 17)

« Nay các con, hãy tỏ tình thương của chúng ta bằng hành động thử thách, chứ không bằng những câu trên đầu môi » (Ibid. III, 18)

« Yêu thương những gì nảy sinh từ Chúa. Người ta không thể thương yêu nếu không được sinh ra bởi Chúa, và biết Chúa. » (Ibid. IV, 7)

« Làm sao người không có tình yêu thương mà lại biết được Chúa, vì Chúa là tình yêu thương ? » (Ibid. IV, 8)

« Chưa ai thấy Chúa ; nhưng nếu chúng ta thương yêu nhau, thì Chúa ở trong ta. » (Ibid. IV, 12)

« Chúa là tình yêu thương, ai ở trong tình yêu là ở trong Chúa, và Chúa ở trong người đó. » (Ibid. IV, 16)

« Nếu một người khoe khoang về tình yêu Chúa, trong khi kẻ ấy thù ghét anh em, thì kẻ ấy là người nói dối. Người ấy thấy được anh em mà không yêu anh em thì làm sao có tình yêu đối với Chúa mà người ấy không bao giờ thấy. » (Ibid. IV, 20)

MỘT NGƯỜI THỢ ĐÓNG GIÀY, KIA SỐNG VỚI VỢ CON TRONG góc nhà của một người nông dân. Người thợ không có nhà và đất riêng, ông ta nuôi gia đình bằng nghề vá giày. Bánh mì thì cao mà việc làm thì rẻ, nên ông kiếm được bao là tiêu hết ngay. Người thợ có một chiếc áo choàng bằng lông mà hai vợ chồng thay nhau mặc, nay đã rách hết ; sau hai năm làm việc, người thợ mua da cừu để may áo choàng mới.

Khoảng mùa thu thì người thợ tính vừa đủ tiền : ba «rúp» để trong rương vợ, năm «rúp» hai mươi «kopects» mà mấy người trong làng thiếu chịu ông nữa. Thế là, sáng sớm kia, người thợ giày sửa soạn vào làng để mua da cừu. Ông mặc cái áo độn bông vải của vợ dưới lớp áo choàng, bỏ ba đồng «rúp» trong bọc, bẻ một cái cây làm gậy chống đi, và ăn sáng xong thì người thợ dời nhà. Ông nghĩ thầm : « Minh đi thu năm rúp nơi mấy người đó, thêm vào ba rúp này, và mua da cừu đủ may cái áo. »

Người thợ giày vào làng, lời nhà một nông dân thiếu tiền ông. Người này không có nhà. Bà vợ hứa rằng tuần sau sẽ nói chồng đem tiền trả, chứ còn bà thì bà không có tiền ; người thợ giày tới nhà một nông dân khác, người này thề rằng không có một xu, chỉ còn 20 kopects nhờ sửa giùm đôi giày bột thôi.

Người thợ giày liền nghĩ rằng : thôi thì mua chịu da cừu vậy. Nhưng người bán da cừu không bán chịu, mà nói :

— « Ông đem tiền tới đây, muốn chọn thứ nào cũng được, chứ còn bán chịu, thì thôi, chúng tôi hiểu hết rồi ! »

Thế là ngày hôm đó người thợ giày bỏ việc hết một ngày, mà đi đòi thì chỉ được có 20 kopects tiền sửa đôi giày bột, mà đôi giày thì phải sửa lại bằng da.

Người thợ giày cảm thấy buồn, uống hết 20 kopects rượu vodka luôn, rồi trở về nhà, chưa mua được da cừu may áo. Lúc sáng ra đi thấy lạnh, giờ sau khi uống rượu người thợ giày thấy ấm, dù không có áo da mà mặc. Ông ta đi trên đường, một tay cầm khúc gậy chống lợp cộp trên mặt đất giá băng, tay kia thì cầm dù đưa đôi giày bột, và tự nhủ :

— « Không có áo choàng mà cũng ấm ; uống nửa chai rượu, máu chạy căng đầy mạch. Khởi cần áo da cừu nữa ! Đi một vòng, quên hết lo lắng. Minh là cái thứ người gì ? Khởi cần áo lông cừu đi ! Cả đời mình không cần một cái áo nữa mà ! Chỉ có điều là, con mụ sẽ nhằn lắm. Mà thiệt nhục — làm việc cho người ta rồi bị họ nắm đầu lôi đi. Đứng đó ! Đem tiền lại cho tao, không, tao đánh mày bay đầu. Cái gì vậy ? Thì tờ hai, chục kopecs nó đưa mình. Uống rượu hết. Vậy đó. Nó nói gặp lúc khó khăn. Bộ ông nói ông gặp lúc khó khăn còn tôi thì không sao ? Ông có nhà, có nuôi súc vật, đủ thứ, còn tôi có cái áo đây thôi ; ông làm được bánh mì để ăn, còn tôi phải đi mua, đừng kể chuyện chi nội bánh mì không thôi tôi phải mất mỗi tuần ba « rúp » rồi. Nhiều khi tôi đi đâu, về đã hết bánh mì, lại phải mua hết một « rúp » nữa. Thôi ông trả tiền đây cho tôi... »

Người thợ giày đi vừa đến chỗ nhà thờ, ngang khúc đường queo, ông ta thấy có gì trắng trắng nơi lưng nhà thờ. Trời đã đổ tối. Người thợ giày nhìn kỹ nhưng không thể phân biệt đó là cái gì. Ông ta nghĩ bụng : « Chỗ đó có tảng đá nào vậy đâu. Hay trâu bò chi ? Cũng không ra hình trâu bò. Xem như là người ta, mà có cái gì trắng trắng. Một người, thì họ đang làm chi chỗ đó ?

Tới gần thì ông ta thấy rõ. Cảnh lạ thay : đó là một người, không rõ chết hay sống ; mà đều ở trần, bất động, nằm dựa vào tường nhà thờ. Người thợ giày sợ hãi, liền nghĩ : « Chắc ai giết người này, lột đồ, và lia ông ta lại đây. Tốt hơn mình nên bỏ đi, đừng có xen vô chuyện này. »

Người thợ giày bỏ đi. Ông quẹo khỏi nhà thờ để khỏi còn thấy người đó. Đi qua khỏi, ông ngoái quanh lui, lại thấy người kia rục rịch và như thể là nhìn theo. Người thợ giày sợ hãi hơn, và nghĩ : « Mình nên tới với người đó, hay bỏ đi ? Hể tới, dám bị rắc rối lắm, ai biết đó là ai ? Đem bỏ đó tức là có chuyện không lành rồi. Mình tới rủ người đó níu mình, thì làm sao đi ? Người đó không níu mình, thì mình cũng phải cồng. Một người ở trần như vậy mình biết làm sao ? Không thể cởi cái áo này mà mặc cho người đó. Thôi lạy Chúa, mình đi cho rồi. »

Và người thợ giày lại bước nhanh. Nhưng được một đoạn thì lương tâm ông như giật ông trở lui.

Người thợ giày đứng im một lúc giữa đường. Ông tự nói với mình : « Semon, mày làm cái gì vậy, một người hấp hối trong đau thương, mà mày sợ, mày bỏ mày đi. Mày có phải tên bunn xin không ? Mày sợ người ta ăn cắp hết của cái của mày hả ? Ấy Semon, hồ thẹn lắm ! »

Semon quay lui bước tới chỗ người đó.

2

Semon đến gần và chú ý nhìn thật kỹ : người đàn ông còn trẻ, có vẻ như giàu sang, trên mình không có vết bầm tím nào cả, nhưng chàng ta bị lạnh ngắt và kinh sợ, ngồi dựa ngửa lên mà không nhìn thấy Semon, như thể không đủ sức ngược cặp mắt lên nữa ! Semon bước sát tới, thì thỉnh linh người đó quay đầu lại và nhìn Semon. Tự nhiên Semon thương ngay chàng thanh niên này. Semon lia đôi giày bột xuống đất, mở nịt, và cởi cái áo khoác ngoài, bảo :

— « Đó, bạn đi đã, chi rồi hãy nói chuyện sau. »

Semon đỡ cánh tay người kia và giúp chàng đứng dậy. Người đó đứng lên, Semon thấy thân thể chàng ốm yếu mà sạch sẽ, tay chân xinh xắn, nét mặt dịu dàng Semon choàng áo lên vai người đó, kéo tay chàng xoắn vào áo và nịt lại cho chàng.

Semon định lấy cái mũ rách đang đội trên đầu đội cho người đó, nhưng ông thấy lạnh đầu mình, và nghĩ : « Đầu mình bị sỏi nhiều chỗ, mà đầu người này có tóc cuộn, thôi. » Ông ta lại đội mũ lên đầu mình. « Thôi, để cho người này đội giày. »

Semon ngồi xuống và giúp người đó mang đôi giày bột. Xong người thợ giày liền nói :

— « Đó, rồi đó, anh bạn, thôi chừ anh đứng dậy đi đi lại lại cho ấm. Anh đi được không ? »

Người đó đứng dậy, nhìn Semon cách dịu dàng, nhưng không nói lên được một tiếng.

— « Sao, anh không nói được à ? Thôi trời này không ở đây được. Tôi phải về nhà đã. Nào đi, anh bạn cầm, chống cây gậy đây này. Nhích một chân xem. »

Người đó bắt đầu đi cách dễ dàng chứ không kéo lê đôi chân. Hai người ra đường, Semon hỏi :

— « Xin hỏi, anh bạn ở đâu vậy ? »

— « Không ở quanh đây ông à. »

— « Vâng, người quanh đây thì tôi biết hết ; xin hỏi làm sao anh lại tới chỗ nhà thờ đó ? »

— « Tôi không nói được. »

— « Tôi chắc ai làm hại anh chứ gì ? »

— « Không ai hại tôi cả. Chúa phạt tôi. »

— « Thì cũng rõ là Chúa ở khắp nơi, nhưng dù vậy thì anh cũng phải ở một nơi nào tới đây chứ ? »

— « Tôi thì ở đâu cũng vậy thôi ! »

Semon ngạc nhiên hết sức. Người này không có vẻ chi là xấu xược, lời nói dịu dàng lịch sự lắm, mà sao không chịu nói cho biết rõ về anh ta. Và Semon nghĩ : « Gì lạ vậy ! » Semon lại nói :

— « Thôi được, đi tới nhà tôi đã rồi hãy đi theo đường ông. »

Semon đi tới, người lạ không rời bên ông. Một ngọn gió thổi qua, lạnh thấm vào trong áo của Semon. Ông ta tỉnh rượu, và thấy lạnh. Ông nháy mũi, và riết cái áo mà ông mặc của vợ ông vào sát người. Ông nghĩ : « Hà, cái áo da cừu ! mình đi mua da, mà rồi về, cái áo khoác cũng không còn, lại dẫn người ở trần về để sắm giày cho nữa. Chắc Matrona không chịu rồi ! » Nghĩ đến Matrona, Semon thấy phiền lo. Ông ta liền liếc nhìn người lạ, nhớ lại cái nhìn của anh ta lúc chỗ nhà thờ, ông bỗng thấy lòng mình vui vẻ.

3

Bà vợ Semon đã làm xong công việc sớm. Bà chế củi, múc nước, cho mấy đứa con ăn, bà cũng ăn ba miếng, rồi bắt đầu lo nghĩ; bà không biết nên làm bánh mì bây giờ hay để mai làm? Còn lại khá nhiều. Bà nghĩ: « Nếu ông Semon đã ăn cơm ở ngoài rồi, thì bánh còn lại đủ ăn cả mai nữa. »

Matrona xem qua xét lại mớ bánh và nghĩ: « Thôi bữa nay đừng làm nữa. Chỉ còn bột đủ làm một ổ. Thôi để tới thứ sáu. »

Matrona cắt bánh, ngồi vào bàn vá áo cho chồng. Vừa vá áo, Matrona vừa nghĩ đến chồng, nghĩ đến việc ông đi mua da may áo.

— « Không biết người bán da có lừa gạt ông chồng mình không. Ông chồng mình ổng ngờ quá. ổng không hề gạt ai, mà tụi con nít cũng chọc ổng được. Tám «rúp» đâu có ít chi. Đủ mua da may cái áo thật bảnh, thứ da không mòn, thứ thật tốt. Mùa đông năm ngoái không có cái áo, thiệt phải chống cự với lạnh mệt hết sức! Không đi đâu được cả. Ông ấy mà đi khỏi nhà, mặc hết cả đồ, là mình chịu, không có chi mặc nữa! Sáng nay ổng đi cũng không sớm chi, nhưng giờ chừ thì phải về chứ. Vái trời cho ổng đừng có ăn uống tiệc tùng chi. »

Matrona vừa nghĩ tới đó thì nghe tiếng bọc thềm kêu kít kít, có ai đi vào. Matrona dắt kim, và bước ra xem. Ủa — có hai người đi vào: Semon và một người lạ nữa đầu không đội mũ, chân thì mang boots.

Matrona nhận ngay ra hơi thở của chồng sặc mùi rượu. Bà ta nghĩ: « Thôi rồi, ổng chè chén say sưa rồi! » Và bà lại thấy chồng không mặc áo khoác, chỉ mặc cái áo độn bông của bà, tay thì không ôm thứ gì cả, mắt ngó xuống đất, im lặng chẳng nói gì, tim Matrona như ngừng đập. « Thôi, ổng uống rượu hết trơn tiền rồi, dẫn cái tên vô-tích-sự này theo chè chén, lại còn dẫn về nhà nữa. »

Matrona để hai người bước vào nhà, và thấy người lạ mặc cái áo của chồng mình, không đội mũ, người ốm gầy và còn trẻ. Bước vào nhà, chàng ta đứng yên, không động đậy mà cũng không nhìn lên. Matrona nghĩ: « hắn ta là người không tốt, hắn ta sợ. »

Matrona cầu nhàu, tới chỗ lò bếp đứng đợi xem hai người làm gì.

Semon lấy mũ xuống, ngồi trên ghế dài, như thể không có chuyện chi. Ông bảo :

— « Ê, Matrona, dọn cơm tối ăn đi ! »

Matrona lăm bằm chi, rồi đứng yên chỗ bếp, nhìn người này rồi người kia, và lắc đầu. Semon thấy vợ mình giận, và ông cũng không biết làm sao. Ông nắm tay người lạ, như thể không có chuyện chi, bảo :

— « Anh ngồi xuống đây đi, rồi ăn tối. »

Người lạ ngồi xuống ghế dài.

— « Sao, mình không nấu chi ăn à. »

Tới đó thì bà Matrona nổi cơn lên :

— « Tôi nấu, mà đâu có phải để cho ông ăn ! Ông uống rượu say mềm rồi mà ! Ông đi, ông mang áo ông đi, rồi ông về, ông về không, lại dẫn cái thứ lang thang này về. Tôi đâu có cơm cho mấy thứ say đó ăn ! »

— « Matrona, đừng có già mồm không đâu ! Bà phải hỏi người ta ra cái hạng gì đã chứ... »

— « Ông nói tôi nghe thử tiền đi đâu hết ? »

Semon thò vào áo, lôi tờ bạc ra, và sè ra : — « Đó, tiền đó. Còn ông Trifonov thì không chịu trả, hứa mai mới trả. »

Bà Matrona lại giận hung : hóa ra ông chồng đã không chịu mua áo, mà lại còn có cái áo, đem cho người ta đi, còn dẫn người ta về nữa !

Bà giật lấy tờ giấy bạc cất đi, và nói :

— « Tôi không có cơm cháo gì hết. Ông không có nuôi những cái người uống rượu say, ở trần như vậy ! »

— « Ê, Matrona, bà giữ mồm giữ miệng chứ. Phải nghe người ta nói người nào đây trước đã chứ... »

— « Thôi, tôi đã lỡ nghe kẻ điên say rượu. Lấy ông đề chẳng được cái tích sự gì. Áo quần mẹ cho, ông cũng đem bán uống rượu, chứ tiền để mua cái áo, ông cũng đem bán uống nữa. !

Semon muốn giải thích cho vợ ông rõ là ông chỉ uống có hai mươi kopects mà thôi, và người này ở đâu mà ông dẫn về, nhưng bà vợ cứ một hai nói trước ông. Và những chuyện xảy ra mười năm về trước lại bây giờ trở lại...

Matrona nói và nói, đoạn rồi nhảy tới chụp niu lấy tay áo chồng.

— « Trả cái áo lại đây tôi. Tôi chỉ còn có cái này, ông lấy ông bán cho một mình ông ! Đưa ngay lại đây tôi, cái đồ chó ghẻ, ông, cái đồ hư sự, chết phứt đi cho rồi. »

Semon cởi áo ra, lộn một tay áo lại, bà vợ thì giựt, cái áo rách tước ngay chỗ đường tà. Matrona thu lấy cái áo, trùm lên đầu và chạy ra cửa. Bà định đi ra luôn thì chợt lại đứng lại, tự nhiên bà động lòng, bà muốn hết giận, và muốn biết người lạ kia là ai.

4

Bà Matrona đứng lại và nói :

— « Nếu ông ta là người tốt, thì đã không ở trần như vậy ; chi không có cả cái áo mà bán nữa ! Mà nếu ông ấy làm nghề chi bảnh, thì tôi hỏi ông, làm sao ông dẫn ông ấy về đây được ? »

— « Đề ta nói cho bà nghe này : ta đang đi trên đường, người này ngồi nơi nhà thờ kia, trần truồng và lạnh giá. Bà phải biết mùa này không phải là mùa hè. Chúa đã định, và tôi đã tới với người này. Vậy, tôi làm sao ? Chuyện phải xảy ra như vậy. Tôi mặc đồ cho ông ta, dẫn về đây. Bà phải nghĩ lại chớ. Coi chừng mà mang tội. Bà phải nhớ rằng, chúng ta ai rồi cũng chết cả. »

Matrona muốn cãi lại, nhưng ngồi nhìn người đàn ông lạ, bà làm thinh. Người lạ vẫn ngồi yên nơi ghế dài, tay để trên đầu gối, đầu gục xuống tận ngực. Mắt người ấy nhắm ghiền lại và nét mặt nhàn nhó như thể có cái gì đau đớn trong người. Bà Matrona yên lặng. Ông Semon nói :

— « Bà Matrona, chắc trong lòng bà không có Chúa ».

Nghe vậy, bà vội nhìn người lạ, và thấy trong lòng dịu lại. Bà dời cửa, đi xuống nhà bếp, và dọn bữa lên. Bà để một tô nhỏ trên bàn, đổ « kvass » ra và lấy bánh mì, bà đem lên dao và nĩa nữa. Bà nói :

— « Thôi, ăn đi ».

Semon hỏi người lạ ngồi vào bàn, ông nói :

— « Ngồi xuống đây đi, anh bạn ».

Semon cắt bánh mì, bẻ ra miếng nhỏ, và bắt đầu ăn. Trong khi đó, bà Matrona ngồi nơi góc bàn, chống tay ngồi nhìn người lạ. Bà cảm thấy tội nghiệp cho người ta và thấy thương. Tự nhiên người lạ vui mừng, hết cau mày, ngược nhìn bà Matrona và mỉm cười.

Ăn xong, bà Matrona dọn dẹp, và bắt đầu hỏi dò người lạ :

— « Ông ở đâu tới đây ? »

— « Không ở đây ».

— « Làm sao ông lại tới chỗ đường đó ? »

— « Tôi không thể nói ra ! »

— « Ai ăn cắp hết của ông vậy ? »

— « Chúa phạt tôi ».

— « Vì vậy mà ông nằm trần ngoài lạnh ? »

— « Tôi nằm đó, bị lạnh buốt, ông Semon thấy tôi, thương hại, cởi áo của ông ta mà mặc cho tôi, và bảo tôi về đây. Về đây bà cho ăn uống và thương hại tôi. Chúa sẽ giúp bà ! ».

Bà Matrona đứng dậy lấy cái áo của ông Sermon mà bà đã vá khi chiều và treo nơi thành cửa sổ, bà đưa cho người lạ, bà đi tìm cho người lạ một cái quần dài. Bà nói :

— « Đây, thấy ông không có đồ mặc, ông mặc đồ này và tìm chỗ mà đi nằm. Nằm nơi phía trên lò sưởi đó cũng được ».

Người lạ cởi áo khoác, mặc đồ vào và nằm xuống nghỉ nơi bục gỗ. Bà Matrona tắt đèn, mặc áo khoác vào và leo lên nằm cạnh chồng. Bà kéo áo khoác kín, nhưng nằm mà không ngủ được, cứ nghĩ ngợi đến người lạ kia.

Khi bà nhớ lại rằng người đó đã ăn hết phần bánh mì ngày mai của nhà mình và mặc áo quần mình đưa, thì bà mới trở nên lo lắng. Song lại nhớ đến nụ cười của người khách kia lúc ăn tối, bà thấy lòng vui lại.

Bà nằm thức như vậy thật lâu. Rồi bà nhận thấy ông Semon cũng không ngủ được, đang kéo áo lên đắp. Bà gọi :

— « Semon ! »

— « Hỉ ! »

— « Mình ăn hết cả bánh rồi, mà tôi chưa nhồi bột được. Mai không biết làm sao. Phải mượn bà hàng xóm Malanya một ít mới được ».

— « Chúng ta sẽ sống thì chúng ta sẽ có ăn mà ! »

Bà vợ nằm yên không nói gì. Đoạn lại nói :

— « Dù sao, ông khách lạ ấy cũng là người tốt, có điều sao ông ta không chịu nói gì về ông cả ? »

— « Ông không ưng nói ! »

— « Sem này ! »

— « Hỉ »

— « Mình cho người ta, mà nào có ai cho mình ? »

Ông Semon không biết nói gì, chỉ đáp : « Sau rồi hãy hay. »
Đoạn ông ta xoay lại và ngủ thiếp đi.

5

Sáng hôm sau ông Semon thức dậy. Các con còn ngủ, vợ ông đã sang nhà hàng xóm mượn đỡ bánh mì. Người khách lạ ngồi

một mình nơi ghế dài, vẫn mặc bộ đồ cũ bà Matrona đưa khi hôm, và đang nhìn lên, mặt ông ta sáng tươi hơn ngày qua. Ông Semon nói :

— « Ê, anh bạn : dạ dày ta cần bánh mì, thân thể ta cần quần áo. Người ta phải đi kiếm cách sống. Anh bạn biết làm nghề chi ? »

— « Tôi không biết nghề chi cả. »

Ông Semon ngạc nhiên lắm, ông nói :

— « Chẳng nào hễ người ta còn muốn, thì còn có thể học được một cái gì ! »

— « Nếu người ta làm việc, tôi cũng sẽ làm việc. »

— « Tên anh bạn là gì ? »

— « Mikhail »

— « Thôi được, anh bạn Mikhail, anh đã không muốn nói rõ về anh thì thôi, nhưng mà anh phải tìm kế sinh nhai. Vậy, anh làm những việc tôi giao cho anh và tôi sẽ nuôi anh. »

— « Cầu Chúa giúp ông. Được, ông chỉ đi, tôi học và làm được. »

Semon lấy một sợi chỉ, xe lại và lấy ngón tay gút một đầu.

— « Xem ra không khó chi... »

Mikhail ngó kỹ, cũng lấy ngón tay xe được và làm một cái gút.

Ông Semon bày Mikhail cách lột da giày, Mikhail cũng làm được mau lẹ.

Bất cứ việc gì Semon chỉ vẽ, là Mikhail làm được rất giỏi liền ; ngày thứ ba, Mikhail đã làm được tất cả, như thể đã làm nghề suốt đời. Chàng ta làm việc không hờ tay, ăn thì rất ít, hồi nào nghỉ việc thì chàng ta ngồi yên lặng, cứ luôn luôn ngẩng nhìn trời. Chàng ta không hề ra đường, không hề nói một lời gì ngoài những lời cần thiết, không đùa cợt, không cười vui. Chỉ có một lần chàng ta cười, là cái lần bữa tối đầu tiên khi bà Matrona dọn cho chàng ta ăn tối đó.

6

Ngày qua ngày, tuần này qua tuần khác, một năm đã trôi qua. Mikhail sống và làm việc nơi nhà ông Semon như trước. Người ta đồn nhau về người thợ của ông Semon, chàng Mikhail kia, rằng là không có ai đóng giày vừa vặn và bền như chàng ta được, cả khu vực quanh đó đều tìm đến nhà Semon để thuê đóng giày, và tiền của của Semon cũng được phát đạt hưng.

Một lần kia, ông Semon đang ngồi làm việc với Mikhail, lúc ấy nào mùa đông, thì chiếc xe ba ngựa chạy trên tuyết, tới dừng trước chòi. Mikhail và Semon nhìn ra ngoài cửa sổ: xe dừng một chàng trai trẻ nhảy ra mở cánh cửa. Từ trong xe, một nhà quý phái khoác áo lông bước ra, và đi về phía nhà ông Semon. Matrona nhảy tới mở cửa. Nhà quý phái bước vào chòi. Ông ta đứng thẳng gần đống tới trần nhà, choáng y cả một góc phòng.

Semon đứng dậy, cúi đầu chào và lấy làm ngạc nhiên. Ông chưa bao giờ được thấy ai như vậy cả. Semon thì gầy gò, Mikhail thì ốm yếu, còn Matrona chỉ là một que củi khô; song cái ông quý phái này, như thể người từ thế giới khác mới đến: mặt ông ta đầy tròn và đỏ hau, cái cổ to như cổ bò mộng, nhìn chung ông như thể đúc bằng gang bằng thép.

Nhà quý phái thở ra một cái, cởi áo khoác, ngồi xuống chiếc ghế dài và bảo:

— « Ai là ông thợ chủ? »

Semon bước tới và nói:

— « Bẩm quan, tôi đây ạ. »

Nhà quý phái liền gọi lớn người hầu cậu:

— « Hay, Fedka, đem bó da vào đây. »

Chàng hầu chạy ra, đem vào một cuộn nhỏ. Nhà quý phái cầm cuộn nhỏ đặt lên bàn và bảo:

— « Mở ra. »

Chàng hầu cật mở tháo ra. Nhà quý phái chỉ vào tấm da và bảo Semon:

— « Giờ, ông nghe cho kỹ, ông chủ. Ông thấy đây chứ ? »

Semon sờ vào tấm da và nói :

— « Bẩm, tôi thấy. »

— « Ông có nhận thấy đây là thứ hàng tốt chứ ? »

— « Vâng da tốt »

— « Hẳn vậy, tốt lắm. Diên, ông chưa thấy thứ da này bao giờ đâu. Đây là hàng của nước Đức, giá hai chục «rúp» đó. »

Ông Semon kinh hãi và nói :

— « Làm sao chúng tôi thấy thứ như thế này được ! »

— « Thôi được, đừng ngại. Ông đóng giày cho tôi bằng da này được chứ ? »

— « Bẩm quan, dạ được ».

Nhà quý phái nói lớn cho ông Semon nghe :

— « Ông nói « được » cũng chưa đủ. Ông có nhận thấy rõ thứ hàng mà ông sắp làm không ? Ông phải làm cho tôi một đôi giày mà trong một năm chưa hư, đừng nhăn, đừng hở. Nếu được, thì ông lấy đi, cắt và may liền. Nếu không thì thôi. Tôi nói trước cho ông biết : nếu đôi giày mà nhăn hay cong vồng trước một năm, ta sẽ bỏ tù ông ; nếu không hở không hư chỉ trong một năm, thì việc này ta trả ông mười «rúp» ».

Ông Semon sợ hãi và không biết nói thế nào. Ông liếc nhìn Mikhail, lấy cùi hất nhẹ chàng ta, và hỏi nhỏ :

— « Anh, sao đây ? »

Mikhail gật đầu : — « Xin ông nhận lời đi ».

Ông Semon nghe theo lời Mikhail và nhận làm đôi giày theo điều kiện trong vòng một năm mà không nhăn không hở.

Nhà quý phái gọi to chàng hầu cận, bảo cỡi chiếc giày nơi chân trái ông, và ông duỗi chân ra bảo ông Semon :

— « Ông đo đi ! »

Ông Semon lấy một tờ giấy trắng, trải thẳng ra, ông quỳ xuống, chùi tay vào khăn quàng cho sạch để khỏi làm bẩn tất của nhà quý phái, rồi ông bắt đầu đo kỹ lưỡng.

Vừa lúc đó, có ai gọi cửa rất vội. Ông Semon và Mikhail cùng nhìn ra phía cửa sổ : một người đàn ông đang cột ngựa nơi cây. Ông Semon mở cửa. Đó là gia nhân của nhà quý phái.

— « Chào các ông. »

— « Chào ông, ông đến có việc gì ? »

— « Bà chủ tôi bảo tôi đến đây về chuyện đôi giày. »

— « Chuyện gì vậy ông ? »

— « À, ông chủ tôi không cần đóng giày nữa. Ông chủ tôi chết rồi. »

— « Không cần giày à ? »

— « Vâng ông ấy ở đây về chưa tới nhà đã chết trên xe. Khi xe vừa về tới nhà, gia nhân ra mở cửa xe thì ông đã khụy như cái bao tải, chết tự khi nào. Chỉ còn có nước khiêng ông ra khỏi xe. Bà chủ tôi bảo tôi đến đây, bà dặn là : « bảo bác thợ rằng cái ông gửi tấm da dặn đóng giày ống đó, nay không cần giày ống nữa, mà cần một đôi dép, làm cho nhanh lên để kịp mang cho người chết, đợi họ làm rồi đem ngay về đây. » Thành thử tôi đến đây. »

Mikhail liền lấy đôi dép, gói lại chung với cuộn da còn thừa, lấy khăn lau sạch và đưa cho người thanh niên gia nhân. Chàng ta nhận đôi dép và ra về,

— « Chào quý ông ! »

8

Rồi một năm trôi qua, hai năm trôi qua..., Mikhail ở với ông Semon được sáu năm... Mikhail chẳng hề đi đâu, chẳng nói một lời chi ngoài những lời cần thiết. Suốt sáu năm chỉ mỉm cười có hai lần : một lần khi bà Matrona cho anh ta ăn cơm tối, và một lần khi nhìn nhà quý phái đến đóng giày. Ông Semon bằng lòng Mikhail quá sức. Ông không còn thắc mắc Mikhail từ đâu tới. Ông chỉ sợ Mikhail bỏ đi không ở nhà ông nữa.

Một hôm, đang khi bà Matrona thì lo nấu ăn, các con ông bà thì đang vui chơi trên mấy cái ghế, ông Semon thì đang may giày gần cửa sổ, Mikhail cũng ngồi gần một cửa sổ khác đóng đế giày, thì đứa con trai nhỏ ông Semon chạy tới vịn vào vai Mikhail chỉ ra cửa sổ nói :

— « Chú Mikhail, ngó kia, vợ ông thương gia dẫn con đến nhà mình kia. Có một đứa đi cà thọt thấy không chú. »

Mikhail liền bỏ đồ xuống, quay ra chỗ cửa sổ và nhìn sững ra đường.

Ông Semon rất ngạc nhiên. Trước nay Mikhail không bao giờ nhìn ra đường cả, thế mà hôm nay anh ta tựa cửa sổ nhìn sững ra đường. Ông Semon nhìn ra xem thử có gì, thì thấy có một thiếu phụ ăn mặc gọn gàng, tay dắt hai đứa nhỏ, đi về phía nhà ông. Hai đứa bé gái rất giống nhau, cùng mặc áo choàng bông và quàng khăn len, thực khó mà phân biệt chị em, nếu không nhờ một đứa chân trái bị vẹo, đi cà thọt.

Bà mẹ tới chỗ cổng, mở cho hai con đi vào, bà cũng vào theo.

— « Chào quý ông. »

— « Chào bà, bà cần gì đó ? »

Bà mẹ ngồi xuống nơi ghế, hai bé gái khấp nép đứng sát vào chân bà.

— « Tôi muốn đóng cho sắp nhỏ vài đôi giày da để mang vào dịp xuân này. »

— « Dạ, được. Chúng tôi thì chưa đóng giày nhỏ như vậy bao giờ, nhưng mà đóng cũng được. Lót da hay lót vải cũng được. Anh Mikhail đây, thợ nhà nghề đó. »

Ông Semon nhìn qua Mikhail, thấy anh ta để đồ nghề xuống và ngồi yên lặng, nhìn chỉ chăm hai đứa bé gái.

Ông Semon rất lấy làm ngạc nhiên. Ông nghĩ : hai đứa bé dễ thương thật, mắt đen, má phính hồng hào, áo khăn đẹp đẽ ; nhưng tại sao Mikhail cứ nhìn mãi, như thể là có quen biết đâu trước kia ?

Vừa nghĩ ngợi, ông Semon vừa nói chuyện giá cả với bà mẹ. Ngã giá, ông vừa định đo chân cho chúng, thì bà mẹ bỗng đưa thọt chân để ngồi lên đùi bà và nói :

— « Ông cứ đo chân đứa này, rồi làm một chiếc riêng cho

bàn chân có tật, còn ba chiếc kia thì cỡ như nhau. Chân hai đứa giống nhau hết vậy ông à. Dạ chúng sinh đôi đó ».

Ông Semon đo chân con bé gái có tật, và nói :

— « Sao em này bị như vậy ? Trông dễ thương, mà sinh ra đã bị vậy hả bà ? »

— « Dạ không, mẹ nó làm quẹo chân nó đấy. »

Bà Matrona bây giờ mới xen vào, bà muốn biết người đàn bà kia là ai và hai đứa bé con ai. Bà ta hỏi :

— « Vậy bà không phải là mẹ hai em này à ? »

— « À, bà à, tôi chẳng là mẹ mà cũng chẳng là bà con chi cả, tôi là mẹ nuôi thôi, — con nuôi của tôi đó ».

— « Không phải con mà bà thương quá há ! »

— « Làm sao không thương được ? Tôi đã tự nuôi chúng nó. Tôi cũng sinh được đứa con, nhưng rồi Chúa bắt nó đi. Tôi thương con mà thấy cũng chưa bằng thương hai đứa này ? »

— « Con ai vậy bà ? »

Bà mẹ liền kể lại đầu đuôi :

— « Sáu năm trước, cha mẹ hai đứa này thay nhau chết trong vòng một tuần lễ. Ngày thứ ba đám tang cha chúng thì ngày thứ sáu mẹ chúng chết. Cha chúng qua đời ba ngày mẹ chúng mới sinh chúng ra. Vừa sinh chúng ra thì mẹ chúng cũng chết. Hồi ấy vợ chồng tôi làm nông. Chúng tôi là láng giềng cha mẹ chúng, nhà ở sát vách. Cha chúng làm nghề trong rừng, không biết cách thế nào mà bị cây ngã đè lên mình. Người ta chở ông ấy về đến nhà thì vừa trút linh hồn. Cũng tuần lễ đó bà vợ ông ấy sinh ra hai đứa sinh đôi này đây. Tội nghiệp bà vợ một mình, nghèo khó trợ trợ, chẳng bà con thân thuộc chi trơn. Một mình bà ta sinh hai đứa con, rồi cũng chết một mình chẳng ai đoái hoài.

« Sáng hôm sau đó tôi sang với ý định là thăm hàng xóm của mình chơi. Nào hay bước vào nhà đã thấy bà người lạnh ngắt, đang hấp hối, và nằm đè lên chân đứa con mình. Thành thử con bé này bị quẹo chân đây. Hàng xóm mới xúm nhau lại tắm rửa, mặc đồ cho bà ta, mua hòm và mai táng. Họ đều tử tế cả, mới

bảo tôi : « Bà Marya, thôi thì bà tạm giữ hai đứa nhỏ, rồi chúng tôi sẽ tính sau.» Lúc bấy giờ tôi nuôi con tôi đã được tám tuần sữa. Ban đầu tôi không định cho con nhỏ quẹo chân này bú vì tôi không chắc là nó sống được. Song tôi nghĩ : tại sao để cho đứa bé thiên thần chết được ? Tôi thương hại quá. Và tôi cho nó bú. Thế là một lúc nuôi cả ba. Tôi nhờ cái cũng mạnh khỏe và tốt sữa. Nhiều khi sữa dư tràn. Cứ hai đứa bú thì một đứa đợi. Rồi một đứa thôi thì đứa kia bú. Được hai năm sau, Chúa như muốn tôi chỉ nuôi hai đứa này thôi nên đứa con riêng của tôi bị chết mất. Tôi cũng không còn sinh được đứa nào nữa. Nhưng của cải thì lại được phát đạt thêm. Nay chúng tôi trở thành chủ xưởng. Đời sống cũng khá, vốn liếng cũng to. Duy cái là không có con đẻ. Thành thử nếu không sống cho hai đứa này thì chúng tôi làm mà chi ! Sao khỏi yêu thương chúng cho được ! Chúng cũng như ngọn đèn cắm trên chân đèn đối với chúng tôi vậy.»

Bà mẹ một tay ghi đứa gái vào lòng, một tay đưa lên lau nước mắt.

Bà Matrona thở dài và nói :

— « Ngạn ngữ ta có câu : sống không cha mẹ còn được, chứ không có Chúa thì không thể sống. Vậy mà đúng.»

Xong chuyện, bà mẹ đứng dậy ra về, hai vợ chồng ông Semon đưa ra tới cửa. Đoạn quay nhìn Mikhail.

Mikhail lúc đó ngồi yên, để hai tay trên đầu gối, ngàng mặt lên và mỉm cười.

9

Ông Semon bước tới chỗ Mikhail và nói :

— « Anh Mikhail, anh nói đi ! »

Mikhail đứng dậy, tháo cái khăn quàng trước người, cúi đầu chào ông Semon và bà Matrona, đoạn nói :

— « Xin ông bà tha lỗi. Chúa đã tha thứ cho tôi. Thì ông bà cũng tha thứ cho tôi. »

Hai vợ chồng bỗng thấy chung quanh người Mikhail sáng chói. Ông Semon đứng thẳng dậy cung kính chào Mikhail và nói :

— « Tôi thấy ngài không phải là người thường, chúng tôi không có thể giữ ngài lại nữa. Giờ cũng không dám hỏi ngài. Nhưng xin ngài cho được biết : vì sao lúc tôi nhận ra ngài và đưa ngài về nhà, ngài buồn bã, đến lúc vợ tôi đem thức ăn đến ngài lại vui và mỉm cười ? Rồi thì, lúc nhà quý phái dọn làm giày cao ống, ngài lại cười một lần nữa và vui hơn trước ? Cho đến giờ khi bà kia dẫn hai cháu gái đến đây, ngài lại mỉm cười lần thứ ba và hoàn toàn vui vẻ ? Thưa ngài cho chúng tôi biết tại sao có ánh sáng chung quanh ngài, và lại mỉm cười chỉ ba lượt mà thôi ? »

Mikhail liền đáp :

— « Chung quanh tôi có ánh sáng là vì Chúa nay đã tha thứ cho tôi. Xưa tôi bị Chúa phạt. Còn tôi mỉm cười ba lượt là vì nhận ra được ba sự thật Chúa đã dạy. Tôi nhận được những sự thật từ đấng Chúa. Một lần một sự thật khi vợ ông thương hại tôi, tôi đã mỉm cười. Một lần một sự thật khi nhà quý phái bảo đóng giày, tôi đã mỉm cười. Và lần này khi trông thấy hai bé gái, tôi nhận ra sự thật cuối cùng, và tôi mỉm cười lần chót. »

Ông Semon nói :

— « Mikhail, xin ngài cho biết tại sao Chúa lại phạt ngài, và sự thật mà Chúa dạy là gì ? Chúng tôi muốn được rõ. »

Mikhail liền nói :

— « Chúa phạt tôi vì tôi chẳng vâng lời Chúa. Tôi là thiên thần trên thượng giới, tôi đã không vâng lệnh Chúa... »

« Chúa sai tôi xuống trần bắt linh hồn một bà kia. Tôi đang bay trên trời để xem xét thì thấy có người đàn bà đang nằm một mình, đau yếu, vừa sinh được hai đứa con đòi, — hai đứa gái—. Hai đứa con thì đang quọ quậy, mà bà mẹ thì hết sức, không làm sao bỗng được con cho con bú. Bà kia thấy tôi thì biết là Chúa sai tôi xuống bắt hồn bà, liền òa khóc và nói : « Lạy thiên thần, chồng con vừa chết vừa mới chôn, con không có chị em bà con cật ruột, ai mà nuôi con của con. Xin ngài đừng bắt hồn con, cho con sống nuôi hai đứa con nhỏ dại. Không có cha mẹ thì làm sao chúng sống. » Tôi lặng nghe, liền bỗng một đứa nhỏ

bỏ lên ngực bà cho nó bú, bỏ một đứa khác nơi tay bà cho bà ẵm. Rồi tôi bay lại về trời tàu cùng Chúa : « Con không thể bắt linh hồn của người mẹ đang nằm với hai đứa bé. Cha chúng bị chết vì cây ngã đè, giờ người mẹ đó sinh đôi được hai đứa bé, lạy con bảo đừng bắt linh hồn, để cho người đó nuôi con khôn lớn biết đi. Con cái thiếu mẹ cha thì không sống được... Thành thử con không bắt linh hồn người đàn bà đó ». Chúa liền phán : « Hãy xuống bắt linh hồn mẹ đó, và tìm mà học ba sự thật này : xem người ta có được gì, xem người ta không có được gì, và xem người ta sống bởi gì ? Nếu người tìm xem được ba điều đó mới được trở về trời ». Tôi liền bay xuống trần gian bắt linh hồn người đàn bà kia...

« Hai đứa con rơi khỏi thân xác mẹ, xác bà ta lại đè làm queo chân một đứa. Tôi bay lên trời để đem hồn bà ta về cho Chúa, nửa chừng một ngọn gió vụt qua, đôi cánh tôi bị gãy, hồn bà ta một mình lên nước Chúa, tôi thì rơi xuống cạnh một đường rầy trên mặt đất ».

Đến đây ông Semon và bà Matrona mới hiểu rõ người mà bấy lâu nay họ nuôi, đã cho áo quần để mặc. Hai người khóc lóc vừa sợ vừa vui.

Vị thiên thần nói tiếp :

— « Tôi bị nằm trần như nhộng giữa đồng ; tôi đâu có biết những nhu cầu của con người trần gian ; tôi đâu có hề biết đói, lạnh ; thế mà tôi đã trở nên người trần : tự dưng tôi biết đói, biết lạnh... Tôi không biết phải làm thế nào. Vừa khi thấy có nhà thờ nhỏ, tôi chạy đến để núp. Song cửa nhà thờ khóa kỹ tôi không vào được, đành phải ngồi dựa sau tường để tránh gió. Đến chừng tối thì tôi đói quá mà lạnh nữa, đau ê ẩm cả người. Chợt tôi nghe tiếng gì như có người đi tới, tay xách đôi giày ống, nói gì trong miệng. Lần đầu tiên tôi thấy khuôn mặt một người đã ần nét chết bên trong. Tôi thấy sợ và quay mặt đi. Tôi lại nghe người đó lăm bằm tìm cách che thân cho đỡ lạnh qua mùa đông và tìm cách nuôi vợ nuôi con. Tôi mới nghĩ : « Minh thì lạnh lẽo đói khát mà người kia thì chỉ nghĩ đến ông ta mà thôi : chỉ biết lo sao cho có áo bận và bánh ăn cho gia đình vợ con ông ta. Ông ta sẽ không bao giờ giúp ta đâu ». Khi đó người ấy lại thấy tôi,

ông ta cau mày, nom nét mặt ông ta đầy nét chết, ông bỏ đi qua. Tôi thất vọng lắm. Thình lình tôi lại nghe ông quay trở lại. Tôi liếc nhìn thì thấy khác hẳn : nét mặt ông trở lại sống động, và hình ảnh Chúa in trên nét mặt ông ta cách tươi vui. Ông đến bên tôi, mặc đồ cho tôi, đỡ tôi lên và dẫn về nhà. Bước vào nhà, bà vợ ông chạy ra đón. Trông bà còn dễ sợ hơn ông chồng : một linh hồn vừa chết thoát từ miệng bà bay ra, tôi ngạt thở, chịu không thấu hơi của hồn chết. Bà muốn đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi biết hễ bà đuổi tôi ra thì bà chết ngay. Chợt ông chồng nhắc cho bà ta nhớ lại Chúa, bà thay đổi thái độ. Khi bà ta cho tôi ăn, tôi liếc nhìn bà ta thì thấy không còn bóng dáng tử thần nữa. Hình ảnh Chúa sống động trên nét mặt bà.

« Tôi nhớ ra lời Chúa dạy : Tìm xem con người có được gì. Tôi đã biết : con người có tình thương yêu. Tôi vui mừng, vì như vậy Chúa đã cho tôi thấy những gì Người đã hứa. Tôi liền mỉm cười lần đầu tiên.

« Nhưng còn hai điều tôi chưa được biết : con người không có được gì, và con người sống bởi gì ?

« Tôi ở lại sống với ông bà một năm đây. Ngày kia một nhà quý phái đến bảo đóng đôi giày sao cho một năm mà đừng hỏng đừng nhăn. Nhìn ông ta, tôi bắt gặp người bạn xưa của tôi sau lưng ông quý phái đó : thần chết đứng chờ ông ta. Chỉ có tôi mới thấy được thần chết. Tôi hiểu, tôi biết rõ rằng bạn tôi sẽ bắt linh hồn nhà quý phái kia trước khi trời tối. Và tôi nghĩ : « Con người nhìn trước một năm, mà không rõ được tối nay mình chết. » Thế là tôi nhớ lời Chúa dạy : tìm xem con người không có được gì.

« Con người có được gì thì tôi đã biết. Nay tôi biết thêm con người không có được gì. Con người không có được sự nhận thức về con người mình. Tôi liền mỉm cười. Tôi vui vì gặp lại bạn thiên thần xưa và vui vì Chúa đã cho tôi thấy thêm một sự thật.

« Song tôi còn một điều chưa rõ. Tôi không hiểu con người sống bởi gì ? Tôi tiếp tục ở trần gian đợi Chúa vạch cho thấy thêm sự thật cuối cùng. Đến năm thứ sáu, người đàn bà dẫn hai đứa con sinh đôi đến đóng giày. Tôi nhận ra hai đứa bé, nghe người mẹ kể lại chuyện chúng đã làm thế nào được sống sót.

Vừa nghe, tôi vừa nghĩ: «Người mẹ ruột của chúng đã lay ta van xin ta vì thương con. Ta đã nghe lời người mẹ đó, tin là con cái không có cha mẹ thì không sống được, thế mà một người lạ đã nuôi chúng lớn khôn.» Đến lúc bà mẹ nuôi kia ôm đứa bé gái vào lòng, và bà ấy khóc, tôi thấy hình ảnh Chúa sống động nơi bà ta. Tôi hiểu con người sống bởi gì. Chúa đã dạy cho tôi sự thật cuối cùng. Người đã tha tội cho tôi. Tôi mỉm cười lần cuối.»

10

Vị thiên thần hiện nguyên hình cũ, ánh sáng chói lòa không nhìn thấy được, và nói thật lớn tiếng như từ trên trời truyền xuống :

— « Ta hiểu rằng con người không sống bởi những ý muốn của mình mà bởi tình thương yêu.

« Người mẹ kia không thể biết con mình cần những gì để sống. Người giàu kia không thể biết mình tự phải cần những gì. Không ai biết mình cần giày mang được một năm hay dép để mang đựng đầu hôm thì chết.

« Tôi làm người không bởi do những ý muốn của tôi, nhưng chính nhờ tình thương yêu của một người — cũng như tình thương yêu nơi vợ người đó — họ biết thương yêu tôi. Những em bé mồ côi kia còn được sống không phải nhờ những tính toán ích kỷ, mà là nhờ tình thương yêu trong lòng bà mẹ nuôi xa lạ biết thương mến hết lòng. Và mọi người được sống không nhờ ở những gì họ toan tính dự liệu cho mình, mà nhờ ở tình yêu thương có trong lòng mọi người.

« Trước đây ta được biết Chúa sinh ra con người và muốn cho con người được sống. Nay ta còn hiểu thêm một điều.

« Ta hiểu thêm rằng Chúa không muốn con người sống riêng rẽ, và vì vậy không muốn con người biết rõ nhu cầu đích thực của mình. Chúa muốn con người sống chung lại, và vì lẽ đó

muốn cho con người biết rõ nhu cầu vừa của mình vừa của kẻ khác.

«Nay ta hiểu rằng con người ngỗ đầu sống được là nhờ biết lo đời sống riêng mình, nhưng thực ra con người sống là bởi tình yêu thương mà thôi. Con người có tình yêu là có Chúa trong đời, vì Chúa là tình yêu.»

Vị thiên thần liền hát ca tụng Chúa, cả căn lều rung chuyển vì tiếng hát. Đoạn cái trần nhà tách hai ra, một cột lửa từ dưới đất vụt lên trời. Ông Semon, bà vợ ông và các con ngã xuống sàn. Vị thiên thần mọc đôi cánh và bay lên trời cao.

Khi ông Semon tỉnh dậy, căn nhà nhỏ trở lại y nguyên như cũ, trong nhà không có ai nữa ngoài gia đình ông.

NGUYỄN KIM PHƯỢNG dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH :

... « **QÊ HƯƠNG** » ...

tập A

NGUYỄN NGU Í, NGÊ BÁ LÍ,

TÂN FONG HIỆP chủ trương

« NÚI CÚ HÒN BÀ »

xuất bản

Cái xấu cảm dỗ nhưng cái tốt thì tồn tại

THUỞ XƯA, CÓ MỘT ÔNG CHỦ RẤT TỐT. NHÀ ÔNG CÓ NHIỀU đồ và lắm đầy tớ hầu hạ. Máy người đầy tớ thường khoe khoang về ông chủ của mình, bảo: — «Trên đời này không có ông chủ nào tốt hơn ông chủ chúng tôi. Ông nuôi bọn tôi và cho ăn cho mặc đànng hoàng tử tế, giao cho công việc vừa phải, ông không bóc lột ai và ganh tị ai. Ông không như các người chủ khác đối đãi với đầy tớ tàn tệ hơn súc vật, hành hạ vô cớ và không bao giờ nói lời dịu ngọt. Ông chủ chúng tôi muốn chúng tôi được tử tế, ông đối đãi tốt và nói dịu lời với chúng tôi. Chúng tôi không còn muốn cuộc đời nào khác hơn.»

Các đầy tớ đều ca tụng chủ như vậy. Quỉ Sứ mới lấy làm khó chịu rằng sao đầy tớ mà sống yêu thương và vui lòng với chủ được. Quỉ Sứ liền bắt một đứa đầy tớ, tên Aleb, ra lệnh nó phải dụ dỗ mấy đứa kia. Một hôm, bọn đầy tớ đang nghỉ ngơi, và ca tụng ông chủ, Aleb lên tiếng nói: «Các bạn này, các bạn ca tụng lòng tốt của ông chủ làm chi vô ích vậy, được chi đâu! Nếu các bạn biết cách làm vui lòng Quỉ Sứ, thì Quỉ Sứ cũng tốt với bạn như vậy chứ có chi! Chúng ta hầu hạ ông chủ đànng hoàng và làm mọi điều vừa lòng ông, ông chỉ nghĩ ra một việc thế là chúng ta thi hành, chúng ta đoán cả được ý của ông, thì làm sao ông không tốt với chúng ta được? Thử đừng làm vừa lòng ông, làm

hại ông một lần thử ông có chơi xấu lại in hết mấy ông chủ khác không!»

Những đứa tớ bắt đầu cãi lý với Aleb. Sau cùng thì cá nhau. Aleb sẽ cố làm cho ông chủ nổi giận, nếu ông chủ không nổi giận, Aleb sẽ chịu mất bộ áo quần mới; nếu ông chủ nổi giận, mấy đứa tớ phải đưa hết áo quần mới cho Aleb, và hơn nữa sẽ can thiệp cho Aleb khỏi bị chủ đánh đuổi, và nếu Aleb có bị tù thì chúng sẽ thu xếp cho Aleb được tự do. Aleb hứa sáng mai sẽ làm ông chủ giận.

Aleb thường ngày có bốn phen lo chuồng cừ, săn sóc những con cừ giống, có giá trị.

Sớm hôm sau, khi ông chủ dẫn khách tới chỗ chuồng cừ để chỉ khách xem những con cừ giống tốt mà ông rất quý, thì Aleb — tay sai của Quỷ Sứ — nháy mắt với các bạn mình, có ý nói là: ta sẽ làm ông chủ điên lên cho coi. Tất cả đầy tớ đều rình xem, và Quỷ Sứ thì leo lên cây cao nhìn vào sân trại để xem tên tay sai của mình làm sao.

Ông chủ đang chỉ cho khách xem những con cừ non và cừ mẹ; ông chủ đi quanh chuồng để tìm chỉ cho khách xem con cừ đẹp nhất.

Ông chủ nói: «Những con khác cũng tốt giống cả, nhưng con cừ đẹp này có cái sừng cong, thì là vô giá, tôi còn quý hơn cả cặp mắt tôi nữa.»

Đàn cừ vì sợ người nên chạy loạn xạ trong chuồng, khách cũng không xem rõ được con cừ quý giá kia. Mà hễ con cừ quý đó vừa đứng yên, tức thì Aleb vờ vô tình làm chuồng cừ náo loạn lên, lộn xộn hết cả, khách không làm sao biết được con cừ nào quý nhất. Ông chủ khó chịu lắm và bảo: «Này Aleb, chịu khó bắt con cừ quý nhất, có cái sừng cong, và giữ nó đứng im xem.»

Ông chủ vừa nói thế, Aleb nhảy bổ như một con sư tử vào trong chuồng cừ nắm bộ lông con cừ quý, Aleb chụp nó, một tay nắm chân trái sau của con cừ đưa cao nó lên trước mắt chủ, vịn ngược chân con cừ lên, gãy rắc như một nhánh cây khô. Aleb làm gãy chân con cừ khúc dưới đầu gối, con cừ kêu rống lên và khụy xuống, Aleb lại nắm chân phải sau của nó lên, chân trái bây giờ như một khúc da lỏng lẻo.

Khách và bọn đầy tớ hết sức kinh ngạc, Quỉ Sứ thì hài lòng thấy Aleb tài thật. Ông chủ tối tăm mặt mày, nhũn nhũn, rồi cúi đầu yên lặng không nói một lời. Khách và bọn đầy tớ nín lặng, đợi xem sự việc sẽ ra sao. Bình tĩnh một lúc, ông chủ tự mình lắc đầu như thể để xua đuổi một cái gì trong ông, rồi ông ngẩng lên, nhìn đăm trên trời một lát. Rồi thì mặt ông không còn nhũn nhũn nữa, ông cười nhìn Aleb, và nói với Aleb :

— «Ồ, Aleb, Aleb, thầy của người bảo người chộc giận ta. Nhưng thầy ta mạnh hơn thầy người, người không làm ta giận được, song ta sẽ làm cho thầy người giận dữ. Người sợ ta trừng phạt người, và người muốn được tự do. Thì người biết, ta sẽ không trừng phạt người, và ta cho người được tự do đó, ngay bây giờ, có khách đây làm chứng. Hãy vào lấy áo quần mới và muốn đi đâu thì đi.

Ông chủ tốt cùng với khách vào nhà, còn Quỉ Sứ thì nghiêng rặng, rớt từ trên cây xuống, lún sâu xuống đất mất luôn.

NGUYỄN KIM PHƯƠNG dịch

Nhà xuất bản VĂN-XÃ

ĐÃ ẤN HÀNH: *Gia Tài Người Mẹ* của DƯƠNG NGHIÊM MẬU — *Người Giết Người* của LÝ HOÀNG PHONG — *Giữa Lòng Cuộc Đời* của QUÁCH THOẠI — *Kinh Cầu Nguyên* của DƯƠNG NGHIÊM MẬU — *Cũng Đánh* của DƯƠNG NGHIÊM MẬU.

SẮP PHÁT HÀNH: *Địa Ngục Có Thật* bút ký của DƯƠNG NGHIÊM MẬU — *Trên Chòi Canh* của HOÀNG BẢO VIỆT — *Tu Sĩ Và Ủy Viên Chính Trị* của ARTHUR KOESTLER — *Nhan Sắc*, bản in mới, của DƯƠNG NGHIÊM MẬU.

Việc làm, sự chết và bệnh tật

Ở PATAGONIANS CÓ MỘT CÂU CHUYỆN TRUYỀN KỲ. NGƯỜI ta kể nhau nghe rằng thuở đầu Chúa tạo nên con người mà cho khỏi phải làm việc, khỏi cần chốn ở, áo mặc, cơm ăn và sống cả trăm năm không biết bệnh tật là gì.

Được ít lâu, Chúa đi thăm xem con người sống như thế nào. Chúa thấy rằng con người không biết hưởng thụ đời sống ; những lo lắng riêng tư gây nên nhiều nỗi bất hòa cãi cọ, đưa đến chỗ đời sống con người không những không biết hưởng thụ mà còn trách cứ nữa. Chúa tự nhủ : « Đây là tại chúng nó sống riêng rẽ, đũa nào chỉ lo phần đũa ấy.» Để ngăn ngừa sự chia rẽ ấy Chúa bắt con người phải làm việc mới sống được. Để tránh đói lạnh, con người phải tự xây chỗ trú thân, chăm bón đất đai lo trồng trọt và gặt hái.

Chúa nghĩ : « Công việc sẽ hợp con người lại nhau. Một đũa không thể tự đốn cây chỡ cây một mình dựng được nhà ở ; một đũa không thể tự dọn đất, trồng tủa, gặt hái, quay, dệt may áo quần một mình ; Chúng sẽ bắt buộc phải hiểu rằng càng làm việc thân thiện với nhau chúng càng thành tựu và đời sống càng sung sướng hơn, công việc sẽ làm chúng hợp lại nhau.»

Ít lâu sau, Chúa lại đi thăm loài người xem chúng sống ra sao và có hưởng thụ được đời sống không.

Nhưng con người lại đang sống khổ sở hơn trước. Chúng làm việc với nhau (điều không thể tránh được) nhưng đáng lẽ chung sức tát cả lại mà làm, thì chúng lại phân ra từng nhóm nhỏ,

và mỗi nhóm tìm cách giết công việc của nhóm khác thành thử chúng cứ xen cạ nhau, phí thì giờ và năng lực để chống đánh nhau, rất là đau khổ.

Thấy rằng đời sống con người cũng chưa được tốt đẹp, Chúa quyết định rằng con người không được biết lúc nào mình sẽ chết, và vì thế có thể chết bất cứ lúc nào. Chúa phán cho con người biết như vậy.

Chúa nghĩ : « Vì đời sống không biết sẽ tan vỡ lúc nào con người sẽ hết chơi xấu với nhau, và sẽ không còn phá hại những giờ phút được sống »

Nhưng mọi việc không xảy ra như vậy. Khi Chúa trở lại để xem con người đang sống ra sao, Chúa thấy đời sống chúng cũng không hơn chi cả.

Những kẻ mạnh hơn thì lợi dụng chỗ yếu của người khác để gây cái chết bất ngờ ; những kẻ mạnh chinh phục những kẻ yếu bằng cách giết một vài đứa đe dọa những đứa còn sống. Đời sống trở thành mệt mỏi, vì kẻ mạnh khỏi phải làm việc, trở nên mệt mỏi vì thì giờ nhàn cư, còn kẻ yếu thì làm hết lực, trở nên mệt mỏi vì không được nghỉ ngơi. Đứa này sợ và ghét đứa khác, đời sống con người càng thảm khổ hơn bao giờ cả.

Thấy vậy, Chúa mới định một cách khác : Chúa đem đủ thứ bệnh đến cho con người. Chúa nghĩ rằng khi mọi người có thể bị đau thì sẽ hiểu rằng kẻ còn sức khỏe phải thương hại kẻ đau và săn sóc, để khi mình đau sẽ được kẻ mạnh khác giúp đỡ.

Rồi Chúa lại để con người tự sống như vậy. Đến khi Chúa trở lại thăm xem thế nào, thì thấy rằng từ lúc con người phải chịu bệnh tật, đời sống càng khổ não hơn. Chính bệnh tật mà Chúa dự định dùng để kết hợp loài người lại nhau thì càng chia cách con người ra nữa. Những kẻ bắt người khác làm việc cho mình thì cũng bắt kẻ khác săn sóc mình khi mình đau yếu. Còn mình thì không bao giờ săn sóc người đau yếu khác. Còn những kẻ bị bắt buộc phải làm việc săn sóc người đau thì đầu tắt mặt tối, không còn thì giờ đâu săn sóc người thân của mình bị đau yếu, đành bỏ mặc. Cho nên cảnh đau yếu không làm hư mất chi những vui thú của kẻ giàu, họ xây những căn nhà to lớn để những người đau nằm hoặc chết, trong tay những kẻ người ta thuê

đến sẵn sóc, những kẻ mà vừa làm vừa ghê tởm chứ không biết yêu thương.

Chúa tự nhủ :

« Đến thế này mà con người cũng không hiểu đâu là hạnh phúc, thì thôi, mặc cho chúng đau khổ chịu lấy. » Và Chúa bỏ con người cô đơn.

Và trong một thời gian lâu dài con người sống không hiểu mình có thể tạo hạnh phúc và được hạnh phúc. Chỉ mới đây có một số ít người bắt đầu nhận thức rằng công việc là một bổn phận chung để con người kết hợp lại nhau, không ai được trốn tránh và bắt kẻ khác làm cho mình. Và họ bắt đầu hiểu rằng vì cái chết đe dọa con người từng giờ phút nên chỉ có một cách đáng cho con người sống những tháng năm, giờ phút còn lại của đời mình là biết thương yêu nhau và hòa bình. Họ cũng bắt đầu hiểu rằng bệnh tật không những không chia biệt con người, mà trái lại còn là một trao đổi tình yêu thương giữa con người.

NGUYỄN KIM PHUƠNG dịch

*Đầu Xuân quý vị phụ huynh nên tặng
cho con em tác phẩm có trong danh
sách được Bộ Giáo-dục chọn dịch :*

TÂM CẢNH

truyện André MAUROIS

bản Việt-văn : MẶC-ĐỖ

GIAO-ĐIỂM tái-bản

*Sách in lại lần thứ hai, thể theo
yêu cầu của độc giả, dày 360 trang
giá đặc biệt : 100 đồng.*

Thiện ác đáo đầu

NGÀY XƯA TẠI TIỀN PHỐ VLADIMIR CÓ MỘT CHÀNG thương gia trẻ tuổi tên là Ivan Aksianov. Ivan Aksianov là chủ nhân hai cửa tiệm và một tư thất.

Ivan Aksianov rất đẹp trai, tóc hoe hoe vàng, gọn sóng ; khi nào chàng cũng sẵn sàng những câu chuyện để làm cho người ta cười và chàng rất thích ca hát. Trước kia, chàng thường ưa nhậu nhẹt và có lúc quá chén, trở thành bê tha trụy lạc. Nhưng từ khi có vợ, chàng bỏ uống rượu, chỉ thỉnh thoảng năm thuở mười thì mới uống một vài chén thôi.

Một ngày kia, Ivan sửa soạn đi dự phiên chợ Nizhny. Khi chàng từ giã gia đình để lên đường, vợ chàng tỏ ý lo ngại bảo chồng :

— Anh Ivan ơi, không nên khởi hành hôm nay. Em nằm mơ thấy một điềm rất xấu.

Ivan cười trả lời vợ :

— Em sợ anh đến chợ phiên rồi sẽ chè chén chớ gì ?

— Em cũng chả biết em sợ điều gì, nhưng chắc chắn là giấc mộng của em rất xấu. Em nằm mộng thấy anh từ tỉnh trở về, và khi anh bỏ nón ra, em thấy tóc anh ngả hẳn màu xám.

Ivan lại cười :

— Đó lại điềm tốt chớ lại ! Để rồi em sẽ xem, anh sẽ bán hết hàng và sẽ mang về biếu em những món quà chợ phiên.

Thế rồi chàng từ biệt gia đình để lên đường.

Đi được nửa đường, Ivan gặp một thương gia, chàng vốn quen biết và cả hai đều dừng lại một quán trọ để nghỉ đêm sau khi cùng nhau uống trà, cả hai lại vào ngủ trong một cái buồng đôi.

Ivan thường hay ngủ sớm vì muốn tiếp tục cuộc hành trình khi trời còn mát, chàng đánh thức người đánh xe dậy trước khi trời hừng sáng và bảo thắng ngựa để lên đường.

Đoạn chàng đi tìm chủ quán ở nhà phía sau, trả tiền rồi ra đi.

Đi được chừng hai mươi lăm dặm đường. Chàng ngừng lại để cho ngựa ăn. Dừng nghỉ một hồi trước quán, rồi Ivan bước vào trong cổng, bảo đun lò chế trà, đoạn chàng lấy cây đàn ghi-ta ra gảy.

Bỗng tiếng lạc ngựa vang lên rồi một chiếc xe tam mã vụt đến, ngừng lại; một nhân viên chính quyền trên xe bước xuống, theo sau có hai người lính. Người viên chức tiến tới gần Ivan hỏi chàng từ đâu đến và định đi đâu. Ivan trả lời xong và ngỏ lời mời nhân viên chính quyền:

— Ông vui lòng dùng với tôi một ít trà?

Nhưng người nhân viên chính quyền tiếp tục thăm tra chàng và hỏi:

— Ông nghỉ đêm tại đâu? Ngủ một mình hay với một bạn thương gia khác? Sáng nay ông có thấy người thương gia ấy không? Tại sao ông đã dời khỏi quán trọ trước khi trời sáng?

Ivan lấy làm lạ tại sao người ta lại hỏi chàng những câu ấy, nhưng chàng cứ thật tình thuật lại những gì đã xảy ra, rồi chàng nói tiếp:

— Tại sao ông cật vấn tôi thế ấy, làm như tôi là một tên trộm cướp khốn nạn nào. Tôi cho ông biết tôi đang trên đường hành trình lo công việc làm ăn cho chính tôi và ông không cần phải thăm vấn tôi.

Lúc đó, người viên chức gọi hai người lính đến và nói:

— Tôi là cảnh sát trưởng quận này và tôi thăm vấn ông vì người ta đã trông thấy người thương gia trọ cùng quán với ông khi hôm bị bắt cóc. Chúng tôi được lệnh soát hành lý của ông.

Họ vào cả trong nhà. Viên cảnh sát trưởng và hai người lính mở cả hành lý của Ivan ra để lục soát. Bỗng nhiên, viên cảnh sát trưởng tìm thấy một con dao trong một gói đồ và la lên :

— Con dao này của ai ?

Ivan nhìn vào và trông thấy một con dao đâm máu từ trong gói đồ của chàng được rút ra, chàng hoảng hốt :

— Tại sao con dao này lại vấy máu ?

Câu hỏi ấy, Ivan cố tìm cách trả lời, nhưng không sao mở miệng nên lời được và chàng chỉ có thể ấp úng :

— Thưa, tôi..... tôi không biết.... không phải của tôi.

Viên cảnh sát trưởng nói :

— Sáng nay, người ta tìm thấy người thương gia kia nằm trên giường, cổ họng bị cắt đứt. Chỉ có ông là người có thể là thủ phạm. Cửa phòng được đóng chặt từ bên trong và trong phòng ngoài ông ra, không còn ai khác. Đây là con dao vấy máu tìm thấy trong hành lý của ông, bộ mặt hốt hoảng và cử chỉ của ông đã tố giác ông ! Hãy nói cho ta nghe ông giết người thương gia như thế nào và đã cướp của ông ta bao nhiêu tiền ?

Ivan thề rằng chàng không hề hay biết gì về điều ấy, rằng sau khi cùng người thương gia dùng trà, chàng không hề gặp lại y. Chàng cũng không hề lấy tiền của ai, ngoài số tiền tám ngàn đồng rúp là tiền riêng của chàng và con dao oan nghiệt kia không phải là của chàng. Nhưng giọng chàng nghệt, sắc mặt chàng tái xanh, chàng sợ hãi run lập cập như chính chàng là thủ phạm vụ sát nhân này.

Viên cảnh sát trưởng ra lệnh cho lính trói Ivan vào và bỏ chàng lên xe. Trong khi chúng trói chân chàng và vứt chàng lên xe, Ivan làm dấu thánh giá và khóc ròng. Họ lấy hết tiền bạc và hàng hóa của chàng và đưa chàng đến một thành phố gần nhất và hạ ngục chàng tại đó. Họ mở cuộc điều tra về tánh tình của chàng tại Vladimir. Những thương gia và dân cư ở Vladimir cho biết rằng ngày trước chàng hay nhậu nhẹt và hoang phí thời giờ, tuy nhiên chàng là một người lương thiện. Vụ án vẫn được tiến hành và Ivan bị cáo là đã giết một thương gia ở Ryazan để đoạt của

người này hai chục nghìn đồng rúp, vợ chàng tuyệt vọng và không biết đường nào mà hiểu được. Con của nàng còn quá nhỏ dại, có đứa vẫn còn đang bú sữa mẹ. Nàng bỗng trốn, cả bảy con tìm đến nơi chàng bị giam cầm. Đầu tiên, họ không cho phép nàng thăm chồng, nhưng sau khi van xin lay lắt, nàng được phép gặp chàng. Nhìn thấy chồng mình mặc áo nhà tù, chân mang xiềng xích, nhốt chung với bọn trộm cướp sát nhân, nàng ngất xỉu, một chập lâu mới tỉnh lại. Nàng kéo cả bảy con lại với nàng và ngồi xuống khít bên chồng. Nàng cho chồng biết tin tức ở nhà và hỏi chàng những gì đã xảy ra cho chàng. Chàng kể lễ hết đầu đuôi và nàng hỏi :

— Bây giờ thì chúng ta nên làm thế nào ?

— Phải gửi đơn lên nhà vua đừng để hại một người vô tội.

Vợ chàng cho biết nàng đã gửi lên nhà vua một lá đơn, nhưng đơn ấy không được chấp nhận.

Ivan lặng thinh ra vẻ nản lòng.

Người vợ nói :

— Không phải không đâu mà em nằm mơ thấy tóc anh ngả bạc, anh cũng nhớ chứ ? Đáng lẽ anh không nên khởi hành ngày hôm ấy.

Và đưa mấy ngón tay nàng vào mái tóc chàng, nàng sẽ hỏi chồng :

— Ivan yêu dấu của em, hãy nói cho vợ anh biết sự thật đi ; không phải anh đã làm nên chuyện ấy chứ ?

— Em mà cũng nghi cho anh sao ? Vừa nói, Ivan vừa lấy tay che mặt lại, nước mắt khóc. Lúc ấy một người lính bước đến, bảo người vợ và mấy đứa con lui ra. Và Ivan từ biệt mấy đứa con lần cuối cùng.

Khi vợ chàng và bảy con đi rồi, Ivan nghĩ đến những gì đã xảy ra và nhớ lại rằng chính vợ chàng cũng có ý ngờ vực chàng, rồi chàng tự bảo : « Hình như chỉ có mình Chúa mới biết sự thật ; chúng ta chỉ nên van lơn một mình Chúa mà thôi, và chỉ hy vọng sự từ bi cứu khổ ở nơi Người mà thôi. »

Và Ivan không hề viết thêm một lá đơn xin minh oan nào khác ; bỏ mọi hy vọng và chỉ biết cầu xin với Chúa.

Toà lên án Ivan phải bị đánh đòn và chờ khi nào các vết thương trên mình chàng lành thì người ta đày chàng đi Tây-bá-lợi-á với các tội nhân khác.

Suốt hai mươi sáu năm trường, Ivan sống đời một người tù tại Tây-bá-lợi-á. Mái tóc chàng trở nên trắng như tuyết, râu chàng dài, mịn và cũng ngả màu bạc, cả cái gì hồn nhiên vui nhộn trong chàng đều biến mất. Lưng chàng khòm, chàng bước đi chậm rãi, ít nói, không khi nào cười, và hay cầu nguyện.

Ở trong nhà lao, Ivan học nghề làm giày và kiếm được một ít tiền, với số tiền đó, chàng mua quyển sách « Đời sống các vị Thánh ». Mỗi khi trong nhà giam còn có ánh sáng thì chàng đem sách ra đọc. Ngày chúa nhật tại thánh đường trại giam, chàng đọc kinh và hát chung với ban hợp ca, vì giọng của chàng vẫn tốt.

Nhà chức trách trong nhà lao đều mến Ivan vì tánh dịu hiền của chàng; các bạn đồng lao đều kính nể chàng. Chúng thường gọi chàng với danh hiệu « ông nội », và « thánh nhân ». Khi chúng có điều gì kêu ca với nhà chức trách khám đường, chúng đều cử Ivan làm phát ngôn nhân; và mỗi khi có chuyện cãi cọ giữa tù nhân, chúng cũng chạy đến nhờ Ivan phân xử.

Chàng tuyệt nhiên không được tin tức gì về gia đình, cũng không biết vợ con còn sống hay đã chết.

Một hôm có một đoàn tội nhân mới được đưa đến nhà lao. Sáng hôm ấy, những người tù cũ xúm xít chung quanh những người tù mới đến và hỏi thăm họ từ tỉnh nào, hay từ làng nào đến, và họ bị kết án vì những tội gì. Ivan ngồi gần mấy người tù mới và chán nản nghe họ kể chuyện.

Một trong những người tù mới, một người cao lớn độ sáu mươi tuổi đang kể cho những người khác nghe vì sao hắn bị bắt.

— Này các bạn, hắn nói, tôi chỉ dắt một con ngựa cọt ở chiếc xe trượt tuyết và tôi bị ghép vào tội trộm ngựa. Tôi khai rằng tôi chỉ dùng con ngựa ấy để về nhà cho mau, rồi thả nó; hơn nữa người chủ chiếc xe trượt tuyết ấy là bạn của tôi. Vì thế nên tôi bảo: « Việc ấy không có gì là quấy ». Nhưng họ lại bảo: « Không anh đã phạm tội trộm ngựa ». Nhưng họ không thể cho biết tôi đã trộm như thế nào và nơi nào. Thật ra, đã có lần

tôi đã làm điều tội lỗi và đáng lẽ bị đưa đến đây từ lâu rồi, nhưng lần ấy không ai khám phá ra tội lỗi của tôi. Ngày nay tôi bị đưa đến đây, mà không có một nguyên nhân nào ráo . . . Ờ nhưng đó là những điều thất thiệt tôi nói với các người. Tôi đã ở Tây-bá-lợi-á rồi, nhưng tôi không ở lâu.

Một người trong bọn hỏi :

— Anh từ đâu đến ?

— Từ Vladimir. Gia đình tôi sống ở đó. Tên tôi là Makar và họ cũng gọi tôi là Semyonich.

Nghe đến đây, Ivan ngẩng đầu lên hỏi :

— Ông Semyonich, ông có biết gì về gia đình người thương gia Ivan Aksionor ở Vladimir không ? Họ còn sống không ?

— Biết họ à ? Tất nhiên là tôi biết. Gia đình Aksionor rất giàu, mặc dù người cha bị đày đi Tây-bá-lợi-á. Hình như hẳn cũng là một tội nhân như chúng ta. Còn ông, « ông nội », tại sao ông bị đưa đến đây ?

Ivan chẳng muốn kể lể về tai họa của mình, chỉ thở ra và nói :

— Vì tội lỗi của tôi, tôi phải ở nơi lao tù này hai mươi sáu năm trời rồi !

Makar hỏi :

— Tội gì, hử « ông nội » ?

Không trả lời câu hỏi ấy, Ivan chỉ nói :

— Được rồi, được rồi... tôi đáng tội lắm. »

Ivan không muốn nói thêm, nhưng những người bạn của chàng đã cho mấy người mới tới biết tại sao Ivan đã phải đến Tây-bá-lợi-á.. Họ kể cả câu chuyện một thương gia bị giết và kẻ sát nhân đã bỏ cây dao đâm máu vào hành lý của Ivan như thế nào và sau đó Ivan bị kết án oan như thế nào.

Khi Makar nghe kể hết câu chuyện, hẳn nhìn thẳng vào Ivan lấy tay vỗ vào đầu gối hẳn và than lên :

— Điều này thật là lạ lùng ! Rõ ràng là lạ lùng. Nhưng ngày nay ông già biết bao nhiêu, « ông nội ? ».

Những người khác hỏi hẳn tại sao hẳn lấy làm ngạc nhiên

đến thế, và trước kia, hắn đã gặp ông già tại đâu? Nhưng Makar không trả lời, hắn chỉ nói :

— Thật là lạ lùng khi chúng ta lại gặp nhau ở đây, phải không các bạn?

Những lời nói ấy làm cho Ivan tự hỏi phải chăng người kia đã biết ai đã giết gã thương gia. Vì vậy nên ông ta hỏi :

— Này ông Makar, có lẽ ông đã nghe nói về câu chuyện ấy, hay là trước kia ông đã thấy tôi?

— Tại sao tôi lại không nghe được? Dưới bầu trời đầy dẫy những tiếng đồn. Nhưng chuyện cũ lâu ngày, tôi đã quên những gì tôi đã nghe được.

Ivan lại hỏi :

— Có lẽ ông có nghe nói ai đã giết người thương gia?

Makar cất tiếng cười và đáp :

— Người đó phải là người mà trong gói đồ người ta đã tìm thấy cây dao! Nếu có ai khác đã giấu con dao vào đó, thì phải « bắt được tay, day được cánh » kia, như câu tục ngữ đã nói. Tại sao một người khác lại có thể bỏ con dao ấy vào gói đồ của ông, mà gói đồ ấy lại đặt ngay dưới đầu ông? Ít ra điều ấy cũng phải làm ông thức giấc dậy.

Khi nghe xong mấy lời này, Ivan có cảm giác rằng chính tên kia đã hạ sát người thương gia. Ông ta đứng dậy bỏ đi. Đêm ấy, Ivan không sao nhắm mắt được. Ông ta cảm thấy khổ não vô cùng, và đủ thứ hình ảnh hiện ra trong đầu óc ông ta. Đầu tiên là hình ảnh của vợ ông, y như khi ông ta từ già nàng đi dự chợ phiên. Ông ta thấy như nàng hiện có mặt tại đó; gương mặt nàng, đôi mắt nàng hiện ra trước mặt ông. Ông nghe giọng nàng nói, nghe tiếng nàng cười. Rồi ông thấy đàn con ngây dại của ông như ở thời ấy: đứa thì choàng một cái khăn nhỏ, đứa khác đang ôm vú mẹ. Rồi ông lại hồi tưởng đến chính bản thân của ông đã từng là một chàng thanh niên vui vẻ. Ông ta hồi tưởng lại lúc ông ngồi gảy đàn ở trước công quán trọ, nơi mà ông ta bị bắt. Ông thấy lại trong trí ông cái nơi mà ông bị đánh đòn, thấy cả người hành hình ông, cả những người đứng chung quanh; và những xích xiềng, những người tù tội; cả hai mươi sáu năm trời của đời sống trong tù của ông và cả cái thân già trước tuổi. Những ý tưởng

ấy đã làm cho ông quá đau khổ đến nỗi ông muốn tự sát đi cho rồi để giải thoát một cuộc đời.

Ivan tự nghĩ: mọi việc đều do tên khốn nạn ấy gây ra ! Lòng căm hờn của ông đối với Makar lên đến cực độ làm cho ông nghĩ đến việc phải báo thù dù cho ông phải đổi lấy đời sống của ông để làm việc ấy. Ông đọc kinh suốt đêm, nhưng cũng không sao đem lại được sự yên tĩnh. Cả ngày không khi nào ông đến gần Makar và cũng không hề nhìn đến hắn.

Mười lăm ngày trôi qua, ngày nào cũng như ngày nấy, đều như thế cả. Ban đêm thì không sao ngủ được, ông khốn khổ không biết nên làm sao đây.

Một đêm nọ, trong khi ông đang đi lại trong phòng giam, ông nhận thấy một ít đất từ chỗ nằm của mấy người tù đang ngủ chảy xuống. Ông ngừng lại để nhìn xem. Bỗng nhiên Makar từ chỗ nằm bò ra, nhìn ông với bộ mặt hoảng hốt. Ivan làm ra bộ không trông thấy hắn, nhưng Makar nắm lấy tay ông và cho ông biết rằng hắn đã khoét một lỗ trong bức tường rồi dọn mớ đất đào ra đó bằng cách cho vào trong chiếc giày ống rồi chờ đến khi nào tù được dẫn đi làm bên ngoài, mỗi ngày hắn sẽ đổ đất ấy ra đường. Rồi hắn bảo Ivan :

— Ông phải giữ kín điều này và ông cũng sẽ được thoát khỏi nơi đây với tôi. Bằng như ông lẻo mép tiết lộ ra, chúng sẽ đánh tôi đến chết và trước đó tôi sẽ giết ông trước.

Ivan giận run lên khi nhìn đến kẻ thù. Ông rút tay ra và nói :

— Tôi không mong thoát khỏi nơi này và anh cũng không cần phải giết tôi ; anh đã giết hại cuộc đời tôi từ lâu rồi. Còn về việc phát giác việc làm của anh, thì điều ấy tôi có thể làm hoặc không làm, tùy theo thánh ý của Chúa.

Qua ngày sau, khi đoàn tù được dẫn đi làm xâu, mấy người lính dẫn tù nhận thấy có một người trong bọn chúng đổ ra đường một ít đất đựng trong những chiếc giày ống của hắn. Liên sau đó có lệnh khám xét nhà lao và họ trông thấy cái lỗ hổng. Viên giám đốc thân hành đến nhà lao để tra hỏi các tù nhân để tìm ra kẻ nào đã khoét ra cái lỗ ấy. Tất cả đều chối là không

biết. Ngay những người biết cũng không dám tố giác Makar, vì họ biết rằng nếu bị tố giác, hẳn sẽ bị đánh đến bỏ mạng. Cuối cùng vị giám đốc xây lại phía Ivan vì biết rằng ông ta là người ngay thật, và hỏi :

— Ông là một người già cả có thể tin được. Trước mặt Chúa, hãy nói cho ta biết ai là người đã khoét nên cái lỗ này ?

Makar làm ra bộ như mình không can dự gì đến việc này và đứng nhìn ông giám đốc, nhưng hẳn lại nhìn về Ivan nhiều hơn. Cặp môi và hai tay Ivan run lên và trong một khoảng lâu ông không thốt được ra lời, ông nghĩ : « Tại sao ta lại phải che chở cho hắn, người đã hủy hoại cuộc đời của ta ? Cứ để cho hắn phải chịu tất cả sự đau khổ mà ta đã chịu. Nhưng nếu ta nói ra, chắc họ sẽ đánh hắn cho đến chết. Mà biết đâu ta đã không sai lầm trong khi tình nghi cho hắn và rút cục, có gì lợi cho ta đâu ? »

Viên giám đốc lặp lại câu hỏi :

— Nào, ông già kia, hãy cho ta biết sự thật : ai đã đục thủng vách này ?

Ivan nhìn qua Makar và nói :

— Thưa ông giám đốc, tôi không thể nói. Không phải thánh ý của Chúa muốn cho tôi nói. Tôi ở trong tay ngài, tùy ý ngài cứ định đoạt số phận tôi.

Dù ông giám đốc có nài ép đến đâu, Ivan cũng không nói thêm điều gì khác và từ đó, vấn đề được xếp.

Đêm hôm ấy, Ivan đang nằm trên giường vừa bắt đầu thiêu thiêu ngủ, thì có một người se sẽ ngồi lên giường ông ta. Cố nhiên, trong bóng tối, ông ta nhận ra Makar.

Ivan cất tiếng hỏi :

— Anh còn muốn gì tôi nữa ? Anh đến đây làm gì ?

Makar lặng thinh. Ivan ngồi chồm dậy nói :

— Anh muốn gì ? Hãy cắt đi, không thì tôi kêu cai ngục bây giờ.

Makar cúi xuống gần Ivan và thì thầm :

— Ivan Dimitrich, xin ông tha tội cho tôi.

Ivan hỏi :

— Tội gì ?

— Chính tôi là kẻ đã giết người lái buôn và đã giấu chiếc dao vào gói đồ của ông. Tôi cũng định hạ sát cả ông nữa, nhưng vì có tiếng động nên tôi vội vàng giấu con dao vào đồ ông rồi nhảy qua cửa sổ thoát thân.

Ivan nín thinh, không biết nói gì. Makar chúi mình ra khỏi chỗ nằm của Ivan, và quỳ gối xuống đất van lơn :

— Ông Ivan Dimitrich, xin ông hãy tha tội cho tôi ! Hãy vì Chúa mà tha tội cho tôi. Tôi sẽ thú tội giết người thương gia và ông sẽ được trả tự do về với gia đình.

Ivan nói :

— Ông nói thì rất dễ, nhưng tôi đã đau khổ trong suốt hai mươi sáu năm trời nay. Tôi biết đi về đâu bây giờ ?... Vợ tôi đã chết, và con tôi thì đã quên mất tôi rồi. Không có nơi nào để tôi về cả....

Makar cũng không đứng dậy. Hắn đập đầu xuống đất rồi van với Ivan :

— Ivan Dimitrich, xin ông hãy tha tội cho tôi. Khi họ đánh tôi với roi vọt còn dễ chịu hơn là nhìn lại ông bây giờ... Thế mà ông còn thương tôi, không tố giác tôi. Vì tình thương đáng Ki-tô, xin ông hãy tha tội cho tôi. Tôi là một đứa khốn nạn.

Nói xong Makar khóc nức nở.

Nghe tiếng nức của Makar, Ivan cũng khóc theo hắn. Ông nói :

— Chúa sẽ tha tội cho anh. Có lẽ tôi còn trăm lần xấu xa hơn anh nữa.

Nói xong mấy lời này, Ivan nghe lòng mình nhẹ nhõm và ông cũng không còn thiết tha đến chuyện về lại quê nhà. Ông cũng không còn muốn dờn khỏi nơi lao tù, chỉ còn một hy vọng là trông chờ giờ phút cuối cùng chóng đến.

Dù cho Ivan tỏ ý không muốn dờn nơi ngục thất, Makar cũng đi thú nhận tất cả tội lỗi của mình với nhà chức trách trong ngục, nhưng đến khi có lệnh phóng thích Ivan, thì ông ta đã chết rồi.

TRẦN PHONG - GIAO

vài cảm nghĩ xuôi dòng

SỐ BÁO ĐANG NẪM TRONG TAY BẠN ĐỌC ĐÂY ĐƯỢC GỌI LÀ một số đặc biệt. Không phải vì bài vở đăng trong những trang trên đây là những bài đặc biệt. Thật ra, chúng cũng thường thường như nhiều số VĂN khác, giới thiệu những tài danh ngoại quốc khác. Vậy, tính cách đặc biệt của số báo này chỉ có trong hoàn cảnh soạn thảo của nó.

Trước hết, do một sự tình cờ, chúng tôi được biết Thầy Từ-Mẫn, người trông coi nhà xuất bản Lá Bối, đã phải đi vay nợ lãi, của nhiều người, mới đủ số vốn để ấn hành bản dịch *Chiến-tranh và Hòa-bình*. Số tiền nhà xuất bản đi vay nặng lãi đâu tới trên một triệu đồng. Sau khi phát hành hai cuốn đầu (trong 4 cuốn trọn bộ), nhà xuất bản mới chỉ thu lại được đâu vừa đủ để trả tiền lời cho số tiền đã vay. Số tiền gốc, vẫn còn nằm nguyên, bất động.

Xúc động trước sự *hi sinh* cho văn hóa (thật ra, chúng ta còn từ nào khác với từ *hi sinh*, trong trường hợp này) của bậc chân tu, anh em chúng tôi đã bàn nhau, tìm cách « tiếp tay » với nhà Lá Bối. Do đó, số VĂN này được *đặc biệt* chuẩn bị ấn hành, cách gấp rút. Đề đọc giả của VĂN, — những bạn ưa thích đọc văn dịch — làm quen với Tolstoi, biết tới sự xuất hiện của một tác phẩm cổ điển giá trị, đã từng được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng, phổ biến trên khắp hoàn cầu ; *Chiến-tranh và Hòa-bình*,

Lý do đặc biệt thứ hai số báo này nhằm tới là đề giới thiệu một dịch giả trẻ tuổi: Nguyễn Kim Phụng. Trước đây, đã có đôi lần, VĂN đăng bài dịch văn, thơ của Nguyễn Kim Phụng. Nhưng sự xuất hiện lẻ tẻ, thưa thớt, chưa gây được sự chú ý của độc giả. Trước ngày nhập ngũ, Nguyễn Kim Phụng dạy học tại Đà-nẵng. Hiện anh đang làm lính chiến, lang thang đâu trên miền Cao-nguyên vùng II Chiến-thuật. Theo chỗ chúng tôi được biết, Nguyễn Kim Phụng đã dịch xong nhiều tác phẩm lớn của nhiều nhà văn lớn, nhưng chưa có nhà xuất bản nào nhận in. Xin nêu điều đó ra đây, đề nhà xuất bản nào muốn in sách dịch liên lạc với dịch giả. Cũng xin lưu ý đơn vị nào thuộc Quân-đoàn II cần một dịch giả hãy chiếu cố tới Nguyễn Kim Phụng. Tìm trong các đơn vị tác chiến, thế nào cũng thấy hán, chuẩn úy Nguyễn Phú Long...



Léon Tolstoi (tiếng Pháp), Leo Tolstoy (tiếng Anh), Thác-nhĩ Tư-thái (tiếng Trung-hoa, đọc theo phiên âm giọng Việt)... là một nhà văn lớn. Điều đó không ai chối cãi. Tác phẩm của ông được phiên dịch sang rất nhiều thứ tiếng, được đưa lên màn ảnh, phổ biến rộng rãi khắp năm châu, bốn bể, đã nâng ông lên hàng vĩ nhân, hơn là của một dân tộc, mà còn chung của cả nhân loại.

Đối với người Á-đông chúng ta, ảnh hưởng của ông, về văn chương cũng như về tinh thần bác ái, về chủ thuyết bất-bạo-động, đã lan rộng từ lâu.

Năm 1930, thánh Cam-địa (Gandhi) qua nước Anh dự một cuộc hội nghị. Khi đi ngang qua Paris, một phóng viên của tờ *Excelsior*, một tờ báo lớn có ảnh hưởng quan trọng, hỏi chẳng biết trong đời ông, ông đã chịu ảnh hưởng của ai nhiều hơn hết. Không ngập ngừng, vị thánh sống của nhân dân Ấn-độ trả lời: « Chỉ có Tolstoi là hơn cả ».

Bên Nhật-bản, từ đầu thế kỷ XX tới nay, người ta không ngừng phiên dịch, bình luận, khảo cứu Tolstoi. Người ta lập hội để tổ chức du lịch qua thăm nơi chôn nhau cắt rốn của Tolstoi. để diễn thuyết ca tụng tư tưởng của Tolstoi. Văn giới Nhật thì có

riêng một hội quy tụ các nhà văn dưới băng hiệu « Tolstoi học hội » (Tolstoi Kenki). Hội này, mỗi tháng xuất bản một tập kỷ yếu, trong đó luận bàn về tư tưởng, triết lý của Tolstoi.

Bên Trung-hoa, nhà văn có tiếng thuở trước là Cố Hồng Minh, người từng giao thiệp lâu năm với Tolstoi, cũng đã góp nhiều công trong việc phổ biến tác phẩm của Thác-nhĩ Tư-thái.

Ở nước ta, trước 1945, cũng có một số bản dịch văn Tolstoi, cùng một số sách viết về Tolstoi. Việc làm lễ tể và chú trọng tới tính cách bác ái của tác giả nhiều hơn là nhằm giới thiệu những giá trị văn chương tư tưởng. Phần lớn những sách báo ấn hành trước 1945 nay trở thành hiếm hoi, nên việc lập một thư mục, dẫn cho khái quát, những bài báo, cuốn sách dịch hoặc viết về Tolstoi thời đó, nay cũng trở thành khó khăn.

Mấy năm gần đây, ở miền Nam Việt-nam, chúng ta được đọc cuốn *Một bản đàn* do Trương Bảo Sơn dịch *La Sonate à Kreutzer*. Sách do Phụng Giang ấn hành (mà chúng tôi rất tiếc không còn nhớ rõ năm xuất bản). Năm 1963, chúng ta được đọc *Cái chết của Ivan Ilitch*, Vũ-dình Lưu dịch, Thời Mới xuất bản. Gần đây nhất, đầu năm 1969, chúng ta được đọc cuốn đầu trong bộ *Chiến-tranh và Hòa-bình*, Nguyễn Hiến-Lê dịch, Lá Bối ấn hành. (Chúng tôi không thể kể một số khá nhiều đoản tác của Tolstoi đã được dịch đăng rải rác trên các báo, hay trong các tuyển tập.)

Léon Tolstoi để lại cả một kho tàng. Nếu muốn phiên dịch toàn bộ tác phẩm của ông, thì một người, một nhóm người không sao làm nổi. Đó là cả một công việc dài hơi mà ngay cả những nước không thiếu dịch giả (không thiếu cả độc giả nữa) như nước Pháp cũng còn chưa làm được. Ngay cả những bộ sách dày cộm, mang nhan đề *Oeuvres complètes de Léon Tolstoi* cũng còn thấy thiếu sót nhiều. Lại nữa, việc phiên dịch toàn bộ tác phẩm của ông chỉ có ích cho những ai cần khảo cứu về ông.

Riêng đối với độc giả Việt-nam, và riêng theo thiện ý, ba tác phẩm đã được phiên dịch dẫn trên là ba tác phẩm chính, cần dịch. Ngoài ra, nếu muốn dịch thêm, có lẽ chúng ta nên chọn thêm hai cuốn nữa: *Anna Karénine* và *Résurrection* (Phục sinh).

Anna Karénine thì anh bạn Nguyễn Minh-Hoàng dịch xong đã từ lâu lắm. Nhiều lần chúng tôi ngỏ ý xin được in, anh Hoàng

nói đề còn coi lại. Nay, thấy nhà Lá Bối rao trước là *sắp in*. Chúng tôi mong dịch giả sẽ sớm giao bản thảo cho nhà xuất bản, để sách sớm được ra mắt bạn đọc.

Résurrection nặng về triết lý nhưng cũng rất nên dịch. Còn nhớ cách đây ít năm, phim ảnh quay theo truyện này đem chiếu tại Việt-nam, đã rất được hoan nghênh. Có lẽ vì người ta đã tìm thấy trong «Phục-sinh» rất nhiều tính chất «người», và mặc dù tác phẩm đặt ra một vấn nạn rất gay go (con người trước lương tâm, con người trước Thượng-đế) nhưng cũng đã lôi cuốn được người xem (và người đọc nữa) nhờ những tình tiết hấp dẫn...

Dịch được năm cuốn kể trên, chúng ta có thể coi như đã giới thiệu được phần quan trọng, đủ để tiêu biểu cho văn nghiệp của Léon Tolstoi rồi vậy.



Đọc bài ông Nguyễn Hiến-Lê, đăng ở phần trên, bạn đọc đã biết qua kinh nghiệm của ông: đọc Tolstoi không nên đọc một lần, vì mỗi lần đọc lại chúng ta lại khám phá ra được một điều gì mới mẻ tiềm ẩn trong tác phẩm.

Thuở nhỏ, hồi bắt đầu theo ban trung học, tôi đọc Tolstoi là do lời khuyên bảo của người anh. Tôi không kịp có đủ thời giờ để đọc lại văn ông, dù chỉ là đọc qua dăm ba tác phẩm tiêu biểu. Thuở đó, đất nước ta có nhiều biến cố quá, biến cố lại xảy ra nhanh chóng quá, đã thu hút chúng tôi, — bọn trẻ vừa mới lớn — vào trong cơn giông tố của thời đại... Bao nhiêu ghi chú khi tìm vào tư tưởng Tolstoi đã bị tiêu hủy hết. Nhưng, cho tới nay, mỗi khi sự nhớ tới hay nghe nhắc tới Tolstoi là tôi lại nhớ ngay đến bài học rút được từ tác phẩm của ông.

Tolstoi nổi tiếng lẫy lừng khắp hoàn vũ như một bậc thánh. Vậy mà ông không có phép nhiệm màu gì. Ông sống, làm việc, chết như mọi người trên mặt đất. Vậy cái gì đã đưa ông lên ngôi cao thần thánh? Phải chăng, nhờ ở, trọn đời ông, ông đã giữ được đức tính chân thật và ưa suy nghĩ. Đức tính ấy đã giúp ông tự vấn những việc làm của ông, nó giúp ông thấu đáo được

tâm tình đồng loại, nó giúp ông vượt được chỗ tầm thường (chỗ mà, cũng như mọi người, ông cũng đã từng đam mê, lầm lỗi...).

Ngoài ra, một cách gián tiếp, tôi đã nhờ Tolstoi mà luyện được tính thận trọng. Tôi còn nhớ hồi đó, vào khoảng 1942 hay 1943 gì đó, tìm được một cuốn sách mỏng, đầu chừng dăm bảy chục trang, tôi còn nhớ mãi mãi nhan đề là «Một ngày của Tolstoi», tác giả dường như là ông Kiều Thanh Quế, sách do nhà Tân Việt ấn hành (điều này thì tôi lại nhớ chắc, nhớ rõ hơn nữa là sách in trong «tủ sách Gió Tây»). Thấy tôi đọc sách đó, ông anh tôi bèn ngăn lại, không cho đọc tiếp. Sau, anh dẫn tôi tới chỗ kệ sách bày những cuốn viết về Tolstoi, lấy ra cuốn *Tolstoi* của Stefan Zweig, bản dịch tiếng Pháp. Anh nói tôi nên đọc sách của Zweig, nếu gặp chỗ nào không hiểu, hỏi, anh sẽ giảng cho. Rồi anh lật sách, tìm Chương nhan đề *Une journée de la vie de Tolstoi*, mở bản tiếng Việt của ông K.T.Q., rồi vạch cho tôi thấy những chỗ ông tác giả người Việt chúng ta lấy ý của Zweig mà dịch ầu, dịch lem nhem, dịch mà không thêm chưa xuất xứ v.v...

Bài học thuở nhỏ tôi còn nhớ mãi. Cách đây ít năm, nhân vui câu chuyện và nhân được biết là thời tiền chiến, nhà học giả Thu-giang Nguyễn Duy Cần cũng từng chủ trương nhà xuất bản Nay, có in sách luận về Tolstoi, tôi có thuật lại chuyện nọ. Ông Thu-giang đời bạn, tới bên tủ sách, lấy cuốn *Tolstoi* của Stefan Zweig, (bản Pháp-dịch của Alzir Hella và Olivier Bournac, do nhà Victor Attinger ở Paris và Neuchatel ấn hành) rồi ông hỏi tôi : có phải sách này không ? Tôi nói, phải. Ông bảo : cho luôn anh đấy.

Giờ đây, trên bàn viết, tôi luôn đề cuốn sách của Zweig. Tôi ước mong là trọn đời tôi, sách sẽ như một tấm gương soi, nhắc nhở tôi giữ gìn tính thận trọng, — đức tính mà người anh tôi, qua Tolstoi, đã giảng dạy cho từ thuở thiếu thời, thấm thoát thế mà cũng đã từ hơn hai chục năm về trước...



Đọc Tolstoi, tôi đọc rất kỹ. Nhưng, nói theo kiểu Võ Phiến, tôi là người không có duyên nợ với Tolstoi. Lớn lên, tập dịch văn,

tôi tập dịch Camus. Có lần, dịch một truyện ngắn, thì lại dịch truyện của Alexis Tolstoi, chứ Léon Tolstoi thì tôi chưa dịch bài nào của ông cả.

Nói nào ngay, thuở còn hi vọng sẽ còn có dịp cấp sách đến trường, hoàn tất việc học căn bản của mình trên ghế trường đại học, tôi cũng ước mơ nếu may ra có ngày làm đề án văn chương thì tôi sẽ chọn Tolstoi. Đời tôi thường gặp nhiều chuyện không may, nên mơ ước đó cũng tan tành theo nhiều mơ ước khác.

Nay, nhân dịp làm một số về Tolstoi, tôi viết lảng nhăng ít trang, gọi là cho có sự góp mặt. Kẻo mấy anh em trong ban biên tập lại chê trách, rằng: sao cậu khoái Tolstoi đôn đốc người này làm người kia làm, mà lúc báo ra lại chẳng thấy cậu đâu!

Ưa thích một tác giả, đâu đó dường như có một dịch giả đã viết, quả là một cái « nghiệp », cái nghiệp do mình tự chọn, có khi do suy nghĩ chín chắn nhưng đôi lúc, cũng chỉ do một vài giây phút bốc đồng...

TRẦN PHONG-GIAO

(Ngày hội chùa Hương, 1969)

ĐÃ PHÁT HÀNH

khi những lưu dân trở lại

khảo-luận văn-học

NGUYỄN VĂN XUÂN

THỜI MỚI xuất bản

140 trang — giá 100 đồng

THANH-TÂM TUYỀN

Đêm xóm Lách mịt mùng

(truyện dài)

2

CHIẾC XE THỎ MỎ CHẠY TRONG BUỔI SÁNG đó, buổi sáng dần lên cao mát mẻ nhẹ thênh, con ngựa thỏ phi phò lâu lâu kêu brừ... brừ trong mồm, chạy trên con lộ nhựa phẳng uốn lượn qua những quãng rừng cao-su rợp bóng, nghỉ lại chợ Thủ-đức, ngựa uống nước chú đánh xe ghé quán uống cà-phê chị Phượng mua bánh mì cho Nghệ ăn — bánh mì quét mứt ngọt lự — rồi ngựa lại chạy mau chân hơn trong ánh nắng tươi non loang trên mặt đường bờ cỏ lạch nước, đưa nhỏ tỉnh ngủ trở lên ngồi bên chú đánh xe ngó đằng trước ngó con lộ bây giờ kẻ sát bên chân con đường rầy, trên đó một chuyến tàu dài nhiều toa chạy rầm rầm trở ngược, nó nhìn thấy người thợ máy đứng trên bậc toa đầu máy nhìn xuống đường và nó thêm được đứng ở chỗ ấy, ngựa chạy chậm chạp lên dốc cầu, đồ dốc nhanh, đưa đưa nhỏ đến xóm Ba Tay ở Bà Chiểu. Đưa nhỏ nhận ra người đón nó ngay từ

đầu ngã ba lúc xe vừa bỏ đường lộ rộng queo vào con phố ngang hẹp, con phố ngắn thẳng trông thấu hai đầu, từ phía đũa nhỏ đang nhìn tới có con đường nữa đông đúc nhộn nhịp vang hiệu còi kỳ lạ giống như còi ô-tô nhưng trầm đục hơn và nó hỏi chủ đánh xe được trả lời là còi xe lửa điện — xe lửa điện chạy lên Gò-vấp Hốc-môn —, người đón nó là anh Ba đen. Anh Ba đen đứng bên bờ đường vẫn mặc bộ quần áo ka-ki vàng quen thuộc, vẫy tay cho xe ngừng, đây rồi đến nơi rồi, trước đường hẻm giữa hai ngôi nhà tây rộng lớn, bên kia đường một con đường hẻm khác tre mọc kín hai bờ, anh Ba đen cười nhe chiếc răng vàng hỏi : Nghệ, Nghệ nhớ anh không ? Mừng không ? Xốc nách nó nhắc bổng đặt xuống đất. Chú đánh xe đẩy ngựa bắt thụt lùi mấy bước, dắt ngựa kéo xe vào đường hẻm, đi giữa hai rào dâm bụt dày bông lớn xoè đỏ ối ; chiếc xe vừa khít với bề rộng con hẻm, cảnh lá rụng loạt soạt vào thành xe, mũi xe rúng lắc trên mặt đất cát ẩm lẫn gạch vụn. Đũa nhỏ nắm tay anh Ba đen đi chân theo sau chuyện trò, chị Phượng vẫn ngồi trên xe thỉnh thoảng liếc ngó người đàn ông lạ, chị không quen anh Ba đen.

Anh Ba đen là người làm công thân tín của ông Trương — ông Trương là người đàn ông đã ra Bắc đón nó vào với mẹ — đã cùng sống với đũa nhỏ những ngày ngoài Phan-thiết ; trước khi về ở nhờ nhà bác Cả trên Tân-mai, đũa nhỏ đã ở Phan-thiết, thành phố thật yên tĩnh và chìm lẫn, ở một ngôi nhà hai tầng trong dãy phố quay lưng với khu chợ, yên tĩnh và chìm lẫn như con đường trước nhà không thấy bóng xe cộ chỉ thường thấy những người gánh cá từ xóm chài quày quả ra chợ hay trở về, đám học trò đến trường, nhà trường cách đó vài trăm thước xếp rạp hát cất nghiêng mặt ở góc đường, yên tĩnh và chìm lẫn đến nỗi một buổi sáng kia đũa nhỏ đến trường học không hiểu tại sao bỗng dưng không phải chào cờ, không phải hát hai bài La Marseillaise và Maréchal, nous voilà nữa mà ngày hôm trước nó còn phải hát ; ở đó mỗi buổi chiều anh Lưu, con ông Trương ôm đàn đứng ngoài ban công hát những bài tình tứ gửi sang hai bên hàng xóm, đũa nhỏ bắc ghế đứng lên trông thấy thấp thoáng xóm chài ngoài bờ biển, biển sóng vỗ ầm những đêm chợt thức giấc vọng vào sâu giấc ngủ, đũa nhỏ đi rông trong mộng như đi rông trong phố cùng

với thằng bạn học thân thiết lớn hơn nó vài tuổi đã biết hút thuốc lá suốt cả một mùa hè ; anh Ba đen đã sống với nó những ngày ấy như người thân thiết nhất trong nhà, anh thường phải đi đây đi đó luôn thay mặt ông Trương, mỗi bận trở về, anh đều có chuyện kể cho đứa nhỏ, những chuyện về tên mọi trung thành giúp việc cho anh ở Djiring có thể đánh chém bất cứ ai nếu anh muốn không cần biết lý do, về những cuộc đi săn đêm đầy hồi hộp hứng thú mà chứng tích là những miếng thịt rừng anh mang về, chuyện về gia đình anh đề trong Sài-gòn vợ anh chỉ biết đẻ rất con gái, chuyện về khu làng Hời nằm lẫn trong rừng anh đã lạc đến sống ở đó hai ngày khi chuyển tàu hỏa anh đi bị oanh tạc anh chạy bom xuýt chết, không lúc nào anh hết chuyện và khi thích thú anh cười ha hả vỗ đôm đốp lên vai nó như với một người bạn đồng tuổi, nhiều lần đứa nhỏ nghe lời anh rủ xin mẹ theo anh đi chơi một chuyến nhưng không được phép và khi anh đi rồi nó lang thang ra ngoài bãi biển gần nhà, bán thử tanh nồng, hoặc rủ thằng bạn thân qua bên kia cầu Mường Mán đi rong trong các phố Tây vắng vẻ tới khuya mới trở về bị mẹ lột trần truồng đánh một trận nên thân, đuổi ra đứng ngoài cửa sau không cho vào nhà và đứa nhỏ đập cửa kêu khóc xin mẹ một bộ quần áo mặc để đi khỏi nhà.

Gặp anh Ba đen, đứa nhỏ đã linh cảm có những thay đổi đang đón nó trong con hẻm này, anh bảo mẹ đi Sài-gòn chốc nữa về chốc nữa rồi anh em mình cũng đi chơi Sài-gòn vào Sài-gòn Nghệ mừng không, con hẻm mở ra trước mắt nó khi chiếc xe thổ mộ nghiêng ngả queo men theo bờ tường sau của ngôi nhà lớn : một khoảng đất trống, một miếng vườn bỏ phế còn dấu tích những luống đất vun, nằm dài bằng khu hậu của một ngôi nhà phía ngoài đường vẻ thâm u cũ kỹ như không có người ở nhìn thấy qua rào lưới ngăn cách, xung quanh rào cây đã xơ xác tàn héo, trên khoảng đất còn trơ trọi một cây nhãn sắp chết khô và bụi găng tây và trông ra khoảng đất ấy một lớp nhà gạch nằm căn chung mái ; chiếc xe thổ mộ ngừng trước lớp nhà, nó biết nó sẽ ở một trong năm căn nhà nhưng không biết cái nào bởi nó nhìn thấy, qua những lỗ rách của bờ rào, giới hạn của khoảng đất trống, chạy khuất sau lớp nhà dãy chuồng ngựa mái lá nhô cao phơ trong ánh nắng đang già. Anh

Ba đen dắt đứa nhỏ đưa lên đứng trên thềm căn nhà chót, căn nhà trống trải bụi bặm, vách ván lủng, gian ngoài chỉ mới kê một bộ ván cái bàn mộc và mấy cái ghế, bộ ván chắc chắn dành cho nó và chị Phượng, trở xuống phụ với chú đánh xe tháo dây chẳng chiếc va-ly còn chị Phượng lo mang mấy bọc đồ. Đứa nhỏ đứng ở ngưỡng cửa, thanh ngang cao đến ống quyển, nghe tiếng ngựa hí rộn dưới sân, con chó nhà kể cận cột ngoài thềm dụt xích sửa ừng oảng, người đàn bà hàng xóm ngó đầu ra cửa la mắng con vật, tò mò quan sát cảnh tượng ; những con ngựa trong dãy chuồng bên kia khoảng đất trống cũng đua nhau hí vang đập căng âm ỉ trên ván chuồng, tiếng vỗ về của một người đàn ông chăn ngựa loáng thoáng, nhưng cả bầu không khí trong lớp nhà vẫn lặng lờ như ánh sáng chiếu qua các kẽ hở trên mái, như sợi dây điện đứt buông giữa nhà ; rồi đứa nhỏ nghe vẳng xa tiếng ốc hụ, lúc ấy chị Phượng cúi húi quét dọn tuốt sân sau mở cánh cửa hậu thấy bức tường lem luốc, anh Ba đen trả tiền xe và chú đánh xe đang chặc chặc lưởi dẫn con ngựa quày đầu một cách khó khăn, cả hai người đàn ông đều ngược mắt trông lên trời, tay anh Ba đen che trên cặp mắt : báo động đó Nghe !

Tiếng còi hụ âm đến gần, lên xuống từng hồi, trong bóng sáng đứng im của ngày đã hết gió mát, âm trong tai đứa nhỏ ngờ ngác trước chốn lạ. Chú đánh xe than thở : Điều này trưa mới về tới trên, chú tới ngồi trên bức thềm phanh ngực áo, từ chối lời mời vào nhà của anh Ba đen, chú ngồi đó và hỏi : mày sợ không, nhỏ ? ở trên Tân-mai yên không, về Sài-gòn làm chi cho cực. Mưa nhỏ còn mãi nghe tiếng còi hụ, khi tiếng còi đã tắt, sự tịch mịch của buổi sáng muộn đã hoàn toàn, nó vẫn còn nghe thấy tiếng còi ấy ; tiếng còi rền vang xa tít mù trong cái thị xã Đập-cầu nơi bà ngoại còn sống, hiệu còi phòng thủ bay vào lớp học, đứa nhỏ cùng bè bạn xếp hàng theo thầy giáo ra hàm trú ẩn xây xi-măng hình chữ chi lộ thiên cuối sân trường chơi đùa, trường ở cuối phố chính gần bờ sông, lúc hàm chưa đắp xong bọn học trò được đưa ra đồng trên những con đường nhỏ gần ao chuôm đứng ngồi tản mát dưới bóng tre ; một lần đứa nhỏ đã cùng một đứa bạn lẻn chạy trốn về nhà, hai đứa chạy thi với hiệu còi dồn dập trên hè phố chính trong lúc mọi nhà vội vã đóng cửa theo lệnh của ông cảnh sát đạp xe giữa đường huyết còi inh ỏi, nó chạy một mình với sự sợ hãi kinh

hoàng quanh vào trong các phố ngang đường tắt không còn bóng người, thở hồng hộc đập cửa nhà đóng im ỉm để vào nhận những roi đòn quất đít của ông bác ; những lần báo động ban đêm, bà ngoại lay thức dậy bắt chui xuống gầm phản tối om nép vào trong góc chân tường ẩm lạnh ngắt — cánh phản dày đến mười phân được phủ thêm tấm chăn bông nặng — đó là đêm mùa đông giá buốt có buổi tối đưa nhỏ đã điú mắt vẫn phải đọc truyện Kim Vân Kiều cho bà nghe, bà ôm bình nước nóng ủ trong mình, hiệu còi văng vẳng theo gió hút ghê mình như tiếng rao quà giữa đêm khuya khoắt hay tiếng gõ cửa của một khách hàng trái giấc, giọng van nài ỉ ỏi bên ngoài hè hay tiếng giày nện đều bước của toán lính Nhật đi ngoài đường khi hàng phố đã ngủ. Quyền sách đã cũ nát mất bìa nhiều trang bị xé rách nửa, những câu thơ đọc đưa trẻ chỉ nghe chập chờn giọng của mình, lẩm đoạn nó đọc cóc nhầy, ăn gian cho mau hết khúc bà cũng chẳng hay, hai bà cháu cùng mơ màng lim dim trong, cảnh cô đơn (gia đình bác Chấn ở cả dưới nhà ngang trong sân sau, gia đình ông Hồ ở gian trong, ông Hồ điếc, lúc nào cũng ngơ ngác trước mọi cảnh ồn ào sống cùng hai bà vợ, cho bà thuê nhà), chỉ có hai bà cháu ở nhà ngoài liền với cửa hàng bán thuốc phiện của bà, gồm một tấm phản kê sát tới chiếc bàn bày chiếc cân tiểu ly đặt trên giá gỗ và chiếc giỏ đựng vỏ hến, cửa hàng của bà chỉ chiếm phần bên trái gian ngoài, phần giữa kệ bàn ghế tiếp khách chung của mấy gia đình, phần còn lại là cửa hàng bán sơn của bà Hồ Cả đầy những chum những thùng quang dầu xòng mùi nồng nặc ; những chiếc vỏ hến lòng trứng trắng nổi vân biếc đỏ, bà ngoại hay chị Thành phải méo cả miệng, nhỏ những giọt thuốc đen sánh vào bán cho mấy bác phu xe rách rưới gầy guộc thường hay kéo nài từng ly một, khách hàng đứng ngay tại vỉa hè thè lưỡi liếm gọn chất thuốc đen xong ném chiếc vỏ hến ; những bác phu xe co rút trong chiếc áo tơi lá dưới chiếc nón rách, răng đánh lập cập, ghé mắt qua lỗ cửa tròn buổi tối, cầu khẩn xin mua mấy vụn vãi rách chùi rửa các hộp thuốc phiện, hộp bằng đồng bóp kêu lục đục rồi hộp bằng cao-su miệng viền kẽm trắng, đôi mắt mở thao láo thất thần trong lỗ hồng như muốn cùng bóng tối đen ủa vào bị ánh sáng của ngọn điện gần thiếu trên bàn xô dạt ra ngoài ; tiếng chân bước vội vã ngoài hè giẫm lạch bạch trên mặt đường, đường phố gió lạnh căm căm từ sông lùa vào, trên dốc núi đổ xuống, lá lăn chạy rào rào như

mưa và xa tít cuối phố, có lẽ từ dốc Lừa Uống Nước, tiến lại gần tiếng rao ồ ề của hàng quà rong — dày... giò... bằng giọng gần dật ma quái — lục... tào... xá... chế... mà... phù... ơ... ơ... bằng giọng ngân nga thẳm thướt — không thấy bóng người chỉ nghe tiếng dép da cọ sát, chỉ thấy bóng chiếc đèn bão lắc lư chuyển động trong màu tối đen; bọn lính Nhật la hét hung dữ, mỗi buổi chiều đeo mặt nạ sắt mặc áo giáp bông tập đánh kiếm nửa, đánh súng gỗ ở con đường chạy ra đồng lối sau nhà, đánh thẳng tay quyết liệt, rập nát cả đầu nửa sắc, bật tung cả bọc vải ở đầu súng gỗ như một bọn say máu không như bọn lính Lê-dương thường say khướt nghiêng ngả trong hội quán xế cửa nhà mỗi ngày chủ nhật, bọn Lê-dương hát ồn ào huyền ảo trong tiếng kèn nhầy đầm còn bọn lính Nhật hát những điệu dai dẳng buồn bã, dắt những con ngựa cao lớn gấp năm lần con la của lính Tây ra sông tắm trở về xếp hàng một ngay ngắn ...

Đưa nhỏ lần quần, đợi nghe tiếng còi hú giải tỏa, đợi mẹ trở về, trong khi anh Ba đen phụ lực với chị Phụng chùi rửa căn nhà, chú đánh xe nóng lòng dẫn xe ra đường chú bảo: ra ngoài kiếm cái quán ngồi nhậu và đưa nhỏ ngồi xuống bọc thềm, ngó bóng nắng lúc sáng lúc dịu thụt lui dần vào mé hàng hiên, những chân ngựa đứng trong chuồng quẩn bằng vải, bóng người chẵn ngựa khuấy lấp đang trải lông cho ngựa. Trong tiếng trò chuyện dăm dẳng trêu chọc giữa anh Ba đen và chị Phụng, buổi sáng ấy tưởng như kéo dài mãi, cánh cửa sổ trên ngôi nhà lầu phía trước đóng sập, con chó nhà bên ngủ yên, những nhà khác đều kín cửa nhốt những tiếng động ở trong, cho đến lúc có những tiếng nổ ùng ùng ở xa dội lại, tiếng nổ lan và sập gần rung rinh bóng nắng, buổi sáng bị phá vỡ, tiếng đồ vật rớt tan tành trên gạch, tiếng quát tháo hoảng hốt, tiếng bàn chải cọ mài sàn im ngưng, anh Ba đen la lớn: D.C.A Nhật bắn đấy, không phải bom đầu, D.C.A Nhật bắn, chị Phụng nhào lăn lầy bầy trong góc nhà, tiếng người gọi nhau vang trong phòng rộng trên lầu gác, đưa nhỏ đứng lên ngơ ngác trước hiên thấy anh Ba đen đứng sát bên. Súng đại bác bắn từng hồi và khi hiệu còi giải tỏa vang lên, bầu không khí vẫn lặng thinh như cũ, buổi sáng hết mất từ lúc nào, đưa nhỏ ngồi ngủ gà gật trên phản đã lau sạch.

TÚY - HỒNG

NGUYỄN-TRẦN HUY thực-hiện

NTH — Xin bà cho biết truyện mới nhất của bà ?

T H — Truyện mới nhất của tôi là truyện « Những Sợi Sắc Không », truyện dài đầu tay, đăng ở báo « Văn Đền » do ông Vũ Khắc Khoan làm chủ biên.

NTH — Bao giờ thì bà hoàn thành tác phẩm này ?

T H — Tôi hy vọng trong vụ nghỉ hè 1969 này tôi sẽ viết gấp rút cho nó hoàn thành và xuất bản ngay tức khắc cho nó yên bề...

NTH — Tại sao bà muốn cho nó yên bề ?

T H — Bởi vì tôi sốt ruột quá.

NTH — Sau đó bà có dự định cho một tác phẩm nào khác không ?

T H — Tôi dự định viết tiếp và cho in liền tập truyện khác.

NTH — Bà sẽ đặt tên cho nó chữ ? Tên gì thế ?

T H — « Rươn Trên Tiềm Thức » ạ !

NTH — Tại sao lại « Rươn Trên Tiềm Thức » ?

T H — Xin cho tôi được giữ bí mật cái đề tựa này vì thật ra tập đó tôi chỉ mới viết xong được một truyện ngắn trong số ba hoặc bốn truyện dự định chi đó !

NTH — Bà muốn đề cập đến một khía cạnh tâm lý theo kiểu Freud chăng ?

T H — Dạ, chưa biết... vì truyện ngắn của tôi chỉ là những mẩu chuyện chấp lại.

NTH — *Người ta cho rằng trong những truyện ngắn mà bà đã viết và hình như trong cả « Những Sợi Sắc Không » nữa, chủ đề chính mà bà sử dụng là « Tình Dục ». Bà nghĩ sao về nhận xét đó ?*

T H — Tôi nghĩ rằng sự nhận định của độc giả bao giờ cũng là một sự tưởng thưởng hoặc là một sự trừng phạt... Nếu nhận định : « Chủ đề chính trong văn tôi viết là tình dục » thì cũng nên coi đó là một lối trừng phạt êm nhẹ vì trong thâm tâm tôi, khi nghĩ cũng như khi viết, tôi không nhắm vào mục tiêu đó... Nhưng, người ta thường có những lúc đi trật, những lúc bước lệch, mà... sự chạy bậy của ngòi bút có thể hướng nhận định độc giả ra xa chủ đề của mình lắm chứ !... Chủ đề chính của tôi bao giờ cũng là khai thác nỗi cô đơn, nếu được cải chính như thế.

NTH — *Trong những nhân vật của bà, bà ưng ý nhân vật nào hơn cả ? Tại sao ? Phải chăng bà đã đặt một phần đời mình trong nhân vật mình ?*

T H — Có người bảo : « Đàn bà viết văn không ngoài cái tôi ». Nhận xét đó, tôi thấy vừa đủ đúng. Riêng về trường hợp tôi : tất cả những nhân vật nữ trong hai tác phẩm « Thở Dài » và « Vết Thương Dậy Thì »... tôi đều dựng lên như một cái cớ... Cỏ May, Như Mai, Hiền, Sao v.v... trong một khoé nhìn nào đó, tôi có thể nói họ là đáng đáp cô đơn của tôi, trên khía cạnh tâm linh chứ không phải sự kiện. Và trong một vài lúc nào đó, chỉ một vài lúc thôi, tôi thấy rằng Cỏ May, Hiền... đích thực là tôi. Chẳng nhẽ tôi lại mang cái đích danh Túy Hồng vào trong tác phẩm, nên tôi phải tạo dựng những nhân vật như thế để làm hình nhân thế mạng... Những nhân vật ấy, tôi xin trả lời là chẳng có mống nào làm tôi ưng ý vì họ mang nhiều sơ hở, mang nhiều cái tôi... Tôi xin đặt lại vấn đề : tôi không phải chỉ là một nhân vật của tôi mà tất cả những vật của tôi là tôi... Còn trong tác phẩm « Những Sợi Sắc Không »

tôi ẩn hiện một cách mơ hồ trong hai vai Cỏ May và Trầm. Hai vai này, tôi viết về người ta, vừa người ta vừa tôi... có người có ta. Dạ thưa, câu hỏi này đã xong chưa ạ ?

NTH — Cứ tạm coi như là xong đi, nhưng bà có gặp trở ngại nào khác trong việc cấu tạo nhân vật của bà không ?...

T H — Có chứ.

NTH — Trở ngại nào vậy ?

T H — Ông có thấy tôi cần phải nói hết những điều ấy ra ở đây không ?



*TÚ Y HỒNG bên ảnh nển sinh
nhật Hồng An*

NTH — Thôi, cũng không cần nữa. Bà viết văn từ hồi nào ?

T H — Vào cuối năm 1962.

NTH — Bà có còn nhớ tên truyện đầu tiên của bà ? Và tạp chí nào đã đăng truyện đó ? Lời khuyến khích đầu tiên mà bà được biết là lời nào vậy ?

T H — Truyện đầu tiên của tôi là truyện ngắn « Bát Nước Đầy » đăng ở nguyệt san « Văn-Hữu ». Lời khuyến khích đầu tiên : cô thông minh !

NTH — Động cơ nào đã thúc đẩy bà chọn cái công việc viết văn này ?

T H — Bãi bỏ kiểm duyệt là điều mà mọi người đều muốn... Kiểm duyệt gây nên sự lúng túng, giữ gìn trong việc sáng tác làm mất tự nhiên...

NTH — *Người ta nói bà là người thứ nhất đã sử dụng ngôn ngữ Huế trong tác phẩm văn chương. Và bà đã thành công (độc giả của chúng tôi là bằng chứng cho nhận xét này). Bà giải thích ra sao về ý kiến đó ?*

T H — Vâng, tôi nói tiếng Huế rất nhiều trong mấy tác phẩm của tôi... chỗ nào đối thoại cũng là ngôn ngữ Huế. Trước tôi, và bây giờ... Vâng, ông hiểu cho điều đó... Nhưng, nói tiếng Huế nhiều đâu phải là thành công ?

NTH — *Cái gì khiến bà sử dụng thứ ngôn ngữ ấy trong văn chương vậy ?*

T H — Tôi làm văn từ đất Huế nên phải sử dụng thứ ngôn ngữ lưu lo đó cho tự nhiên... Hồi còn ở Huế, tôi nghĩ rằng tôi phải đối thoại bằng ngôn ngữ Bắc-kỳ e mất tự nhiên.

NTH — *Trong tác phẩm sắp tới đây bà có còn sử dụng thứ ngôn ngữ đó nữa không ?*

T N — Sau «*Những Sợi Sắc Không*» chắc là tôi không viết về Huế nữa, vì tôi đã phanh phui Huế quá nhiều rồi. Làm văn chương đâu phải chú mục vào mãi một chỗ phải không ông ?

NTH — *Trong những truyện bà đã được đọc từ trước tới nay bà ưa thích quyển nào hơn cả ?*

T H — Tôi thích quyển «*Cuốn Theo Chiều Gió*» của bà Margaret Mitchell và những truyện viết trên đất Tàu của bà Pearl Buck.

NTH — *Tôi bắt đầu thấy bà có thành kiến rồi. Thế mới biết câu nói của nhà bác học Einstein đặt ở chỗ nào cũng đúng.*

T H — Câu gì vậy ông ?

NTH — «*Buồn cho thời đại chúng ta, đập vỡ một thành kiến khó hơn là đập vỡ một hạt nguyên tử*».

T H — Ông tìm ở đâu ra cái câu kỳ cục đó ?

NTH — Bà lại bắt đầu thay đổi vị trí rồi ? Hãy tưởng tượng tôi là người phỏng vấn...

T H — Cố nhiên, ông là người đi phỏng vấn...

NTH — ...Và bà là người bị dồn vào phút phải nói thật. Và hãy tưởng tượng tôi hỏi giùm cho độc giả chúng tôi như thế này thì bà sẽ trả lời ra sao. Đồng ý ?

T H — Đồng ý.

NTH — Thanh-Nam là một nhà văn — một nhà văn dễ thương mà tôi được biết — và bà nữa, bà cũng lại là một nhà văn dễ thương — tôi không đại gì đi nịnh bà đâu —. Sự kết hợp hai cái-dễ-thương này ảnh hưởng thế nào đến việc viết lách của bà ?

T H — Lấy chồng là một bài học ! học đến già đời vẫn còn giận hờn, vẫn còn vấp vấp. Tôi nói : chồng tôi cấp cho tôi đủ tự do để viết văn. Tôi nhận thấy : bây giờ tôi còn viết bạo hơn hồi độc thân nhưng trong tình cảnh hiện tại, công việc gia đình chiếm nhiều thời gian thành thử sự dễ dàng của công việc sáng tác bớt đi lắm lắm. Mỗi ngày tôi phải đi dạy hết nửa buổi, còn nửa buổi để làm việc gia đình với viết lách. Hôm nào rủi ro con đau bụng đi tiêu cho bốn, năm lần một ngày thì đẹp... Tóm lại, từ khi kết hôn với Thanh-Nam, tôi viết dễ dàng hơn, nhưng, bị thiếu thì giờ.

NTH — Hãy trở lại xứ Huế của bà một lần nữa. Có một ông nào đó đã viết ở đâu đó rằng Huế là một thành phố có hai cái đáng yêu : đó là cảnh Huế và gái Huế ; và hai cái đáng ghét : đó là mưa Huế và con trai Huế.

Bà không ở trong thành phần thứ hai, xin bà nhân danh cái thành phần đáng yêu nói về nhận xét kia.

T H — Vấn đề kỳ thi địa phương là một vấn đề không nên có... Ông nhà văn nào đó thật hồ đồ, ông ấy chỉ ghé Huế có một đêm mà đã vội buông lời ầu tả gây mất lòng mất bề...

NTH — Hình như ở những câu trả lời trên, bà có nhắc đến một nhân vật của bà tên là CỎ MAY. CỎ MAY! Do đâu mà bà có được một cái tên đẹp và hay như thế ?

T H — Cỏ May là tên của một người bạn gái của tôi học chung lớp từ đệ thất lên đến đệ tam. Tôi thương cái tên, thương cái miệng của nó. Hồi còn đi học tôi cứ lần lần nói sao mình không có một cái tên hay như Cỏ May, như Tỉ Muội, như Đạm Chiếu...

NTH — Hãy tưởng tượng là bà được bắt đầu lại từ đầu, nghĩa là xem như chưa viết một tác phẩm nào, chưa viết một dòng chữ nào về cái mà người ta gọi là văn chương, bà sẽ chọn điều gì để viết trong tác phẩm đầu tiên của bà ?

T H — Chắc là tôi lại viết về tình yêu...

NTH — Nếu tôi không lầm thì hình như bà mới vừa hát. Bà hát bài...

T H — « Nhìn Những Mùa Thu Đi »

NTH — Trịnh Công Sơn ?

T H — Phải.

NTH — Hãy nói về hiện tượng Trịnh Công Sơn ? Và Khánh Ly nữa ?

T H — Tôi nghĩ rằng nếu đã có thơ tự do thì phải có nhạc tự do... nhạc Trịnh Công Sơn gần với văn chương vì lời ca của Trịnh Công Sơn là một điểm nổi, là một đường nét gồ ghề dẫn xóc tâm trạng tuổi trẻ. Nhạc Trịnh Công Sơn đáng yêu vì nó biết chinh phục, nó luộm thuộm, lè thè. Trịnh Công Sơn thành công ở lời ca... Trịnh Công Sơn biết trước hơn ai hết điều đó nên anh dùng chữ ca khúc thay vì nhạc khúc. Tôi nghĩ rằng chỉ có bài « Nhìn Những Mùa Thu Đi » là đem hòa tấu được, còn bao nhiêu thì nên để cho Khánh Ly hát. Khi hát, Khánh Ly có một thái độ đầy chữ, Khánh Ly phát âm cái vần « đ » quyến rũ lắm !

NTH — Bà có nghe nói đến thứ văn chương gọi là « dẫn thân » bao giờ chưa ? Văn chương của bà có nằm trong truyền thống này không ?

T H — Văn chương dẫn thân ? Dẫn thân... dẫn thân là cái gì nhỉ ? Cái từ ngữ mới được để ở bên Tây sao bay qua Việt-nam mau quá ! Tôi không cần biết đến cái từ ngữ « dẫn thân »... Các tác phẩm của tôi viết ra, ai muốn đặt chúng nằm ở loại văn chương cự quây với cuộc sống hay văn chương tê liệt cũng được, điều quan trọng là tôi không biết đến chữ « dẫn thân » !

NTH — Bà có tin như một số người làm văn vẫn tin rằng tiếng nói của nhà văn chính là tiếng nói của lương tâm nhân loại không ?

TH — Đó là tiếng hô lớn của những nhà văn lớn... Viết văn là một vấn đề lớn, một kỹ nghệ nặng khó khăn... Càng khó khăn hơn khi có sự bắt buộc phải đặt nặng vấn đề thiên chức theo một sơ đồ đã hoạch định. Riêng tôi, tôi thích viết những điều tầm thường mà tôi đã suy nghĩ đến... Ngay bây giờ, có rất nhiều nhà văn kiêm nhà phê bình đã nhân danh lớn để chỉ trích tàn tệ những cây bút phụ nữ...

NGUYỄN-TRẦN HUY

(25.3.69)

sắp phát hành

Một cách buồn phiền

tập truyện đầu tay của LÊ VĂN THIỆN

Cơ sở VĂN xuất bản

tin . văn... văn

• NGOÀI NƯỚC

Dấn thân vào Trung Đông

Hôm 22-2-69, tại Paris, nhiều nghị sĩ và trí thức của 11 quốc gia Âu, Mỹ, Phi, cùng hội họp đề bàn với nhau, tìm cách cứu vãn hòa bình tại Trung Đông. Nói trắng ra đề can, không cho Do-thái và Ả-rập uýnh lộn nhau nữa.

Trời, người ta đang hăng như thế, các ông nghị sĩ này làm cách gì mà can cho nổi ?

Khởi lo. Trước hết : lập một Ban Thường-trực quốc-tế tả-phái về hòa bình Trung Đông, trụ sở đặt tại Paris. Sau đó : cử một phái bộ đi khuyên giải các chính phủ Do-thái và Ả-rập, do giáo sư Alfred Frastler dẫn đầu.

Trong cuộc hội họp tại Paris, người ta thấy có mặt : Herbert-Marcuse, Gunter Grass, André Schwartz-Bart v.v...

Xen vào áo quần

Henri Lefebvre dạy về xã hội học, viết sách về xã hội học, nghiên cứu về những trạng thái sinh hoạt hàng ngày, cái ăn cái mặc của con người trong xã hội, lại chủ trương một xuất bản xã : Mode et Culture.

Vì vậy, Henri Lefebvre đi xem áo quần thời trang của đàn bà con gái tất có nhiều ý kiến.

Ý kiến sau chót : dạo này con gái thích mặc quần. Quan trọng đấy nhá. Không phải chuyện chơi đùa. Thử hỏi vì sao con trai không ham mặc váy mà con gái lại đòi mặc quần ?

H. Lefebvre giải thích : cái quần trông rần rỏi, khổ hạnh. Nó tiêu biểu cho sự trung hòa phái tính. Ăn mặc như thế tức là giữa nam với nữ không có sự phân biệt đối chọi nhau nữa. Đôi bên đều phản ánh một trạng thái trung hoà : tuổi trẻ.

Giải thích như vậy, nghe vẫn chưa thông. Vẫn cứ còn thắc mắc : thế tại sao con trai không mặc vậy ?

Lần này xin nghe ý kiến của Roland Barthes (trong một tiểu luận về *Système de la mode*): Sự cấm kỵ của xã hội ngăn trở việc nữ hóa người đàn ông quyết liệt hơn là việc nam hóa người đàn bà.

Tiểu thuyết của giới trẻ

Giới trẻ hôm nay ở Mỹ đang khoái một tiểu thuyết gia 46 tuổi, tên là Kurt Vonnegut Jr.

Nghe nói Tân Tả-phái tại đây hoan nghênh Kurt Vonnegut đến nỗi đưa ngay tác giả này vào chương trình các phân khoa xã hội học của Harvard, Washington và Wisconsin .

Biên khảo của Herbert Marcuse và sáng tác của Kurt Vonnegut là những sáng thời trang bên nước cờ hoa.

Thị trường chung Anh Nga

Thống chế Joukov, tham mưu trưởng của quân đội Nga Xô trong trận Đệ nhị Thế chiến, năm nay đã ngoài 70 tuổi, vừa giao cho cơ sở xuất bản Macdonald tại Luân-đôn in tập *Hồi ký* của ông ta.

Điểm lý thú là tác phẩm ra đời ở Luân-đôn trước khi ra đời ở Mạc-tư-khoa, mà đây lại không phải là một trường hợp chuyển bản thảo lén lút như trường hợp của A. Soljenitsyne. Thống chế Joukov vẫn là một nhân vật cao cấp của nhà nước, việc mua bán tác phẩm diễn tiến công khai giữa nhà Macdonald và hãng Novosti.

Marcel Proust

Marcel Proust lần này khai trương một tủ sách mới của nhà Gallimard: tủ sách *La Gerbe Illustrée*.

Những kẻ mê Proust (như anh bạn Hoàng Ngọc Biên!) phen này chắc hẳn là tốn kém bộn. Bởi vì sách in đẹp, có những 96 phụ bản của Philippe Jullian. Mỗi cuốn cũng sẽ khá dày bởi vì trọn bộ dồn vào bảy cuốn (chứ không phải 15 cuốn như trong tủ sách n. r. f.)

Tiếp theo Marcel Proust, loại *La Gerbe illustrée* sẽ cho ấn hành tác phẩm của André Malraux, rồi của Saint Exupéry.

John Le Carré

John Le Carré đang được độc giả Hoa-kỳ-tiêu thụ mạnh. Cuốn *Một thành phố nhỏ ở Đức* của ông ta đứng hàng đầu các sách bán chạy hiện thời.

Những cuốn khác trong danh sách bán chạy là: *Portney «ngâm khúc»* (*La complainte De Portney*) của Philip Roth, *Cửa ngục thứ nhất* (*Le premier cercle*) của Alexandre Soljenitsyne, *Thảm kịch Lyndon Johnson* của M. Goldman, *Vũ khí Krupp* của William Manchester.

Điều đáng đề ý là tác phẩm của John Le Carré, (bản Pháp-dịch do nhà Laffont ấn hành) cũng đang bán mạnh tại Pháp.

David Herbert Lawrence

Ngót nửa thế kỷ D.H. Lawrence bị cấm đoán, tác phẩm của ông thuộc về hoạt động tư pháp nhiều hơn là hoạt động văn nghệ: hết tòa án nọ đến tòa án kia làm việc không ngớt, hạch tội, kết tội đủ điều. Giới tư tưởng cũng không để cho ông yên thân! phe hữu thì nhieếc ông làm bại hoại phong hoá, phe tả (Bertrand Russell chủ xướng thì chụp cho ông cái mũ phát xít).

May thay, tòa án và dư luận sau khi xét đi còn có xét lại. Nhờ có sự xét lại ấy, gần đây tư tưởng giới công nhận giá trị nghệ thuật đặc biệt của D. H. Lawrence và tòa án lần lượt cho xuất bản các tác phẩm của D. H. Lawrence.

Sau *L'amant de Lady Chatlerley*, đến *Le paon blanc* và *Ile, mon Ile*. Cuốn *Le paon blanc* là một truyện dài, truyện dài đầu tay của D. H. Lawrence ; và *Ile, Mon Ile* là một tập truyện ngắn, gồm 17 truyện.

Mô tả Heidegger

Nhà xuất bản L'Herne in cuốn *Les écrits politique de Heidegger* của Jean-Michel Palmier. Nhân dịp này Jean Guitton, trong Hàn lâm viện Pháp có bài diễm sách lý thú. Lý thú vì diễm cả người. Con người Heidegger được triết gia J. Guitton mô tả như sau :

« Để phác qua một ý niệm đầu tiên về cái bề ngoài của Heidegger, tôi đã có lần so sánh ông với Claudel : cũng như Claudel, ông có dáng bộ của một người thợ thủ công vạm vỡ, của một công nhân, hay nói cho chính xác hơn, của một thợ rừng vừa mới từ trong rừng về, sắp sửa bổ khúc gỗ ông ta đã cưa xẻ ra. Ông cũng lại có cái lối nói chậm chạp ấy, cái nhìn ngạc nhiên và lối đảo mắt ấy, cũng lối ương ngạnh không chịu dể rằng về những cái không phải chủ yếu ấy, cũng thái độ lãnh đạm đối với dư luận ấy, và cũng lại có y hệt cái cách thưởng thức và nhai gặm từng tiếng trước khi nói, như thể người ta nhai hạt, cái cách yêu mến các tiếng, tận hưởng chúng đến triệt để. Tóm lại, họ là những nông dân, những đứa con của đất. »

Tả Heidegger lẫn Claudel (theo Jean Guitton) đều có vẻ nông dân cả. Nhưng theo Guitton, nông dân mà làm thi sĩ (như Claudel) là chuyện thường ; còn nông dân mà suy tư triết lý (như Heidegger), cái ấy mới hiếm, mới lạ đã !

Dẫu sao, cái lạ ấy đã đưa tới... cuốn *Hiện tượng học là gì* của Trần Thái Đình. Và chúng ta có thể đem đoạn mô tả (chưa có giảm trừ đấy nhé) của Jean Guitton làm chút quà tặng người đã yêu Heidegger.

Văn chương và... sữa đặc

Louis Armand là một ông hàn lâm thông thái của Pháp. Cuốn sách của ông về cách thức Âu-châu đáp ứng lời thách thức Mỹ-châu, vài tháng trước đây bán chạy như gió.

Nhưng Louis Armand không phải chỉ biết có văn chương chữ nghĩa. Đó là một người quảng bác, am hiểu về nhiều ngành hoạt động. Công ty Sopad, tức chi nhánh Nestlé ở Pháp, làm sữa, cà-phê, sô-cô-la, v.v..., vừa mời ông vào hội đồng quản trị. Trong lúc ấy L. Armand vẫn còn kiêm chủ tịch một số hiệp hội bảo hiểm nữa.

Sĩ không cần kiêm bách nghệ, chỉ kiêm lấy vài nghề như thế, đời đủ lên hương chán.

● TRONG NƯỚC

Mồ hôi trên thao trường

Từ ít lâu nay, tòa soạn VĂN thường nhận được thư của một số thân hữu của Mường-Mán, thường là từ ngoài Trung, hỏi thăm địa chỉ của MM. Hiện nay Mường-Mán đang thụ huấn trên trường Võ-bị Thủ-đức. Chúng tôi rất tiếc không biết đơn vị của MM, ngoài cái KBC 4100. Vậy, bạn nào muốn gửi thư cho MM, có thể gửi về tòa soạn VĂN. Dịp được đi phép Alpha, MM sẽ ghé báo quán để nhận những thư đó.

Củ cải dầm, dầu thơm...

Trong bài *Đông-hồ không còn nữa...* đăng trên VĂN số trước, tác giả Bùi Vị-Xuyên có thuật lại một vài giai thoại vui vui để nêu lên cái phong cách đặc biệt của nhà thơ đất Hà-tiên.

Trong số, có một giai thoại tác giả đã được nghe « kể đi kể lại », nhưng lại đem gán TPG vào (ý hẳn để chuyện kể thêm phần « bảo đảm »?). Bài báo lên khuôn trong lúc TPG đang đau, chừng đọc báo, anh mới kêu trời như bọng. Anh than « nếu như tôi có

cái hân hạnh được gặp dịp đó, thì chắc chắn tôi đã sang bàn bên chào hỏi, trước là đề tỏ lòng kính mến bậc trưởng thượng, sau là đề xin vài... miếng củ cải dầm, — món ăn đặc biệt, tuy không hợp với người có chứng bệnh phong, nhưng ăn rất ngon miệng, nhất là, nó rất *Việt-nam*...

Còn đang « tiếc hùi hụi » thì TPG lại tiếp được một bài của nữ sĩ Mộng-Tuyết thất-tiểu-muội, đại ý cho biết Đông-hồ tiên-sinh « hay đau yếu cứ ăn, thường chỉ ăn uống ở nhà, nếu có ăn phở cũng mua về nhà, chứ chắc chắn là chẳng có khi nào mà tổ chức có chuẩn bị một cuộc đi ăn phở như vậy. Lại nữa « củ cải dầm » là món mà Đông-Hồ chẳng chịu được mùi vị của nó thì còn nói chi đến chuyện mang theo. Có lẽ ông bạn nào muốn thêm thắt cho câu chuyện được mặn mòi. Hoặc nếu có khi nào anh em có gặp ở quán phở thì cũng là một dịp tình cờ nào đó, gặp gỡ bạn bè rồi mới mời mọc rủ nhau vào ngồi quán chứ chắc chắn là ông nghe kể đi kể lại hoặc nhìn xa hóa nhăm lẩn điếm nào chẳng?... »

Hỏi lại Bùi Vị-Xuyên, được biết hẳn đã nghe lỏm được giai thoại nọ trong một cuộc nhàn đàm giữa mấy nhà văn lớn tuổi, nổi tiếng từ thời tiền chiến. Mấy bậc chú bác, tuổi tác chất chồng, mắt tai có kém tinh tường chẳng (?), có lảm lẩn thật chẳng (?)

TPG khi giao cho Thu-Trung tòi việc « nói lại cho rõ » có dặn « đừng quên lời xin lỗi ». Nói lại cho rõ thì tôi đã nói rồi, nhưng còn xin lỗi thì biết xin lỗi ai đây? Xin lỗi linh hồn nhà thơ quá cố? xin lỗi những người thân của ông còn đang sống ở dương trần và còn lo lắng cho ông, mặc dù ông đã bước hẳn hai chân vào lịch sử? Xin lỗi mấy bậc đàn anh lão thành khả kính đã đề cho kẻ hậu sinh lai vãng tới cạnh khay trà nghe chuyện nhàn đàm đề rồi thốc mách với thiên hạ bốn phương? Hay là xin lỗi Bùi Vị-Xuyên — người đã, qua một giai thoại nhỏ, nêu rõ cá tính đặc biệt của nhà thơ đất Hà-tiên : chăm chút đến cầu kỳ, đến làm cho toàn hảo ngay từ một sinh thú nhỏ nhất, một sinh thú rất Việt-nam, hoàn toàn Việt-nam!... Thôi thì, thay mặt TPG, tôi gửi tới toàn thề, một lời xin lỗi chung, rất chân thành.

Nhân đây, về một điểm khác cũng trong bài thượng dẫn, nữ sĩ Mộng-Tuyết Thất-tiểu-muội cho biết:

«Khứu giác anh Đông-Hồ thường không chịu được những mùi lạ, anh lúc nào cũng có những hương liệu trong túi, và lúc nào rửa tay xong là cũng phải rửa qua một chút alcool camphré hoặc một thứ Cologne, eau de lavande như bác sĩ rửa tay với rượu cồn vậy.

«Mà trước khi tiếp khách là anh phải rửa mặt rửa tay chải đầu rồi mới ra hầu tiếp. Nếu có ai tới gặp anh ngay, thì anh cũng xin lỗi trở vào mặc áo, chải đầu rửa tay rửa mặt, v.v... rồi mới trở ra...»

Vậy thì, trên đây là sự thật về thói quen của nhà thơ, do người thân của ông nói ra, có lẽ là để tránh một sự ngộ nhận nào đó chăng?

Điều ấy thì quả là ở ngoài sự hiểu biết cũng như ý muốn của người thật chuyện. Lựa trong số nhiều giai thoại được kể về một nhà thơ vốn có một đời sống nội tâm (vie intérieure) phong phú, người viết bài đã cố lựa lấy một vài giai thoại khả dĩ có thể chọn làm tiêu biểu cho một số cá tính điển hình nào đó. Mùi dầu thơm, một sản phẩm của văn minh cơ khí, ở đây chỉ chứng tỏ sự xâm lấn tàn nhẫn của độ sống cơ khí, vào ngay nơi ở ẩn của người có thể coi như hình ảnh cuối cùng của nếp sống cổ kính Việt-nam... Nếu không nói lên được điều đó, hoặc nếu gây ra sự ngộ nhận này khác chung quanh điều muốn nói, đó chỉ tại người viết vụng về. Chúng tôi, nhân danh toà soạn VĂN, xin được ngỏ lời cáo lỗi về sự vụng về đó của anh Bùi Vị-Xuyên, tác giả của một bài viết vội.

Viết về một nhà thơ, nhà văn hoá, đã trọn đời tận tụy cho quốc văn không thể là một bài báo viết ngắn, viết vội (cho kịp kỳ báo) mà phải là một công trình dài hơi. Việc dài hơi đó chúng ta phải trông đợi ở những tổ chức văn hoá (như Trung-tâm Văn-bút Việt-nam chẳng hạn), những người tri kỷ của ông, những môn sinh của ông...

Khi người diên In sách

Người diên đây là người tỉnh nhất nước, nhất thế giới. Nguyễn Ngu Í, Ngê Bá Li, Tân Fong Hliệp, Ki-gop-jó-ci và nhiều

nữa. Nhiều tên nhưng chỉ một người. Người lúc điên lúc tỉnh. Điên hết mình mà tỉnh cũng hết mình!

Người vừa tung ra thị trường chữ nghĩa một cuốn sách có cái nhan cồ điển (*Quê hương*) nhưng viết theo lối khác thường «... *Qê hương*...»

Nói về sự khác thường trong «... *Qê hương*...» thì nhiều, đủ nhiều để người đề tựa, ông Nguyễn Hiến-Lê, gọi đây là một tập *kỳ-thư*.

Kỳ thư này thuộc loại « kỳ » nhất Việt-nam, kỳ nhất thế giới ; độc giả nào không tin, thử tìm cho được «...*Qê hương*...» tập A, xem có buột miệng, ít nhất cũng năm lần bảy lượt, kêu « kỳ » !

Ai không kêu « kỳ », người đó... mới là « kỳ » !

Lại nghĩ nhảm vì thiếu đề tài

Viết cái mục lĩnh kinh này, nhiều khi thật bí đề tài. Không thể « chân thành cáo lỗi » vì nó là mục của anh-em-trong-nhà. Tiêu mục trên đây đã là tán nhảm, vậy mà ông xếp ti-pô còn đòi thêm trang nữa. Kéo dài thêm các tin « ngoài nước », dám bị chê trách là... vọng ngoại. Thôi, đành lại tán nhảm.

Độc *Bách-khoa thời-dại* số 293 (15.3.1969), trong một bài phỏng vấn, nhà văn Thế-Nguyên, với tư cách người chủ trương nhà xuất bản Trình-bày, khi đề cập tới sách dịch có ngổ ý « không nên quá khắc nghiệt về vấn đề dịch đúng hay sai nguyên tác... ».

Ý kiến dẫn trên khiến người đọc nhớ lại chủ trương gọi là *thuận dịch* của ông-thầy-phiên-dịch (chữ của các nhà phê bình Tàu) Triệu Cảnh Thâm, bèn Tàu. Ông Triệu chủ trương dịch sao « miễn cho xuôi lời dễ hiểu, dù có sai nguyên văn chút đỉnh cũng không sao. »

Ác cái là mỗi khi nhớ tới ông-thầy Triệu Cảnh Thâm, chúng ta lại khó mà quên được cuộc *tranh luận về phiên dịch* giữa hai phái *thuận-dịch* và *trực-dịch* (do Lỗ Tấn cầm đầu). Mà nhớ tới

cuộc tranh luận đó, chúng ta lại khó mà quên được giai thoại *voie lactée* mà ông-thầy-phiên-dịch Triệu Cảnh Thâm đã *thuận dịch* là « Ngưu nhũ lộ » (Đường sữa bò)!

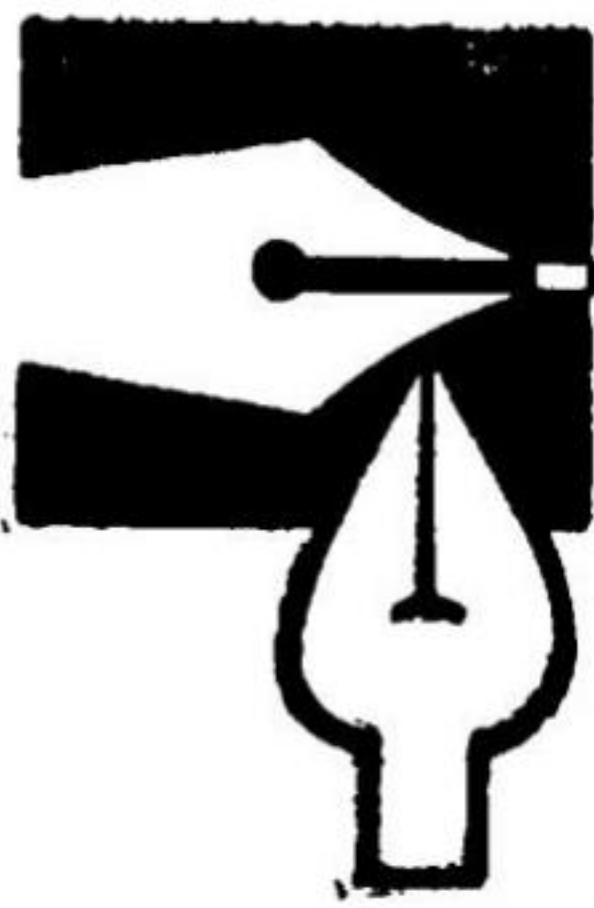
Phải (?) *thuận dịch* coi bộ hoạt động hăng hái ở xứ ta. Và những giai thoại về thuận dịch đại loại như trên coi bộ cũng không hiếm. Tiếc là chúng ta thiếu những nhà phê bình có cái can đảm của một Lô Tấn, nên chỉ đã có một vị giáo sư nọ (thưa vâng, đây cũng là một bậc-thầy thuận-dịch nữa) trong bản dịch *La Nausée* của Jean-Paul Sartre, đã thuận dịch *si* (trong *si* + *adjectif* + *que*) là *nếu*... Với cái đà đó, nhiều dịch giả khác đã « múa gậy vườn hoang, » tha hồ thuận dịch, coi nguyên tác như là ... viết sai!

Chúng tôi e là, không bao lâu nữa, các « giai thoại thuận dịch », tìm thấy trong nhiều dịch phẩm, sẽ còn có cơ phong phú, độc đáo, gay cấn hơn chuyện xưa ở bên Tàu nhiều...

Chúng tôi cũng muốn nhân đây, mong mỗi các dịch giả xứ ta thận trọng hơn nữa trong việc dịch văn. Chúng tôi ước mong là quý vị nếu không dịch được *hay* thì cũng xin dịch sao cho được *đúng*. Nhiều khi, nhiều độc giả đọc sách dịch không chỉ để thưởng thức, mà còn tìm nguyên tác, đem đối chiếu với bản dịch để học thêm ngoại ngữ và cách dịch văn nữa. Nếu quý vị dịch sai...

THU-TRUNG và các bạn

VĂN số 129
Tưởng-niệm Y-Uyên



Những đoản tác do Nguyễn Kim Phụng dịch đăng trong phần «đọc truyện Tolstoi» đều được dịch theo bản Anh-

dịch nhan «The short stories of Leo Tolstoy» do Arthur Mendel và Barbara Makanowitzky hợp dịch. Riêng truyện «Thiện ác đáo đầu», ông Lạc-Nhân, một cây bút kỳ cựu của làng báo Việt-nam, đã dịch theo bản Anh-dịch nhan «God sees the truth but waits», không rõ tên dịch giả.

Bức chân dung Léon Tolstoi in ngoài bìa tập VAN này, do ông Nguyễn Phi Hoanh, một họa sĩ tốt nghiệp Cao-đẳng Mỹ-thuật Paris, minh họa. Bản vẽ rút từ cuốn TOLSTOI, Nguyễn Phi Hoanh, Editions Nay, Saigon, 1939. Chúng tôi rất tiếc đã không thể liên lạc được với tác giả bức chân dung để xin phép trích đăng. Rất mong ông, hoặc những người thừa kế ông, vui nhận nơi đây lời cáo lỗi cùng lòng ghi ơn chân thành của chúng tôi.

VĂN số 129, như đã loan báo, sẽ là số đặc biệt dành đề tưởng niệm một cây bút trẻ vừa anh dũng gục ngã trên chiến trường: Y-UYÊN Nguyễn Văn Uy.

Cùng lúc, mong quý bạn tìm đọc TÂN VĂN số 12, tháng 4.1969, với thề tài đổi mới, đã được đông đảo bạn đọc hoan nghênh và ủng hộ...





GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

★ TRONG VÒNG TAY, 4 tác giả tự xuất bản. Sách in thạch bản, dày khoảng trăm trang, phổ biến hạn chế (Định-tường).

Thi phẩm của bốn tác giả: Phạm Linh Bằng, Mục Yên Trang, Lê Văn Phỉ, Lê Văn Chí.

● BÍ MẬT VŨ TRỤ, Trần Kim Thạch, Phạm Quang Khai xuất bản. Sách dày 112 trang dày, giá 80 đồng.

Tài liệu phổ thông nhưng đầy đủ, rõ rệt và mới nhất và nguồn gốc, hiện trạng và tương lai của địa cầu, nguyệt cầu và các tinh tú thuộc Thái-dương-hệ.

★ CON ĐƯỜNG HÀNH ĐỘNG, Lebret, Hoàng Quý và Nguyễn Quốc Bửu lược dịch. Thăng Tiến xuất bản. Sách dày 90 trang, giá 45 đồng.

Bản lược dịch cuốn « Principes pour l'action ».

● MÙA XUÂN VÀ NGUYỄN HUỆ, Võ Văn Phú, Tác giả tái bản. Sách dày 28 trang, khổ nhỏ, bản đặc biệt không ghi giá.

Văn thơ nhắc lại chiến công Đống-da.

★ KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI, Nguyễn Văn Xuân, Thời Mới xuất bản. Sách dày 136 trang, giá 90 đồng.

Khảo luận về văn học miền Nam. Tài liệu súc tích, lập luận mới, vững. Sách giúp ích nhiều cho văn giới và học giới.

● « ... QÊ HƯƠNG ... », Nguyễn Ngu Í, Ngê Bá Lí, Tân Fong Hiệp, Núi Cú Hòn Bà xuất bản. Tập A, dày khoảng 190 trang, không ghi giá bán.

Theo lời người giới thiệu, ông Nguyễn Hiến-Lê, thì đây là một tập kỷ thư chưa hề thấy trong văn học Việt-Nam, một tài liệu chính biểu lộ rõ nhất tâm hồn của một cuộc đời đau khổ nhất nhưng cũng đặc biệt nhất trong giới văn nghệ sĩ hiện đại: Nguyễn Ngu Í.

★ HUẾ BUỒN, Lữ Tùng Anh, Tác giả xuất bản. Sách dày 24 trang, giá 45 đồng.

Tập thơ thứ hai của Lữ Tùng Anh, gồm mười bài thơ. Sách phát hành hạn chế tại Huế.

● NÀNG TÌNH RỒNG, Cung Tích Biền, Trí Dũng xuất bản. Sách dày 320 trang, giá 165 đồng.

Tác phẩm mới của Cung Tích Biền là một truyện dài. Bìa Hồ Thành Đức. Sách bán chạy.

★ KHỦNG HOẢNG TẠI BẠCH CUNG, Robert Kennedy, Cao Đắc Bửu dịch, Văn Hữu xuất bản. Sách dày 152 trang, giá 75 đồng.

Bản dịch theo bản Pháp-dịch « Crise à la Maison Blanche ». Nguyên tác là « Thirteen days » thuật lại vụ khủng hoảng Cuba (hỏa tiễn Nga).

THƯ ĐI *Đim lại*

★ T/S Nguyễn Nghinh, Kbc. 3988.

Mường-Mán hiện đang học tại trường Võ-bị Thủ-dức. Chúng tôi rất tiếc chưa được biết địa chỉ của MM.

● Ông Trần Ngọc Kim, Phan-thiết.

Cũng muốn trả lời thư 18/3 của ông, nhưng thiếu địa chỉ và tem thư.

★ Ông Nguyễn Quang Huy, Nha-trang.

Muốn lấy lại bản thảo, xin gửi ngay tem thư.

LƯU Ý BẠN THƠ

để chào đón bình minh một thời đại văn hóa rực rỡ chắc chắn sắp đến, tôi đã viết gần xong cuốn

MƯỜI LĂM NĂM THI CA MIỀN NAM 1955 – 1969

với tâm địa rộng rãi nhất. Tha thiết xin các bạn nào đã âm thầm

sống chết với thơ trong khoảng thời gian trên mà không chịu xuất hiện gửi về cho tôi một ít thơ hay nhất của các bạn cho công trình của tôi thêm công bình — ý hướng lớn nhất của tôi khi khởi viết. Tôi cũng xin đội ơn ai chịu khó gửi về cho tôi mấy bài thơ của một người nào đó ký tên LAN đăng trong trang văn nghệ nhật báo Chuông Mai cách đây khoảng 10 năm trong đó có những câu :

*tôi đang mơ giấc mộng dài
dừng lay tôi nhé cuộc đời chung
quanh*

*tôi đang nhìn thấy màu xanh
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm*
thư bảo đảm đề Công-tằng Tôn-nữ Phùng Thăng, giáo sư Nòng Lâm Súc, Blao, nhờ chuyển cho Nguyễn Đức Sơn...

LƯU Ý BẠN ĐỌC :

Tòa soạn VĂN cần mua lại, theo giá cao, tuần báo NGHỆ THUẬT, số 44, tuần lễ từ 13.8 đến 19-8 năm 1966.

Bạn nào dư dùng, xin vui lòng nhượng lại, chúng tôi rất đổi cảm ơn.

NHẮN TIN CHUNG :

★ Quý bạn : Nguyễn Chí Kham (gl), Hà Thúc Sinh (fh), Lương Thái Sỹ (gl), T. H. T. (2/fh), C-T-N-M, Nguyễn Lệ Tuấn, T-K-T (2/gl) H-T-H (2), T-D-L, L-H-D, Khê Kinh

Kha (Jackson), Hoài Diễm Từ, Nguyễn Niệm Hy (fh), Yên Uyên Sa, Nguyễn Văn Ngọc, Huy Tường, Lưu Vân, Vu Đoàn.

Mong quý bạn vui lòng gửi cho Văn những sáng tác mới. Thân ái.

NHẮN TIN RIÊNG :

● anh Kinh Dương Vương, Huế.
Sẽ đăng truyện « Nhà cầu ».

★ cháu Y.L., Thị-nghè.

Gật đầu rồi đấy. Cháu còn cần cố gắng nhiều. (TPG).

● Thái Ngọc San (?)

Ở đâu, nóng lòng biết tin. (Quảng và Thuyền)

★ Hà Thúc Sinh, Cai-lậy (?)
Sẽ đăng bài thơ dịch B.B.

● Nguyễn Bạch Dương (?)
Sẽ đăng « Bài cách trí mới cho học đường ».

★ Trần Dzoãn Nho, Sài-gòn.

Sẽ đăng truyện « Con mắt thủy tinh ».

LƯU Ý QUÝ BẠN GỬI BÀI LAI CẢO :

● Lưu ý quý bạn có bài lai cảo đã yêu cầu tòa soạn giữ lại.

Hiện nay tòa soạn còn giữ lại một số khá nhiều bài lai cảo. Vậy yêu cầu quý bạn nào còn bài gửi lại

tòa soạn, hãy tới lấy ; ở xa xin gửi tem thư để tòa soạn phát hoàn. Quá ngày 1 tháng 5-1969, chúng tôi xin được hủy bỏ những bản thảo nào không có người nhận.

Cũng từ nay, chúng tôi sẽ không nhận giữ lại bản thảo các bài lai cảo nữa. Bạn nào muốn lấy lại bản thảo, trường hợp không được chọn đăng, xin nhớ gửi kèm tem thư cùng địa chỉ rõ ràng, để tòa soạn phát hoàn,

Mong quý bạn lưu ý và giúp giùm chúng tôi. Muôn vãn cảm tạ.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn có tên dưới đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

● VĂN

Quý bạn : Ngô-hòa Giũ-kha (fh). Từ Tĩnh Mặc (2/gl). Nguyễn Thị Thủy (fh). Trần Ngọc Kim. Duyên Phương Hà (fh). Hoàng Hiến. Tôn Thất Hy (fh). Duy Anh (2/fh). Hồng San. Thùy Duy Yên (fh). Thành Văn (gl). Vũ X (fh). Thi Hùng Ca (gl). Nguyễn Ngọc Bích (fh). Tàn Trọng (2/gl). Phong Khê

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

số 231-233-235 đường Phạm Ngũ Lão

Sài-gòn — Dãy nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN
CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu,
cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)

ĐÃ PHÁT HÀNH

TÂN VĂN

NGUYỆT-SAN SỐ 11

TRẦN THIÊN-ĐẠO, Herbert Marcuse trên đường tố-cáo xã-hội bội-kỹ-nghệ. — TRẦN THÁI-ĐÌNH : Sống và Chín hay là áp - dụng thuyết Cơ - cấu vào Dân - tộc - học. — NGUYỄN-VĂN XUÂN, Phong-trào Duy-tân hay cuộc vận-dộng lớn về Tân Văn-hóa và Dân-quyền. — NGUYỄN MẠNH-CƠN, đọc « Một mai khi hòa bình » của Nhã-Ca. — NGUYỄN HIẾN-LÊ, đọc « Đại-lễ và vũ-khúc của vua chúa Việt-nam » của Đỗ Bang Đoàn và Đỗ Trọng Huề. — ĐOÀN QUỐC SỸ, Sáu mây, truyện dài — NGUYỄN ĐỨC SƠN, bốn bài lục bát, thơ, — DƯƠNG NGHIÊM MẬU, Bông hồng cho Công - chúa, truyện ngắn.

Kha (Jackson), Hoài Diễm Từ, Nguyễn Niệm Hy (fh), Yên Uyên Sa, Nguyễn Văn Ngọc, Huy Tường, Lưu Vân, Vu Đoàn.

Mong quý bạn vui lòng gửi cho Văn những sáng tác mới. Thân ái.

NHẮN TIN RIÊNG :

● anh Kinh Dương Vương, Huế.
Sẽ đăng truyện « Nhà cầu ».

★ cháu Y.L., Thị-nghè.

Gật đầu rồi đấy. Cháu còn cần cố gắng nhiều. (TPG).

● Thái Ngọc San (?)

Ở đâu, nóng lòng biết tin. (Quảng và Thuyền)

★ Hà Thúc Sinh, Cai-lậy (?)
Sẽ đăng bài thơ dịch B.B.

● Nguyễn Bạch Dương (?)
Sẽ đăng « Bài cách trí mới cho học đường ».

★ Trần Dzoãn Nho, Sài-gòn.

Sẽ đăng truyện « Con mắt thủy tinh ».

LƯU Ý QUÝ BẠN GỬI BÀI LAI CẢO :

● Lưu ý quý bạn có bài lai cảo đã yêu cầu tòa soạn giữ lại.

Hiện nay tòa soạn còn giữ lại một số khá nhiều bài lai cảo. Vậy yêu cầu quý bạn nào còn bài gửi lại

tòa soạn, hãy tới lấy ; ở xa xin gửi tem thư để tòa soạn phát hoàn. Quá ngày 1 tháng 5-1969, chúng tôi xin được hủy bỏ những bản thảo nào không có người nhận.

Cũng từ nay, chúng tôi sẽ không nhận giữ lại bản thảo các bài lai cảo nữa. Bạn nào muốn lấy lại bản thảo, trường hợp không được chọn đăng, xin nhớ gửi kèm tem thư cùng địa chỉ rõ ràng, để tòa soạn phát hoàn,

Mong quý bạn lưu ý và giúp giùm chúng tôi. Muôn vãn cảm tạ.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn có tên dưới đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

● VĂN

Quý bạn : Ngô-hòa Giũ-kha (fh). Từ Tĩnh Mặc (2/gl). Nguyễn Thị Thủy (fh). Trần Ngọc Kim. Duyên Phương Hà (fh). Hoàng Hiến. Tôn Thất Hy (fh). Duy Anh (2/fh). Hồng San. Thùy Duy Yên (fh). Thành Văn (gl). Vũ X (fh). Thi Hùng Ca (gl). Nguyễn Ngọc Bích (fh). Tàn Trọng (2/gl). Phong Khê

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

số 231-233-235 đường Phạm Ngũ Lão

Sài-gòn — Dãy nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN
CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu,
cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)

ĐÃ PHÁT HÀNH :

TÂN VĂN

NGUYỆT-SAN SỐ 11

TRẦN THIÊN-ĐẠO, Herbert Marcuse trên đường tổ-cáo
xã-hội bội-kỹ-nghệ. — TRẦN THÁI-ĐỈNH : Sống và Chín
hay là áp - dụng thuyết Cơ - cấu vào Dân - tộc - học.
— NGUYỄN-VĂN XUÂN, Phong-trào Duy-'ân hay cuộc
vận-động lớn về Tân Văn-hóa và Dân-quyền. — NGUYỄN
MẠNH-CÔN, đọc « Một mai khi hòa bình » của Nhã-Ca.
— NGUYỄN HIẾN-LÊ, đọc « Đại-lễ và vũ-khúc của vua
chúa Việt-nam » của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề.
— ĐOÀN QUỐC SỸ, Sáu mây, truyện dài — NGUYỄN
ĐỨC SƠN, bốn bài lục bát, thơ, — DƯƠNG NGHIÊM
MẬU, Bông hồng cho Công - chúa, truyện ngắn.

SỐNG BẰNG SỰ NGHIỆP

tạp - văn

của

NGUYỄN MẠNH-CÔNG

NGUYỆT - SAN - VĂN - UYÊN

số 12 ● tháng 4-1969

giá 30 đồng